

Số: **3927**/BTC-NSNN
V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ
Luật NSNN (sửa đổi)

Hà Nội, ngày **27** tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội¹, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (Luật số 64/2025/QH15), Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi) theo trình tự, thủ tục rút gọn (đính kèm).

Để có cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền, đề nghị Quý cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có ý kiến đối với dự thảo hồ sơ của Bộ Tài chính, đồng thời chủ động đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung và nêu rõ lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung.

Ý kiến xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày **02/4/2025** (đồng thời, gửi file điện tử về địa chỉ vuxuantu@mof.gov.vn) để tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan. /*m*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Vụ/ Cục thuộc Bộ (để phối hợp);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải lấy ý kiến rộng rãi);
- Cục CNTT&CDS (để đăng tải lấy ý kiến rộng rãi);
- Lưu: VT, NSNN (**30 b**). *m*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Tấn Cạn

¹ Giao Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật Ngân sách nhà nước báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9.

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH**Dự án Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (số 64/2025/QH15 ngày 19/2/2025); Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Phiên họp thứ nhất, thứ hai Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số¹; Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13/11/2024 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2025²; Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV³; Nghị quyết số 255/NQ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ kèm theo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 1157/NQ-UBTVQH15 ngày 28/8/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023⁴, trên cơ sở ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về đánh giá và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2015⁵; Bộ Tài chính đã có Báo cáo số 68/BC-NSNN ngày 09/3/2025 báo cáo Chính phủ về việc sửa đổi toàn diện Luật NSNN năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Luật số

¹ Mục 6 khoản 2 Thông báo số 01-TB/BCĐTW ngày 22/1/2025: Đồng chí Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo và đồng chí Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo các cơ quan chức năng theo thẩm quyền sửa đổi, bổ sung và thông qua trong năm 2025 các Luật đã được Chính phủ chỉ ra trong chương trình hành động của Chính phủ: Luật Khoa học và Công nghệ, Luật NSNN...; cần tiến hành thật nhanh việc sửa đổi các luật để tạo đột phá trong tháo gỡ vướng mắc về thể chế.

Điểm a khoản 1 mục III Thông báo số 03-TB/BCĐTW ngày 6/3/2025: Tập trung xây dựng, sửa đổi, bổ sung các luật (trong đó có Luật NSNN) để trình Quốc hội xem xét biểu quyết thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

² Giao Chính phủ "chỉ đạo các cơ quan chuyên môn sớm xây dựng phương án sửa đổi Luật NSNN, gắn với việc sửa đổi cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi một cách tổng thể, thận trọng, có đánh giá tác động đầy đủ nhằm bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW trình Quốc hội xem xét, quyết định".

³ Tại khoản 1 đã giao Chính phủ "chỉ đạo các bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật NSNN báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9"

⁴ Giao Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Luật NSNN trình Chính phủ trình Quốc hội trong năm 2025.

⁵ Theo đề nghị tại Văn bản số 1839/BTC-NSNN ngày 17/2/2025 của Bộ Tài chính.

56/2024/QH15 ngày 29/11/2025⁶) và đề xuất xây dựng hồ sơ theo trình tự, thủ tục rút gọn, đồng thời có Văn bản số 3090/BTC-PC ngày 14/3/2025 và số 3422/BTC-NSNN ngày 20/3/2025 gửi Bộ Tư pháp đề xuất bổ sung vào Chương trình xây dựng pháp luật năm 2025 sửa đổi toàn diện Luật NSNN theo trình tự, thủ tục rút gọn. Ngày.../3/2025, Chính phủ đã có Nghị quyết số .../NQ-CP đồng ý báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép sửa đổi toàn diện Luật NSNN năm 2015 theo trình tự, thủ tục rút gọn. Bộ Tài chính xin báo cáo các nội dung chủ yếu của dự án Luật NSNN (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị:

- Văn kiện Đại hội Đảng XIII của Đảng: *"Đổi mới phân cấp NSNN, phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của NSTW, đồng thời bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích và thúc đẩy sáng tạo của chính quyền địa phương"*⁷.

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; thực hiện phân công tại điểm 2c Mục V phần phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị; trong đó giao Bộ Tài chính: *"Rà soát phân cấp NSNN - địa phương theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của NSTW"*, đề ra mục tiêu thu ngân sách trung ương (NSTW) chiếm 60-65% tổng thu NSNN.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập: *"NSNN chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công"*.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao: *"Chính sách tài chính về đất đai phải bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa Trung ương và địa*

⁶ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế TNCN, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính.

⁷ Trang 225 và 226 Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - Tập I.

phương; nghiên cứu có chính sách điều tiết chênh lệch địa tô, bảo đảm công khai, minh bạch”.

- Các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh 06 vùng kinh tế (Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁸; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁹; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 6/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045¹⁰; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045¹¹; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 3/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Miền Trung đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045¹² và Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045¹³).

- Kết luận số 93/KL-TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của ngân sách địa phương (NSDP), các cơ quan, đơn vị có liên quan “*Ban Cán sự đảng Chính phủ phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội, lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, thể chế hóa bằng hệ thống pháp luật để triển khai thực hiện; theo đó, xác định cụ thể các văn bản Luật cần sửa đổi, bổ sung để đưa vào chương trình xây dựng pháp luật theo hướng sửa đổi tổng thể Luật NSNN, Luật Quản lý thuế...trong đó lưu ý thời điểm triển khai để hạn chế tác động đến việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các địa phương”.*

- Kết luận số 97/KL-TW ngày 5/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về hội nghị lần thứ 10 khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2024-2025 “*tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu chi NSNN, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN; khẩn trương thực hiện Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế*

⁸ Đổi mới tư duy phát triển, nhất là về liên kết vùng; về cơ chế, chính sách đặc thù; về phân bổ nguồn lực

⁹ “*Khoi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức đối tác công – tư (PPP) gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương”*

¹⁰ Phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các công trình giao thông để phát huy tính chủ động của các địa phương, huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

¹¹ Phân cấp, phân quyền cho các địa phương trong vùng đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, thành phố, đặc biệt là các công trình giao thông đường bộ, đường sắt, hàng không để phát huy tính chủ động của các địa phương trong huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

¹² Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật về tài chính cho phép các địa phương huy động, phân bổ và chia sẻ nguồn lực để thực hiện các mục tiêu chung của vùng. Trong đó có hệ thống hạ tầng kết nối nội vùng, liên vùng, các dự án có quy mô và sức lan tỏa trong vùng và liên vùng.

¹³ Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách, đầu tư để khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu, tạo nguồn lực, động lực phát triển mới cho Thủ đô, vùng Thủ đô và toàn vùng; cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng.

phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị có liên quan, nhất là cho đầu tư phát triển”.

- Kết luận của Bộ Chính trị số 126-KL/TW ngày 14/2/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (sáp nhập các bộ, ban ngành trung ương; sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị hành chính chính cấp xã).

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Phiên họp thứ nhất, thứ hai Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số¹⁴.

b) Cơ sở pháp lý:

- Hiến pháp năm 2013 tại khoản 2 Điều 55 quy định: *"NSNN gồm NSTW và NSDP, trong đó NSTW giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm nhiệm vụ chi của quốc gia. Các khoản thu, chi NSNN phải được dự toán và do luật định".*

- Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 có nêu: *"Nghiên cứu, sửa đổi Luật NSNN và các văn bản pháp luật liên quan phù hợp với thực tiễn theo hướng đổi mới cơ chế phân cấp ngân sách, cơ bản khắc phục tình trạng lỏng lẻo trong quản lý NSNN, tăng vai trò chủ đạo của NSTW; đẩy mạnh phân cấp, khuyến khích các địa phương sáng tạo, tăng thu, huy động các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, tạo sự chủ động và tự chịu trách nhiệm cho chính quyền địa phương trong việc quyết định, sử dụng ngân sách. Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách đối với các cơ quan, đơn vị, nhất là đối với các cơ quan, đơn vị có cơ chế tài chính, ngân sách đặc thù; xây dựng cơ chế, chính sách quản lý tài chính, ngân sách đặc thù đối với một số địa phương có điều kiện, đặc biệt là các đô thị lớn nhằm huy động các nguồn thu, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn".*

- Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2022 giao Chính phủ *"sớm nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật NSNN và các văn bản pháp luật có liên quan để đổi mới cơ chế phân cấp NSNN, cơ bản khắc phục tình trạng lỏng lẻo trong quản lý NSNN, tăng cường vai trò chủ đạo của NSTW, đồng thời nâng cao tính chủ động cho các địa phương".*

¹⁴ Mục 6 khoản 2 Thông báo số 01-TB/BCĐTW ngày 22/1/2025: Đồng chí Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo và đồng chí Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo các cơ quan chức năng theo thẩm quyền sửa đổi, bổ sung và thông qua trong năm 2025 các Luật đã được Chính phủ chỉ ra trong chương trình hành động của Chính phủ: Luật Khoa học và Công nghệ, Luật NSNN...; cần tiến hành thật nhanh việc sửa đổi các luật để tạo đột phá trong tháo gỡ vướng mắc về thể chế.

Điểm a khoản 1 mục III Thông báo số 03-TB/BCĐTW ngày 6/3/2025: Tập trung xây dựng, sửa đổi, bổ sung các luật (trong đó có Luật NSNN) để trình Quốc hội xem xét biểu quyết thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

- Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2023 giao Chính phủ *“Nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật về tài chính trong lĩnh vực đất đai theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa NSTW và NSDP; có giải pháp củng cố, tăng cường vai trò chủ đạo của NSTW”*.

- Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13/11/2024 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2025 giao Chính phủ *“chỉ đạo các cơ quan chuyên môn sớm xây dựng phương án sửa đổi Luật NSNN, gắn với việc sửa đổi cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi một cách tổng thể, thận trọng, có đánh giá tác động đầy đủ nhằm bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW trình Quốc hội xem xét, quyết định”*.

- Đặc biệt, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã ban hành Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 giao Chính phủ *“chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật NSNN báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 theo kết luận của Bộ Chính trị, các nghị quyết của Quốc hội và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội”*.

2. Cơ sở thực tiễn

Trên cơ sở tổng kết 13 năm thực hiện, để khắc phục các tồn tại, bất cập của Luật NSNN năm 2002, Luật NSNN năm 2015 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25/6/2015, có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017 (sau đây gọi tắt là Luật NSNN). Sau khi Luật NSNN được Quốc hội thông qua, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành đầy đủ các Nghị quyết, Nghị định, Thông tư hướng dẫn để đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý và tổ chức tập huấn, tuyên truyền rộng rãi để thực hiện Luật từ năm ngân sách 2017.

Qua hơn 08 năm thực hiện (2017-2025), Luật NSNN đã đi vào cuộc sống, quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc quản lý và sử dụng NSNN, củng cố kỷ luật tài chính, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả ngân sách và tài sản của Nhà nước, tăng tích lũy nhằm thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu phát triển KT- XH, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện, những tác động khách quan làm thay đổi cơ cấu thu, NSTW vẫn giữ vai trò chủ đạo nhưng có xu hướng giảm, trong khi yêu cầu đòi hỏi cần tăng cường hơn nữa tính chủ động của NSDP; công tác xây dựng, tổng hợp dự toán NSNN và phân bổ NSTW, chấp hành, quyết toán NSNN cũng đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu đề ra soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu Đề án *“Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị có liên quan”* Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính đã nhiều lần báo cáo Ban

Cán sự đảng Chính phủ. Sau khi được Ban Cán sự đảng Chính phủ chấp thuận, Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính đã báo cáo Bộ Chính trị về Đề án và Bộ Chính trị đã có Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Cùng với mục tiêu tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, ổn định các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung; đồng thời, triển khai một bước Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024¹⁵, tại điều 4 đã sửa đổi, bổ sung 07 nội dung của Luật NSNN năm 2015¹⁶. Đồng thời trong giai đoạn 2021-2025, Quốc hội đã ban hành một số Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển một số địa phương¹⁷; trong năm 2024, cũng đã thông qua Luật Đầu tư công sửa đổi số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024. Trong những tháng đầu năm 2025, Quốc hội đã thông qua Luật Tổ chức Quốc hội (sửa đổi), Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi), Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) và một số Nghị quyết¹⁸ về sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bổ sung kế hoạch phát triển kinh tế -

¹⁵ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế TNCN, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính.

¹⁶ (i) Phân bổ vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn dự phòng NSNN hằng năm để thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn; (ii) Bố trí chi NSNN từ nguồn chi đầu tư công và chi thường xuyên để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác; (iii) Sử dụng vốn ĐTPT của NSDP cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển KT-XH và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình; (iv) Giao Chính phủ/UBND phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo UBND và báo cáo Quốc hội/Thường trực HĐND và báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất; (v) Cho phép NSDP được chi viện trợ; (vi) Cho phép các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ; (vii) Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam.

¹⁷ Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 và Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 38/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Cần Thơ; Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/06/2022 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế Khánh Hòa; Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15/11/2022 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

¹⁸ Các Nghị quyết: số 190/2025/QH15 về sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; số 192/2025/QH15 bổ sung kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Tuy nhiên, qua hơn 08 năm thực hiện, Luật NSNN năm 2015 cũng đã bộc lộ một số khó khăn, hạn chế, vướng mắc có tính cấp bách cần xử lý, tháo gỡ, một số quy định trong Luật chưa đáp ứng, phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Đồng thời, Quốc hội cũng đã ban hành các Luật, Nghị quyết để sửa đổi, quy định một số chính sách mới cho các đối tượng, ngành, lĩnh vực; quy định thí điểm cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù cho một số địa phương, cần nghiên cứu để luật hóa; trong khi cần phải thực hiện quyết liệt, hiệu quả chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; đáp ứng các vấn đề thực tiễn và bối cảnh phát triển mới, tạo sự chủ động, linh hoạt hơn cho các cấp, ngành, địa phương trong điều hành, quản lý NSNN. Cụ thể như sau:

(1) Phân cấp thu ngân sách không còn phù hợp với xu hướng, diễn biến các khoản thu ngân sách, làm giảm vai trò chủ đạo của NSTW, trong khi chưa thực sự khuyến khích tính tự chủ của các địa phương.

Quy định về phân cấp một số khoản thu giữa NSTW và NSDP chưa phù hợp với yêu cầu thực tế cần phải củng cố vai trò chủ đạo của NSTW và cũng chưa phù hợp với thông lệ quốc tế.

Phân cấp thẩm quyền ban hành chính sách thu cho địa phương còn hạn chế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ được ban hành mức thu đối với một số khoản phí, lệ phí trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí. Do vậy, không khuyến khích các địa phương có điều kiện có thể mở rộng cơ sở thu, điều chỉnh mức thu để điều tiết hợp lý các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn và tăng thu cho NSNN. Quốc hội đã thông qua một số Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù cho một số địa phương, trong đó đã quy định thẩm quyền cho địa phương được đề xuất tăng mức thuế hoặc thuế suất đối với một số hàng hóa tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường (đối với thành phố Hồ Chí Minh), quyết định danh mục và mức thu một số khoản phí, lệ phí (đối với thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ,...).

Việc quản lý nguồn lực của Nhà nước chưa tập trung. Một số nguồn thu của Nhà nước hiện nay chưa được phản ánh vào NSNN mà thực hiện thông qua các Quỹ tài chính ngoài ngân sách (như thu từ viễn thông công ích, phòng chống tác hại thuốc lá, bảo vệ môi trường rừng...). Việc quản lý các khoản viện trợ nước ngoài còn phân tán cho nhiều Bộ, cơ quan chủ quản.

(2) Phân cấp chi ngân sách còn bất cập, một số nhiệm vụ chi theo phân cấp giữa NSTW và NSDP chưa linh hoạt, chưa phù hợp với yêu cầu thực tế.

(3) Thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán thuộc Quốc hội, Ủy ban

Thường vụ Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân ở địa phương dẫn đến quy trình tổng hợp, thẩm định và thông qua mất nhiều thủ tục, thời gian (vì phải chờ đề cấp thẩm quyền thông qua tại kỳ họp), dẫn đến chậm phát huy hiệu quả nguồn lực của NSNN.

(4) Luật NSNN quy định trong thời kỳ ổn định ngân sách, ổn định tỷ lệ phân chia các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP; số bổ sung cân đối trong thời gian 05 năm trùng với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hoặc theo quyết định của Quốc hội. Sau mỗi thời kỳ ổn định, Luật yêu cầu các địa phương phải tăng mức tự chủ ngân sách (tăng tỷ lệ điều tiết nguồn thu về NSTW, giảm bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP). Cơ chế này chưa phù hợp và đã tạo ra sự co kéo, căng thẳng khi xác định dự toán thu, chi ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định, kể cả các địa phương có điều tiết về NSTW (trong trường hợp tỷ lệ điều tiết bị giảm dần) và các địa phương nhận bổ sung cân đối từ NSTW (trong trường hợp số bổ sung cân đối không tăng hoặc giảm).

(5) Về phân cấp quản lý nợ chính quyền địa phương, theo quy định hiện hành Quốc hội quyết định các chỉ tiêu bội chi, tổng mức vay của NSDP, trong đó chi tiết theo từng địa phương dẫn đến trong điều hành không điều chỉnh được giữa các địa phương. Trong trường hợp địa phương được phép vay bội chi nhưng không thực hiện, trong khi các địa phương khác có nhu cầu tăng mức vay, tăng bội chi trong hạn mức cho phép và có khả năng trả nợ lại không thực hiện được.

Ngoài ra, theo quy định hiện hành, các địa phương chỉ được phép vay lại từ NSTW đối với các khoản vay nước ngoài, không được phép vay lại các khoản vay trong nước. Vì vậy, đã hạn chế khả năng bổ sung nguồn lực cho chi đầu tư phát triển của các địa phương khi nguồn vốn ODA của Việt Nam giảm, đồng thời có thể làm tăng chi phí vay khi từng địa phương đứng ra vay trong nước.

(6) Theo quy định của Hiến pháp, Luật NSNN quy định hệ thống NSNN là thống nhất, bao gồm NSTW và NSDP; trong đó NSDP bao gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã). Với quy định như vậy thì hệ thống NSNN của Việt Nam mang tính lồng ghép, khác biệt so với hầu hết các nước trên thế giới. Hệ thống NSNN lồng ghép nên quy trình tổng hợp, xây dựng dự toán, quyết toán ngân sách phức tạp, trùng lặp, kéo dài. Đồng thời, pháp luật hiện hành chưa quy định rõ trách nhiệm giải trình của các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp dưới và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở địa phương trước Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan của Hội đồng nhân dân và các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trong việc lập, phân bổ, điều hành và quyết toán NSNN. Hiện nay, việc giải trình về thực hiện thu, chi NSNN trước các cơ quan của Quốc hội và Quốc hội tập trung chủ yếu vào cơ quan tài chính, trong khi đó việc sử dụng ngân sách lại do các Bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện dẫn đến không rõ trách nhiệm.

(7) Vai trò của NSTW trong hệ thống NSNN, mối quan hệ giữa NSTW và NSDP. Trong hệ thống NSNN, NSTW có vai trò quan trọng, có tính chất quyết định: Cơ bản đảm bảo nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, đối ngoại của quốc gia; thực hiện đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội có tính chất xương sống của đất nước; hỗ trợ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội những địa bàn vùng miền núi, vùng dân tộc đặc biệt khó khăn, khuyến khích góp phần thu hẹp dần chênh lệch về trình độ phát triển, thực hiện công bằng xã hội; đảm bảo hoạt động hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước. Điều 55 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định *“NSNN gồm NSTW và NSDP, trong đó NSTW giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo nhiệm vụ chi của quốc gia. Các khoản thu, chi NSNN phải được dự toán và do luật định”*. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, quy mô và cơ cấu thu, chi NSNN có nhiều biến động, NSTW vẫn giữ vai trò chủ động nhưng tỷ trọng nguồn thu của NSTW có xu hướng giảm dần. Văn kiện Đại hội Đảng XIII của Đảng¹⁹ đã chỉ rõ: *“Thu NSNN chưa bền vững, còn dựa vào các khoản thu từ vốn và thu từ đất đai có tính chất một lần, vai trò chủ đạo của NSTW chưa được phát huy. Chi thường xuyên vẫn chiếm tỷ lệ lớn”*.

(8) Chưa quy định rõ trách nhiệm giải trình của các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp dưới và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở địa phương trước Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan của Hội đồng nhân dân.

(9) Công tác xây dựng, tổng hợp dự toán NSNN và phân bổ NSTW, chấp hành, quyết toán NSNN cũng đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu để rà soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn.

Những khó khăn, hạn chế, vướng mắc, vấn đề nêu trên có cả nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do bối cảnh, tình hình mới của đất nước từ năm 2017 đến nay; quy mô, nguồn lực NSNN không ngừng tăng lên; năng lực xây dựng dự toán, quản lý điều hành và quyết toán NSNN của các bộ, ngành, địa phương được cải thiện; cùng yêu cầu đặt ra trong phân cấp, phân quyền, nâng cao sự chủ động, đổi mới, sáng tạo của các bộ, ngành, địa phương gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; yêu cầu phát triển mới của đất nước trong giai đoạn 2026-2030, tăng trưởng kinh tế 2 con số để hướng tới thực hiện mục tiêu Chiến lược 10 năm là đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển thu nhập cao.

Với cơ sở pháp lý và yêu cầu lý luận, thực tiễn như trên, việc xây dựng dự án

¹⁹ Điểm 1.1/1, Mục II Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT - XH 5 năm 2021-2025.

Luật NSNN sửa đổi tổng thể Luật NSNN năm 2015²⁰ là hết sức cần thiết, nhằm cụ thể hóa các định hướng của Đảng tại Văn kiện Đại hội Đảng XIII, các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã ban hành, các nghị quyết của Quốc hội.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (SỬA ĐỔI)

1. Mục tiêu

- Đổi mới cơ chế phân cấp nguồn thu giữa NSTW và NSDP đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, thúc đẩy vai trò chủ đạo của NSTW, tính chủ động của NSDP.

- Tiếp tục phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa Trung ương và địa phương. Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách gắn trực tiếp quyền và trách nhiệm của từng cấp và cấp nào thực hiện hiệu quả, kịp thời nhất thì giao cho cấp đó thực hiện.

- Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, đảm bảo công khai, minh bạch; thực hiện phân cấp, phân quyền trong việc ban hành cơ chế, chính sách thu, chi NSNN; xóa bỏ cơ chế xin - cho, để dẫn đến phát sinh tiêu cực, thủ tục hành chính trong công tác quản lý, phân bổ NSNN.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và giám sát của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân đối với NSNN; phân cấp thẩm quyền cho Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác điều hành NSNN đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân thông qua.

- Thúc đẩy cơ cấu lại NSNN, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tăng nguồn cho chi đầu tư phát triển; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình của đơn vị sử dụng ngân sách.

2. Quan điểm

- Đảm bảo thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về các chính sách tài chính, NSNN.

- Luật hoá những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm là phù hợp; rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để khắc phục được khó khăn, vướng mắc phát sinh đang gặp phải.

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của pháp luật. Xây dựng luật để quy định các vấn đề mang tính nguyên tắc, những vấn đề thường có sự biến động, thay đổi thì giao Chính phủ quy định chi tiết, đầy mạnh phân cấp, phân

²⁰ Đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế TNCN, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính.

quyền.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động, linh hoạt, phát huy cao nhất sức sáng tạo của các cấp, các ngành, các địa phương đi kèm với xác định cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm của từng chủ thể; nâng cao sự tự chủ của các địa phương theo tinh thần “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương tự chịu trách nhiệm*”.

- Kế thừa và phát huy những quy định hiện hành đã được thực tiễn chứng minh đem lại các tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của đất nước; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.

- Đảm bảo mục tiêu hội nhập quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Việc xây dựng hồ sơ dự án Luật NSNN (sửa đổi) được triển khai trong thời gian rất gấp, trên cơ sở quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2024, Bộ Tài chính đã có Báo cáo số 68/BC-NSNN ngày 09/3/2025 báo cáo Chính phủ về việc sửa đổi toàn diện Luật NSNN năm 2015, đồng thời có Văn bản số 3090/BTC-PC ngày 14/3/2025 và số 3422/BTC-NSNN ngày 20/3/2025 gửi Bộ Tư pháp đề xuất bổ sung vào Chương trình xây dựng pháp luật năm 2025 sửa đổi toàn diện Luật NSNN theo trình tự, thủ tục rút gọn. Trên cơ sở chấp thuận của Chính phủ tại Nghị quyết số .../NQ-CP ngày.../3/2025 và Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị quyết số.../UBTVQH15 ngày .../.../2025 đã đồng ý bổ sung vào Chương trình xây dựng pháp luật năm 2025 và cho phép sửa đổi toàn diện Luật NSNN năm 2015 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 1839/BTC-NSNN ngày 17/2/2025 gửi các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương đề nghị đánh giá và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật NSNN. Trên cơ sở đó, đã xây dựng hồ sơ Luật NSNN (sửa đổi) gửi lấy ý kiến của các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương (Văn bản số 3927/BTC-NSNN ngày 27/03/2025) và đăng trên cổng thông tin điện tử Chính phủ và Website của Bộ Tài chính. Đồng thời, Bộ Tài chính đã tổ chức một số hội thảo để xin ý kiến đóng góp trực tiếp của các bộ, ngành, địa phương.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương²¹ Bộ Tài chính hoàn thiện hồ sơ Luật NSNN (sửa đổi), gửi Bộ Tư pháp để thẩm định (Văn bản số .../BTC-NSNN ngày.../.../2025).

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày.../.../2025, Bộ Tài chính đã tiếp thu hoàn chỉnh hồ sơ trình Chính phủ về dự án Luật NSNN (sửa đổi) đính kèm.

²¹ Đến hết ngày / /2025, Bộ Tài chính đã nhận được .../.... ý kiến của các Bộ, cơ quan Trung ương và .../63 ý kiến của các địa phương.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Trên cơ sở kế thừa, tiếp tục phát huy các quy định đã được thực tiễn chứng minh phát huy hiệu quả của Luật NSNN hiện hành, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tiễn, tháo gỡ căn bản khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, hạn chế phát sinh trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cắt giảm, đơn giản hóa trình tự, thủ tục; đồng bộ, thống nhất với quy định tại các Luật, Nghị quyết của Quốc hội mới được ban hành và bổ sung một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách thí điểm, đặc thù đã áp dụng cho một số địa phương để áp dụng cho cả nước; sửa đổi để phù hợp với việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025.

2. Bố cục

Với phạm vi điều chỉnh như trên, bố cục của dự thảo Luật gồm 07 chương, 75 điều (sửa đổi 61 điều, bãi bỏ 02 điều; giữ nguyên số Chương so với Luật NSNN hiện hành). Cụ thể như sau:

- **Chương I:** Những quy định chung (gồm 18 điều: từ Điều 1 đến Điều 18, không tăng/giảm điều). Chương này kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành, sửa đổi, bổ sung một số quy định về giải thích từ ngữ; phạm vi thu, chi NSNN; nguyên tắc cân đối, quản lý, phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách; dự phòng NSNN; điều kiện thực hiện thu, chi NSNN; công khai ngân sách.

So với Luật NSNN hiện hành, Chương này giữ nguyên số Điều.

- **Chương II:** Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước và trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân về NSNN (gồm 15 điều: từ Điều 19 đến Điều 33, giảm 01 điều). Chương này kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành, sửa đổi, bổ sung một số quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp có thẩm quyền; quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến NSNN.

So với Luật NSNN hiện hành, Chương này bãi bỏ 01 điều về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ KH&ĐT (đã sát nhập vào Bộ Tài chính) để tổng hợp chung vào nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính.

- **Chương III:** Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp (gồm 06 điều, từ Điều 34 đến Điều 39, giữ nguyên tổng số điều). Chương này kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số quy định tại tất cả các điều.

- **Chương IV:** Lập dự toán NSNN (gồm 07 điều, từ Điều 40 đến Điều 46, giảm 01 điều). Chương này cơ bản kế thừa các quy định của Luật NSNN hiện hành (căn cứ, thời gian, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quá trình lập, thảo luận và trình dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW hằng năm); sửa đổi,

bổ sung yêu cầu về lập dự toán NSNN hằng năm.

So với Luật NSNN hiện hành, Chương này giảm **01** điều về Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (Điều 43 Luật NSNN hiện hành).

- **Chương V:** Chấp hành NSNN (gồm 14 Điều, từ Điều 47 đến Điều 60). Chương này kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành kế thừa toàn bộ các quy định của Luật NSNN hiện hành (tạm cấp ngân sách; điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách; tổ chức điều hành NSNN; báo cáo tình hình chấp hành NSNN; quản lý sử dụng ngân sách của các đơn vị sử dụng ngân sách; quản lý ngân quỹ nhà nước); sửa đổi, bổ sung, làm rõ hơn một số quy định về nhiệm kiểm tra phân bổ, giao dự toán, điều chỉnh dự toán NSNN, tổ chức thu NSNN, ứng trước dự toán ngân sách năm sau, xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ NSNN, xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành NSNN, bổ sung mới quy định về thường vượt dự toán thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu cho các địa phương, phân bổ sử dụng nguồn tăng thu và số dự toán chi còn lại của cấp ngân sách.

So với Luật NSNN hiện hành, Chương này giữ nguyên số Điều.

- **Chương VI:** Kế toán, kiểm toán và quyết toán NSNN (gồm 11 điều, từ Điều 61 đến Điều 71). Chương này kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành (kế toán, quyết toán NSNN; kiểm toán báo cáo quyết toán NSNN, báo cáo quyết toán NSDP; xử lý các khoản thu, chi NSNN không đúng quy định sau khi quyết toán NSNN được phê chuẩn); sửa đổi, bổ sung một số quy định về chuyển nguồn, yêu cầu quyết toán NSNN, duyệt và thẩm định quyết toán NSNN, về thời hạn và trình tự quyết toán NSNN, NSDP, xử lý kết dư ngân sách.

So với Luật NSNN hiện hành, Chương này giữ nguyên số Điều.

- **Chương VII:** Điều khoản thi hành (gồm 04 điều, từ Điều 72 đến Điều 75). Chương này kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành, sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều khoản chuyển tiếp và điều khoản thi hành.

V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

Trên cơ sở mục tiêu, quan điểm nêu tại Mục II Tờ trình; Bộ Tài chính trình Chính phủ những nội dung cơ bản của dự thảo Luật:

1. Những quy định chung (Chương I)

Kế thừa toàn bộ 08 điều của quy định của Luật NSNN hiện hành về phạm vi điều chỉnh (Điều 1), đối tượng áp dụng (Điều 2), áp dụng pháp luật (Điều 3), hệ thống NSNN (Điều 6), kế toán, quyết toán thu, chi NSNN (Điều 13), năm ngân sách (Điều 14), giám sát NSNN của cộng đồng (Điều 16), kế hoạch tài chính 05 năm (Điều 17), các hành vi bị cấm trong lĩnh vực NSNN (Điều 18).

Các quy định còn lại kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành, đồng thời có sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau đây:

(1) Về giải thích từ ngữ (Điều 4), sửa đổi, bổ sung các khái niệm về (i) Chi

đầu tư phát triển; (ii) Chi trả nợ lãi; (iii) Trả nợ gốc; (iv) Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Bỏ khái niệm số kiểm tra.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Đối với khái niệm “chi đầu tư phát triển”, sửa đổi khái niệm “*Chi đầu tư XD CB*” bằng “*Chi đầu tư công*” do đến nay khái niệm chi đầu tư XD CB ít được sử dụng trong các văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời mở rộng phạm vi khái niệm chi đầu tư phát triển của NSNN để bao quát hết các nhiệm vụ chi ĐTPT hiện nay mà NSNN đang phải bố trí nhưng cơ sở pháp lý chưa rõ ràng²².

Đối với khái niệm về “chi trả nợ lãi”, “trả nợ gốc”, bổ sung mới để xác định rõ (i) chi trả nợ lãi là nhiệm vụ chi của NSNN để thanh toán các khoản lãi, phí và chi phí khác phát sinh do hoạt động vay nợ của ngân sách, đối với trả nợ lãi từ việc vay về cho các doanh nghiệp vay lại không thuộc nghĩa vụ chi trả nợ lãi của NSNN; (ii) chi trả nợ gốc là nghĩa vụ trả nợ của NSNN đối với các khoản nợ gốc đến hạn phải trả của ngân sách, đối với trả nợ gốc của các doanh nghiệp từ nguồn vay lại, không thuộc nghĩa vụ chi trả nợ gốc của NSNN, đồng thời quy định rõ trả nợ gốc không tổng hợp vào chi cân đối ngân sách của từng cấp ngân sách.

Đối với khái niệm về quỹ tài chính nhà nước, bổ sung quy định để xác định rõ là quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

(2) Phạm vi thu NSNN (Điều 5), bỏ quy định đối với khoản thu phí do cơ quan nhà nước thu, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ, theo đó toàn bộ khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện nộp vào NSNN, đồng thời bố trí từ dự toán chi NSNN để đảm bảo chi hoạt động cung cấp dịch vụ, kể cả chi phí thu.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Do khó tách bạch các khoản chi cho hoạt động thu phí và các hoạt động thông thường của cơ quan quản lý nhà nước; đồng thời, để phản ánh đầy đủ các khoản thu, chi của NSNN, minh bạch các nội dung chi thông qua việc lập dự toán và bố trí dự toán chi NSNN; tương tự như các khoản chi phí liên tới hoạt động thu lệ phí, kiến nghị nộp 100% các khoản thu phí của cơ quan quản lý nhà nước vào NSNN và bố trí chi từ NSNN cho các hoạt động thu phí.

(3) Nguyên tắc cân đối NSNN (Điều 7), sửa đổi, bổ sung quy định mức dư nợ vay của chính quyền địa phương. Luật hiện hành quy định phân theo 03 nhóm địa phương, mỗi nhóm địa phương cứ vào khả năng ngân sách của từng địa phương và

²² Gồm: Chi đầu tư công từ NSNN theo quy định của pháp luật đầu tư công; chi thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ DNN; chi bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp/ngân hàng từ nguồn chia cổ tức phần lợi nhuận còn lại bằng cổ phiếu (sau khi đã nộp thuế, trích quỹ, và chia cổ tức bằng tiền mặt); chi thực hiện các cam kết của Chính phủ với nhà đầu tư nước ngoài,...

tỷ lệ thu NSDP được hưởng theo phân cấp so với chi thường xuyên. Sửa đổi, bổ sung thu gọn từ 03 nhóm địa phương xuống còn 02 nhóm địa phương và nâng mức dư nợ vay: nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ NSTW, mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu NSDP được hưởng theo phân cấp; nhóm các địa phương nhận bổ sung cân đối từ NSTW, mức dư nợ vay không vượt quá 80% số thu NSDP được hưởng theo phân cấp.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để đảm bảo mức dư nợ vay các địa phương đã được Quốc hội quyết định tại Luật Thủ đô và Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù; mặt khác, việc xác định mức dư nợ của địa phương theo tỷ lệ thu NSDP được hưởng theo phân cấp so với chi thường xuyên sẽ thay đổi hằng năm, thậm chí sẽ có sự khác nhau giữa khi xác định theo dự toán ngân sách đầu năm và thực hiện cuối năm, dẫn khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

(4) Nguyên tắc quản lý NSNN (Điều 8), sửa đổi một số nguyên tắc quản lý chi NSNN, các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại thực hiện theo quy định của Chính phủ; trường hợp phát sinh nhiệm vụ chi chưa được dự toán hoặc dự toán bố trí chưa đủ thì báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán cho phép thực hiện; ưu tiên bố trí chi NSNN cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bố trí ngân sách để thực hiện các nghĩa vụ của nhà nước trong các cam kết quốc tế, cam kết với các nhà đầu tư. Đối với hỗ trợ từ NSNN cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, bổ sung quy định để hỗ trợ kinh phí để thực hiện mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời bỏ điều kiện hỗ trợ là phải có khả năng tài chính độc lập, nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của NSNN. Mở rộng phạm vi về nhiệm vụ chi NSNN được bố trí từ hai nguồn (chi đầu tư công và chi thường xuyên) đối với chi cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; chi phí chuẩn bị, phê duyệt dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

(5) Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách (Điều 9), do bỏ thời kỳ ổn định ngân sách nên bãi bỏ các nguyên tắc quy định liên quan đến thời kỳ ổn định ngân sách để đảm bảo tính chủ động của địa phương cấp tỉnh; đồng thời, phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp đã được Bộ Chính trị quyết định.

Luật NSNN hiện hành quy định thời kỳ ổn định ngân sách là ổn định số bổ sung cân đối và tỷ lệ phần trăm phân chia giữa NSTW và NSDP và được ổn định 5 năm trùng với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sau mỗi thời kỳ ổn định, các địa phương phải tăng mức tự chủ ngân sách (tăng tỷ lệ điều tiết nguồn thu về NSTW, giảm bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP).

Lý do, cơ sở đề xuất bãi bỏ: Cơ chế này chưa phù hợp và đã tạo ra sự co kéo, căng thẳng khi xác định dự toán thu, chi ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định. Trong thời kỳ ổn định ngân sách, địa phương tăng thu được hưởng toàn bộ số tăng thu, không thể san sẻ với NSTW trong trường hợp NSTW hụt thu trong khi đó kết thúc năm ngân sách khi có địa phương giảm thu, NSTW vẫn phải bổ sung nguồn lực để hỗ trợ địa phương giảm thu. Mặt khác, để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW, tỷ lệ phân từng khoản thu phân chia giữa NSTW với NSDP cho từng nhóm địa phương sẽ được quy định cụ thể trong Luật NSNN.

(6) Dự phòng NSNN (Điều 10), bổ sung nội dung “*không bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (nếu có)*” để thống nhất về phạm vi xác định mức bố trí dự toán dự phòng NSNN từ 2% đến 4% trên tổng chi ngân sách mỗi cấp; bổ sung quy định để mở rộng phạm vi chi từ nguồn dự phòng đối với chia sẻ phần giảm doanh thu đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, các nhiệm vụ chưa được bố trí dự toán hoặc đã được bố trí dự toán nhưng chưa đủ.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Việc hiểu và vận dụng quy định pháp luật này thời gian qua không thống nhất, đồng thời Quốc hội đã thông qua Luật số 57/2024/QH14 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, tại khoản 19 Điều 3 đã có quy định sử dụng nguồn dự phòng NSNN dành cho đầu tư phát triển để thanh toán cơ chế chia sẻ doanh thu giảm, vì vậy bổ sung các quy định trên để thống nhất trong triển khai tổ chức thực hiện.

(7) Quỹ dự trữ tài chính (Điều 11), điều chỉnh lại thời hạn phải hoàn trả cho quỹ “*ngay trong năm ngân sách*” thành “*trong vòng 12 tháng kể từ ngày tạm ứng*” khi cho ngân sách tạm ứng để đáp ứng các nhu cầu chi theo dự toán chi ngân sách khi nguồn thu chưa tập trung kịp hoặc hụt thu phải bố trí nguồn năm sau để thực hiện.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi để đảm bảo khả thi trong việc chủ động cân đối nguồn ngân sách để hoàn trả, đồng thời vẫn đảm bảo nguyên tắc bảo toàn quỹ.

(8) Về công khai NSNN (Điều 15), sửa đổi, bổ sung theo hướng:

- Quy định cụ thể hơn đối tượng thực hiện công khai, nội dung công khai:

+ Quy định rõ đối tượng thực hiện công khai gồm: Các cấp NSNN; các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ; bổ sung thêm đối tượng công khai là các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách²³.

²³ Bổ sung thêm các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Theo chuẩn mực quốc tế (thống kê tài chính chính phủ GFS2014 của IMF), phạm vi khu vực chính phủ bao trùm cả các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ. Do vậy, để đảm bảo tính minh bạch, ngoài việc công khai NSNN, cần công khai tình hình tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ. Tuy nhiên, theo quy định hiện nay, Chính phủ/UBND cấp tỉnh chỉ tổng hợp, báo cáo Quốc hội/HĐND cấp tỉnh tình hình tài chính của các quỹ tài chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của cấp mình; chưa tổng hợp, báo cáo tình hình tài chính của các đơn

+ Quy định rõ nội dung công khai cho từng đối tượng thực hiện công khai. Đồng thời, bổ sung quy định nội dung công khai kết luận của cơ quan Thanh tra và kết quả việc thực hiện kết luận thanh tra về NSNN của cơ quan Thanh tra (trừ những nội dung không được công khai theo quy định của pháp luật).

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Tiếp cận các chuẩn mực quốc tế về công khai minh bạch ngân sách; giúp người dân tiếp cận, nắm bắt đầy đủ, kịp thời các thông tin về NSNN và tham gia đóng góp ý kiến, giám sát việc phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN.

- Bổ sung yêu cầu bắt buộc đối với các cơ quan, đơn vị có Cổng thông tin điện tử phải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Tiếp thu ý kiến của một số Bộ, cơ quan trung ương, địa phương; đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân giám sát, tiếp cận thông tin thuận lợi, hiệu quả.

- Bỏ quy định về thời gian công khai.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Kiến nghị giao Chính phủ quy định cụ thể để đảm bảo tính linh hoạt trong triển khai thực hiện.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước và trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân về NSNN (Chương II)

Kế thừa toàn bộ 06 điều của quy định của Luật NSNN hiện hành về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước (Điều 23), nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước (Điều 24), nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng nhà nước (Điều 27), nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán (Điều 31), nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư (Điều 32), Quyền hạn, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến NSNN (Điều 33).

Các quy định còn lại kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành, đồng thời có sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau đây:

(1) Đối với nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, kiến nghị bổ sung thẩm quyền *"quyết định điều chỉnh dự toán thu, chi của một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương"* trong phạm vi bội chi NSNN, mức vay nợ cho NSNN đã được Quốc hội quyết định, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất - thẩm quyền này thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định của Luật NSNN hiện hành.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Những năm qua, thực hiện Luật NSNN 2015, Chính phủ đã trình Quốc hội việc bổ sung thu NSNN, chi NSNN từ nguồn tích lũy cải cách tiền lương NSTW (để

ngoài cân đối NSNN hằng năm) để thực hiện tăng lương cơ sở. Việc bổ sung tăng tổng thu, chi NSNN trong trường hợp này không làm thay đổi bội chi, nợ công. Việc Quốc hội quyết định các chỉ tiêu bội chi, tổng mức vay của NSDP, trong đó chi tiết theo từng địa phương dẫn đến trong điều hành không điều chỉnh được giữa các địa phương do đây là chỉ tiêu pháp lệnh đã giao, trường hợp điều chỉnh sẽ phải trình lại Quốc hội. Ngoài ra, trong quá trình điều hành NSNN, trường hợp cần phải điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi của một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Chính phủ phải tổng hợp báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc điều chỉnh.

Theo đó, quy trình tổng hợp, thẩm định và thông qua mất nhiều thủ tục, thời gian (vì phải chờ đề cấp thẩm quyền thông qua tại kỳ họp), dẫn đến chậm phát huy hiệu quả nguồn lực của NSNN. Vì vậy, kiến nghị phân cấp giao Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh dự toán đã được Quốc hội thông qua.

(2) Về nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương (Điều 28), bổ sung nhiệm vụ *“giải trình với cơ quan chức năng khi được yêu cầu”*.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Quy định rõ trách nhiệm giải trình của các bộ, cơ quan trung ương trước Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội trong việc lập, phân bổ, điều hành và quyết toán NSNN.

(3) Về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (Điều 29), bổ sung quyền hạn *“được phép ban hành một số khoản thu phí, lệ phí ngoài danh mục của Luật phí và lệ phí đã quy định”*.

Lý do, cơ sở đề xuất bổ sung:

Theo quy định hiện hành, chỉ Quốc hội mới có quyền ban hành và bổ sung, sửa đổi các loại thuế (Chính phủ, chính quyền địa phương không được ban hành chính sách thuế). Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được phép ban hành mức thu phí, lệ phí trong danh mục của Luật phí và lệ phí đã quy định. Giữa hai kỳ họp Quốc hội, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các loại phí, lệ phí báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trong quá trình triển khai thực hiện Luật NSNN đến nay, Quốc hội đã ban hành Luật Thủ đô và một số Nghị quyết của Quốc hội cho phép một số địa phương thí điểm thực hiện ban hành thêm một số khoản phí, lệ phí ngoài danh mục của Luật phí và lệ phí đã quy định.

Việc thí điểm việc cho phép một số địa phương được mở rộng ban hành thêm một số khoản phí, lệ phí ngoài danh mục là do trên địa bàn các địa phương (đặc biệt là các đô thị lớn) có một số loại phí, lệ phí chưa được quy định như thu phí đậu đỗ xe ô tô, thu phí các loại phương tiện cơ giới cá nhân tham gia lưu thông vào khu vực trung tâm, phí thuê vỉa hè, phạt vi phạm hành chính trên địa bàn,...nên đề xuất cần trao thêm thẩm quyền cho các địa phương được chủ động, linh hoạt trong thực hiện

chính sách phí, lệ phí, tạo điều kiện cho địa phương có công cụ tăng cường chức năng quản lý nhà nước tại địa bàn, đồng thời có thêm nguồn thu ngân sách trên địa bàn để phát huy hiệu quả vai trò công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô của chính sách phí, lệ phí nhất là đối với một số lĩnh vực, ngành nghề cần ưu tiên phát triển, có tăng trưởng tốt; đồng thời, tái phân phối thu nhập xã hội tốt hơn cho nền kinh tế, tạo dư địa nguồn lực tài chính bổ sung cần thiết đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chi của các địa phương trong bối cảnh cần phấn đấu tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn 2026-2030.

(4) Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân (Điều 30), bổ sung thẩm quyền “*điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương*” và định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất - thẩm quyền này thuộc Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật NSNN hiện hành. Đối với Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, bổ sung thẩm quyền “*Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Hội đồng nhân dân giao*”.

Lý do, cơ sở đề xuất bổ sung:

Cơ sở đề xuất bổ sung thẩm quyền của Ủy ban nhân dân đối với điều chỉnh dự toán, tương tự như nội dung tại điểm (1) nêu trên, kiến nghị phân cấp giao Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định việc điều chỉnh dự toán đã được Quốc hội thông qua.

Tạo sự chủ động giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trong một số trường hợp cấp bách, cần thiết có thể ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức cụ thể kịp thời, để thực hiện ngay.

(5) Sửa đổi, bổ sung nội dung tại một số điều, khoản tại Chương này và các Chương khác đảm bảo tính thống nhất để ưu tiên chi NSNN thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cập nhật điều chỉnh tên gọi của các cơ quan có liên quan cho phù hợp với tên gọi mới; đồng thời, biên tập lại cho phù hợp với kết cấu tổng thể.

3. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp (Chương III)

Kế thừa một phần quy định của Luật NSNN hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung tất cả các điều tại Chương này; một số nội dung chính sửa đổi, bổ sung như sau:

(1) Về phân cấp nguồn thu giữa NSTW và NSDP (Điều 35 và Điều 37): Sửa đổi, bổ sung như sau: Đối với nhóm các khoản thu NSTW và NSDP hưởng 100% cơ bản giữ như quy định hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung điều chỉnh thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và thuế bảo vệ môi trường đối với mặt hàng xăng, dầu nhập khẩu (*Luật hiện hành NSTW hưởng 100%*), thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất (*Luật hiện hành NSDP hưởng 100%*) sẽ thực hiện phân chia giữa NSTW và NSDP. Đồng thời, quy định cụ thể ngay trong Luật tỷ lệ phân từng khoản thu phân

chia giữa NSTW với NSDP cho từng nhóm địa phương²⁴ theo đúng Kết luận số 93 của Bộ Chính trị (phương án đề xuất này là trên cơ sở đơn vị hành chính cấp tỉnh hiện nay - Tỷ lệ phân chia các khoản thu này sẽ được Bộ Tài chính xác định lại theo đơn vị hành chính cấp tỉnh Quốc hội quyết định đảm bảo phù hợp mục tiêu tăng cường phân cấp, phân quyền, tự chủ nguồn lực và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương). Riêng đối với thuế giá trị gia tăng, sau khi hoàn thuế giá trị gia tăng thực hiện phân chia NSTW 70%, NSDP 30%, việc phân chia cho từng địa phương được thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định hằng năm.

Trong tổ chức thực hiện, trường hợp NSTW giảm vai trò chủ đạo hoặc có biến động lớn về thu, chỉ NSNN giữa các địa phương, Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh tỷ lệ phân chia các khoản thu phân chia nên trên cho phù hợp.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Khắc phục tồn tại, hạn chế của Luật NSNN dẫn đến vai trò chủ đạo của NSTW có xu hướng giảm (thu NSTW trong tổng thu NSNN năm 2000 mức 75%, năm 2011 mức 61,8%, đến năm 2020 là 52,2% và đến năm 2024 chỉ còn là 51%), trong khi tỷ trọng thu NSDP ngày càng tăng theo quy mô tăng thu hằng năm theo Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị có liên quan; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao: *“Chính sách tài chính về đất đai phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa Trung ương và địa phương; nghiên cứu có chính sách điều tiết chênh lệch địa tô, bảo đảm công khai, minh bạch”*.

(2) Về phân cấp nhiệm vụ chi giữa NSTW và NSDP (Điều 36 và Điều 38),

²⁴ Thuế TNDN (trừ thuế TNDN từ hoạt động dầu khí và thuế bổ sung theo quy định chống sói mòn cơ sở thuế toàn cầu), thuế TNCN thực hiện phân chia: NSTW hưởng 72% số thu trên địa bàn TP. Hà Nội và TP.HCM; 45% số thu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương; 30% đối với các địa phương còn lại. Ngân sách từng địa phương được hưởng tương ứng tỷ lệ phân chia phần còn lại;

Thuế TTĐB, trừ khoản hoàn thuế TTĐB (nếu có) và thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu thực hiện phân chia: NSTW hưởng 80% số thu trên địa bàn TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; 70% số thu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương; 50% đối với các địa phương còn lại. Ngân sách từng địa phương được hưởng tương ứng tỷ lệ phân chia phần còn lại;

Thuế BVMT thực hiện phân chia: NSTW hưởng 80%, NSDP hưởng 20% số thu trên địa bàn;

Thuế GTGT (không bao gồm số thuế GTGT được hoàn theo quy định của Luật thuế GTGT) thực hiện phân chia: NSTW hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí do UBND tỉnh quyết định hằng năm.

Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý, các địa phương không nhận bổ sung cân đối, NSTW hưởng 30%; NSDP hưởng 70%. Các địa phương nhận bổ sung cân đối, NSTW hưởng 20%; NSDP hưởng 80%;

Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp thực hiện phân chia: NSTW hưởng 70%, NSDP hưởng 30%.

các quy định cơ bản kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung phạm vi lĩnh vực khoa học, công nghệ, *đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Đề thể chế hóa Nghị quyết số 97-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

(3) Về nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương (Điều 37), sửa đổi theo hướng bỏ quy định nguyên tắc khi Hội đồng nhân dân phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương cho cấp huyện và cấp xã, để trao quyền chủ động cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Luật sửa đổi: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, bao gồm tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách từng cấp ở địa phương phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng vùng, từng địa phương.”*

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Trao quyền chủ động cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và phù hợp định hướng bỏ cấp huyện theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 của Bộ Chính trị về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025.

(4) Về Hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (điểm d khoản 3 Điều 37), đề xuất bỏ quy định: *“Mức hỗ trợ được xác định cụ thể cho từng chương trình, dự án. Tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương quy định tại điểm này tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương”*.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để đảm bảo phù hợp với định hướng là phân cấp cho địa phương thẩm quyền cũng như thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, các cơ quan trung ương hạn chế thực hiện đầu tư dự án; khi đó, NSTW sẽ hỗ trợ địa phương thực hiện các chương trình, dự án.

4. Lập dự toán NSNN (Chương IV)

Kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau đây:

(1) Về căn cứ lập dự toán NSNN (Điều 40), cơ bản kế thừa Luật NSNN hiện hành.

- Sửa đổi khoản 3 như sau *“quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách ~~ché độ thu ngân sách nhà nước~~; định mức phân bổ ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSNN”*, đồng thời sửa đổi tương ứng tại các điều, khoản khác để đảm bảo tính thống nhất.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Do có nhiều khoản thu NSNN không

phải là khoản thu thuế, phí, lệ phí (ví dụ thu tiền sử dụng đất,...) vì vậy sửa đổi, bổ sung để bao quát đầy đủ các khoản thu hiện nay.

- Bỏ khoản 7²⁵, theo đó không thực hiện giao số kiểm tra hằng năm cho các bộ, ngành, địa phương.

Lý do đề xuất bỏ:

a) Quy định về tính pháp lý của số kiểm tra mang tính hình thức, thực tiễn triển khai, số kiểm tra chưa đi vào thực chất, lý do chủ yếu do công tác dự báo thu chưa sát nên số kiểm tra thu thường được giao cao, trong khi số kiểm tra chi thường giao thấp và chưa bao quát hết phạm vi chi do tại thời điểm xây dựng số kiểm tra, các chính sách, chế độ chi chưa được ban hành đầy đủ, chưa bao quát hết được khối lượng, nhiệm vụ sẽ thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương nên chưa thật sự trở thành căn cứ quan trọng, có ý nghĩa lớn trong định hướng xây dựng dự toán NSNN.

b) Theo định nghĩa tại khoản 22 Điều 4 Luật NSNN hiện hành, số kiểm tra chỉ có tính chất định hướng, không phải là cam kết bố trí dự toán, không phải số trần hay số sàn nên các cơ quan, đơn vị, địa phương không bị ràng buộc nên thường có xu hướng tập trung vào các nhu cầu cụ thể của từng năm, dẫn đến thói quen lập dự toán tăng dần cho các nhu cầu phát sinh mới theo thời gian, mở rộng chi tiêu công quá mức trong những năm kinh tế phát triển, không chủ động dành nguồn lực lường trước các khó khăn trong tương lai đã thu hẹp dư địa.

c) Luật pháp hiện hành không cho phép cơ quan tài chính được từ chối đối với trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán cao hơn số kiểm tra nên (i) khó duy trì kỷ luật ngân sách; (ii) hiệu quả phân bổ; và (iii) hiệu quả hoạt động.

(2) Về yêu cầu lập dự toán NSNN (Điều 41), cơ bản kế thừa Luật NSNN hiện hành, sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau “*Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án, đề án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chế độ, chính sách, tiêu chuẩn định mức chi (nếu có); các nhiệm vụ chi cần thiết khác dự kiến phát sinh cần bố trí nguồn để thực hiện.*”. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 “*Dự toán chi thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong nhiều năm được lập trên cơ sở khả năng thực hiện hằng năm và tổng mức kinh phí đã được phê duyệt (nếu có).*”.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Thực tiễn triển khai quy định yêu cầu lập dự toán trên cơ sở nhiệm vụ được giao, được phê duyệt, chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định của cấp thẩm quyền như Luật NSNN 2015 có nhiều vướng mắc. Một là chưa rõ nhiệm vụ được giao, được cấp thẩm quyền phê duyệt chi tiết ở mức nào (phê duyệt kế hoạch, chủ trương, quyết định thực hiện...). Hai là, tại thời điểm tổng hợp dự toán

²⁵ “số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách thông báo cho các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan”

(theo quy định của Luật NSNN 2015, bộ, ngành, địa phương gửi Báo cáo cho Bộ Tài chính vào 20 tháng 7 hằng năm), nhiều cơ quan, đơn vị thường chưa xác định, phê duyệt, quyết định được toàn bộ các nhiệm vụ cần triển khai trong năm sau, nhất là đối với các nhiệm vụ triển khai theo chủ trương, định hướng của Đảng, pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các nhiệm vụ chi cần thiết khác dự kiến phát sinh cần bố trí nguồn để thực hiện.

Về các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện trong nhiều năm: thực tiễn ngoài chương trình mục tiêu quốc gia, còn có các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện trong nhiều năm. Các năm qua, đều tổng hợp, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội nguyên tắc, tiêu chí và phương án phân bổ chi tiết tại báo cáo phân bổ NSTW (đối với các trường hợp đối tượng thực hiện gồm nhiều bộ, ngành, địa phương).

Vì vậy, kiến nghị bổ sung những nội dung này cho phù hợp thực tiễn.

(3) Về Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (quy định tại Điều 43 Luật NSNN 2015), đề nghị bỏ. Trên cơ sở đó, bỏ các nội dung quy định về nội dung này tại các điều, khoản khác có liên quan.

Lý do, cơ sở đề xuất bỏ nội dung:

a) Thực tiễn triển khai, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm của các bộ, địa phương chưa đi vào thực chất. Nội dung 02 năm tiếp theo của Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm sơ sài, không phản ánh được các mục tiêu, định hướng chiến lược của ngành, lĩnh vực sẽ cần đạt được.

b) Hiện nay, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, kế hoạch đầu tư công trung hạn đều được xây dựng trong mỗi giai đoạn là 05 năm; chưa có kế hoạch lập 03 năm cuốn chiếu tương ứng.

c) Tính pháp lý yếu, chỉ mang tính tham khảo.

(4) Về thời gian hướng dẫn, lập, xây dựng và tổng hợp, quyết định và giao dự toán NSNN (Điều 42): Cơ bản kế thừa Luật NSNN hiện hành; không quy định về mốc thời gian cụ thể Chính phủ gửi các báo cáo dự toán ngân sách đến đại biểu Quốc hội do còn phụ thuộc vào thời gian, chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đồng thời, kiến nghị giao Chính phủ quy định cụ thể để tạo sự chủ động, linh hoạt trong điều chỉnh các mốc thời gian xây dựng dự toán của các cơ quan, đơn vị và tổng hợp dự toán của cơ quan tài chính.

5. Chấp hành NSNN (Chương V)

Kế thừa toàn bộ các quy định tại 6 Điều của Luật NSNN hiện hành về: Tạm cấp ngân sách (Điều 51); Điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách (Điều 53); Tổ chức điều hành NSNN (Điều 54); Báo cáo tình hình chấp hành

NSNN (Điều 60); Quản lý sử dụng ngân sách của các đơn vị sử dụng ngân sách (Điều 61) và Quản lý ngân quỹ nhà nước (Điều 62).

Các quy định còn lại kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành, đồng thời có sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau đây:

(1) Về phân bổ và giao dự toán NSNN (Điều 47), cơ bản kế thừa quy định tại Luật NSNN hiện hành, sửa khoản 2 về trách nhiệm kiểm tra phân bổ dự toán của cơ quan tài chính theo 1 trong 2 phương án sau:

Phương án 1: Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực của dự toán được giao; các nhiệm vụ, đề án ngoài định mức đảm bảo thống nhất từ khâu lập đến khâu phân bổ dự toán. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách.

Phương án 2: Căn cứ quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ (đối với đơn vị dự toán cấp I ở trung ương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị dự toán cấp I ở địa phương), cơ quan tài chính có trách nhiệm thông báo tổng dự toán chi tiết các nội dung, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền đảm bảo thống nhất từ khâu lập đến khâu phân bổ dự toán.

Căn cứ quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thông báo tổng dự toán chi tiết của cơ quan tài chính, các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi được giao; đúng chính sách chế độ, tiêu chuẩn định mức chi theo quy định của Luật NSNN; gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

Trong quá trình tổng hợp kết quả phân bổ dự toán của các đơn vị dự toán cấp I (thực hiện trong quý I của năm ngân sách), cơ quan tài chính thực hiện đối chiếu số liệu phân bổ với tổng mức dự toán được giao và chi tiết từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao, trường hợp phát hiện phân bổ của đơn vị dự toán cấp I không phù hợp, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại phương án phân bổ.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để khắc phục tình trạng phân bổ nhiều lần, kéo dài; đồng thời, tạo chủ động, gắn với nâng cao trách nhiệm của đơn vị dự toán cấp I và đơn vị sử dụng ngân sách trong việc phân bổ, sử dụng dự toán được giao.

(2) Về trách nhiệm phân bổ và giao dự toán NSNN (Điều 48), cơ bản kế thừa quy định tại Luật NSNN hiện hành, sửa Điểm b Khoản 2 về giao dự toán đối với các khoản được bổ sung trong năm, bổ sung quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân

dân trong việc giao dự toán và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về việc quyết định giao đối với khoản dự toán được bổ sung.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để tăng cường phân cấp cho Ủy ban nhân dân chủ động trong việc giao các khoản dự toán bổ sung, đẩy nhanh tiến độ tiến giải ngân.

(3) Về điều chỉnh dự toán NSNN (Điều 50), sửa đổi bổ sung các khoản 1, 2, 3 về điều chỉnh dự toán NSNN theo hướng quy định rõ về thẩm quyền quyết định của Quốc hội trong việc điều chỉnh khi có biến động làm tăng mức vay, bội chi NSNN so với dự toán cần phải điều chỉnh tổng thể; Chính phủ quyết định điều chỉnh dự toán thu, chi của một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương nhưng không làm tăng mức vay, bội chi NSNN, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương quyết định điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để làm rõ hơn phân cấp về thẩm quyền của các cơ quan, tăng cường phân cấp cho Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương trong công tác điều hành dự toán NSNN đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân thông qua.

(4) Về tổ chức thu NSNN (Điều 53), cơ bản kế thừa quy định Luật hiện hành, sửa điểm c khoản 3 theo hướng bỏ trách nhiệm đơn đốc thu của Cơ quan thu.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để phù hợp với Luật Quản lý Thuế quy định người nộp thuế tự khai, tự nộp và tự chịu trách nhiệm về nghĩa vụ với NSNN.

(5) Về tổ chức chi NSNN (Điều 56), cơ bản kế thừa quy định tại Luật NSNN hiện hành, bỏ quy định tại khoản 1.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để tránh trùng lặp do đã được quy định tại khoản 4 Điều 8.

(6) Về ứng trước dự toán ngân sách năm sau (Điều 55), sửa Khoản 1 về ứng trước dự toán ngân sách năm sau theo hướng mở rộng đối tượng (bao gồm tất cả các cấp ngân sách) và phạm vi được ứng trước dự toán năm sau (bao gồm cả chi đầu tư và chi thường xuyên) thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ quan trọng của ngân sách các cấp; bỏ quy định chỉ ứng trước đối với các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; đồng thời, nâng mức ứng trước từ 20% lên 30% tổng dự toán chi của chương trình, nhiệm vụ, dự án.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: để chủ động trong điều hành, đáp ứng xử lý kịp thời các nhiệm vụ chi phát sinh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án.

(7) Về xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành

NSNN (Điều 57), sửa khoản 2 về phân bổ nguồn tăng thu và số dự toán chi còn lại của cấp ngân sách: Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân phương án phân bổ số tăng thu và các khoản dự toán chi NSNN còn lại (thay cho khái niệm các khoản tiết kiệm chi NSNN); bổ quy định thứ tự ưu tiên khi phân bổ cho các nhiệm vụ từ các nguồn này; mở rộng phạm vi được sử dụng để bổ sung tăng dự phòng ngân sách, các nhiệm vụ cần thiết khác chưa được bố trí dự toán ngân sách năm sau; bổ quy định tại khoản 4 sử dụng tăng thu để thường vượt dự toán thu phân chia cho ngân sách cấp dưới và bổ sung mới quy định về thường vượt dự toán thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu cho các địa phương *“Trường hợp địa phương có số thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới đất liền tăng thu so với dự toán trung ương giao, NSTW trích một phần theo tỷ lệ không quá 10% số tăng thu thường cho địa phương, tối đa 200 tỷ đồng và không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước”*.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để chủ động nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chi phát sinh của NSNN các cấp trong quá trình điều hành. Bổ sung mới quy định về thường vượt dự toán thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu cho các địa phương nhằm thể chế hóa quy định tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị: số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045²⁶; số 23-NQ/TW ngày 6/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045²⁷).

6. Kế toán, kiểm toán và quyết toán NSNN (Chương VI)

Kế thừa toàn bộ các quy định tại 03 Điều của Luật NSNN hiện hành về: Kế toán, quyết toán NSNN (Điều 63); Kiểm toán báo cáo quyết toán NSNN, báo cáo quyết toán NSDP (Điều 71); Xử lý các khoản thu, chi NSNN không đúng quy định sau khi quyết toán NSNN được phê chuẩn (Điều 73).

Các quy định còn lại kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau đây:

(1) Về xử lý thu, chi NSNN cuối năm (Điều 62), sửa khoản 3,4 về chuyển nguồn sang năm sau theo hướng: thay thế cụm từ *“Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm...”* thành *“Chi mua sắm, sửa chữa đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng...”*; bổ sung phạm vi được chuyển nguồn bao gồm các khoản phụ cấp, trợ cấp, các khoản tính theo tiền lương, nguồn thực hiện chính sách an sinh xã hội, chi khoa học (thay cho kinh phí nghiên cứu khoa học), công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi mua tăng, mua bù hàng dự trữ quốc gia; chi viện trợ cho các Chính phủ nước ngoài theo Hiệp định; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác

²⁶ Sửa đổi, bổ sung chính sách tài chính, chính sách thuế đối với các dự án thủy điện quan trọng và hoạt động xuất, nhập khẩu tại các cửa khẩu theo hướng tăng tỷ trọng nguồn thu được phân bổ cho các địa phương trong vùng.

²⁷ Nghiên cứu chính sách tài chính, thuế đối với các dự án thủy điện có quy mô lớn và hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phù hợp.

định cụ thể nhiệm vụ chi; các khoản kinh phí phải hoàn trả ngân sách cấp trên theo kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong việc đảm bảo đủ nguồn để thực hiện các cam kết của cơ quan nhà nước với các tổ chức, cá nhân thông qua hợp đồng đã ký kết; đáp ứng yêu cầu đảm bảo nguồn lực thực hiện các chính sách ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo Nghị quyết của Đảng; đồng bộ với quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia; phù hợp với yêu cầu quản lý trong thực tiễn đối với các nguồn thu viện trợ không hoàn lại, chỉ viện trợ cho nước ngoài theo cam kết, hiệp định.

(2) Về yêu cầu quyết toán NSNN (Điều 63), cơ bản kế thừa quy định tại Luật hiện hành, sửa khoản 4 về yêu cầu quyết toán NSNN theo hướng cho phép các khoản viện trợ không hoàn lại được quyết toán theo thực tế giải ngân.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Trong thực tế điều hành có phát sinh nhiều khoản viện trợ không hoàn lại phải sử dụng theo yêu cầu của nhà tài trợ, nhưng chưa được bố trí trong dự toán thu, chi NSNN, nhất là các khoản viện trợ cứu trợ khẩn cấp, khắc phục lũ lụt, thiên tai, dịch bệnh,... Theo quy định hiện hành phải trình cấp có thẩm quyền để bổ sung dự toán làm cơ sở thanh toán, quyết toán NSNN. Để chủ động cho các đơn vị triển khai thực hiện giải ngân vốn theo yêu cầu của nhà tài trợ, quyết toán kịp thời vào NSNN các khoản viện trợ phát sinh trong điều hành.

(3) Về xét duyệt quyết toán NSNN năm (Điều 66), sửa quy định về xét duyệt quyết toán NSNN năm theo hướng quy định rõ trách nhiệm đơn vị dự toán cấp trên chỉ xét duyệt và ra thông báo duyệt quyết toán đối với đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; đồng thời kết cấu lại nội dung các điểm, khoản của Điều này.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để đáp ứng rút ngắn thời gian duyệt quyết toán tại các Nghị quyết số 22/2021/QH15 và Nghị quyết số 53/2022/QH15 của Quốc hội; tăng cường phân cấp, làm rõ trách nhiệm của các đơn vị dự toán ngân sách, khắc phục tình trạng chông chéo trong việc xét duyệt đối với quyết toán của các đơn vị dự toán cấp dưới và đơn vị sử dụng ngân sách.

(4) Về thẩm định quyết toán NSNN (Điều 66): bỏ quy định về thẩm định thay bằng tổng hợp quyết toán NSNN; đồng thời quy định rõ các cơ quan tổng hợp quyết toán bao gồm đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp báo cáo quyết toán NSNN thuộc phạm vi quản lý gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp, đối với đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp; cơ quan tài chính các cấp tổng hợp quyết toán của đơn vị dự toán cấp mình và quyết toán năm của ngân sách cấp dưới (thay cho việc thẩm định hiện nay).

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để đáp ứng rút ngắn thời gian duyệt quyết toán tại các Nghị quyết số 22/2021/QH15 và Nghị quyết số 53/2022/QH15

của Quốc hội; tăng cường phân cấp, làm rõ trách của các đơn vị dự toán cấp trên và của cơ quan tài chính các cấp, gắn với việc tăng cường trách nhiệm của các đơn vị dự toán cấp dưới và đơn vị sử dụng ngân sách.

(5) Về lập, tổng hợp quyết toán (Điều 64, 66) và thời hạn và trình tự quyết toán NSDP (Điều 67), NSNN (Điều 68): Chuyển khoản 3 Điều 68 gộp chung vào Điều 67 để quy định chung vào nhóm các cơ quan tổng hợp quyết toán NSNN. Sửa các khoản tại Điều 67 về thời hạn và trình tự quyết toán NSDP; các khoản tại Điều 68 về thời hạn và trình tự quyết toán NSNN theo hướng rút ngắn thời gian lập, tổng hợp, trình quyết toán, đảm bảo Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn quyết toán trước ngày 31 tháng 3 năm sau, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn trước ngày 20 tháng 7 năm sau; Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN vào kỳ họp cuối năm sau.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để đảm bảo đồng bộ, đáp ứng rút ngắn thời gian duyệt quyết toán yêu cầu tại các Nghị quyết số 22/2021/QH15 và Nghị quyết số 53/2022/QH15 của Quốc hội và nội dung Báo cáo số 574/BC-CP ngày 20/10/2023 của Chính phủ trình Quốc hội về lộ trình rút ngắn quy trình, thời gian quyết toán NSNN hằng năm.

(6) Về xử lý kết dư NSNN (Điều 70): sửa khoản 1, 2 về xử lý kết dư theo hướng bỏ quy định kết dư được sử dụng để chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay của NSNN; đồng thời bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý; đối với các nội dung mang tính kỹ thuật về phạm vi, cách xác định kết dư cần quy định chi tiết tại Nghị định của Chính phủ.

7. Điều khoản thi hành (Chương VII)

Kế thừa quy định của Luật NSNN hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung nội dung tại 03 Điều để quy định:

(1) Hướng dẫn thi hành đối với một số nội dung đặc thù (Điều 72): Quy định thành phố Hà Nội thực hiện cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù theo quy định của Luật Thủ đô. Đồng thời quy định khoản 1, 2 và khoản 7 Điều 34 Luật Thủ đô hết hiệu lực, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

(2) Điều khoản chuyển tiếp (Điều 73), Bộ Tài chính đề xuất như sau:

“1. Đối với quyết toán ngân sách năm 2024, quy trình, cơ sở lập dự toán ngân sách năm 2026 áp dụng theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.

2. Đối với quy định về phân chia khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 34 Luật này được thực hiện từ năm ngân sách 2026.”

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung:

- Hướng dẫn thi hành đối với một số nội dung đặc thù: Căn cứ quy định tại Điều 4 Luật Thủ đô²⁸, đề nghị quy định cụ thể việc hết hiệu lực thi hành một số quy định về cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đã được quy định của Luật Thủ đô như sau: Quy định khoản 1, 2 và khoản 7²⁹ Điều 34 Luật Thủ đô hết hiệu lực, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

- Quy định cụ thể điều khoản chuyển tiếp việc áp dụng pháp luật đối với quyết toán NSNN năm 2024, thực hiện quy định của Luật NSNN năm 2015 vì cấp xã và cấp huyện ở từng địa phương hiện nay đã và đang thực hiện công tác quyết toán để trình Hội đồng nhân dân phê chuẩn. Đối với dự toán NSNN năm 2026, do quy trình, cơ sở lập dự toán phải được tiến hành ngay từ tháng 5 năm 2025 (trước ngày 15 tháng 5, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau) - thời điểm Quốc hội dự kiến thông qua Luật NSNN; nên các căn cứ, yêu cầu lập dự toán, cơ sở lập dự toán thực hiện theo các quy định mới tại dự thảo Luật NSNN này sẽ không kịp triển khai thực hiện, do vậy kiến nghị quy trình, cơ sở lập dự toán ngân sách năm 2026 áp dụng theo các quy định của Luật NSNN số 83/2015/QH13, riêng đối với quy định về phân chia khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại dự thảo Luật này được thực hiện từ năm ngân sách 2026.

(3) Hiệu lực thi hành (Điều 74), dự thảo Luật quy định thời điểm có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026. Luật NSNN số 83/2015/QH13 và Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

VI. MỘT SỐ NỘI DUNG XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ cho ý kiến về:

1. Về các nội dung của dự án Luật, nhất là các quy định về phân cấp, phân quyền, các quy định mới, quy định để nhằm thể chế hóa các cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù đã được Quốc hội cho phép áp dụng tại dự thảo Luật.

2. Việc phân cấp thẩm quyền của Quốc hội cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ; của Chính phủ cho Thủ tướng Chính phủ; Hội đồng nhân dân cho Ủy ban nhân dân trong quyết định giao dự toán, điều chỉnh dự toán NSNN.

²⁸ Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô về cùng một vấn đề mà cần áp dụng thì phải quy định cụ thể ngay về việc áp dụng pháp luật trong luật, nghị quyết đó.

²⁹ Điều 34. Huy động nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

1. Trường hợp NSTW tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa NSTW với ngân sách Thành phố, NSTW trích 30% của số tăng thu để thưởng cho ngân sách Thành phố, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện thu năm trước.

2. NSTW bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố toàn bộ số tăng thu NSTW từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao sau khi đã thực hiện thường vượt dự toán các khoản thu quy định tại khoản 1 Điều này và số tăng thu từ các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% trên địa bàn so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao...

7. Ngân sách Thành phố được giữ lại toàn bộ phần NSTW được hưởng theo tỷ lệ phân chia các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố để tập trung tạo nguồn lực ưu tiên hỗ trợ di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở thuộc danh mục phải di dời quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này và hỗ trợ thực hiện các dự án trọng điểm của Thủ đô.

3. Các quy định về lập, chấp hành, quyết toán NSNN; điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành của Luật.

4. Giao Bộ Tài chính chủ trì tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật NSNN (sửa đổi), trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; giao Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội về dự án Luật NSNN (sửa đổi).

(Xin gửi kèm theo: (1) dự thảo Luật NSNN (sửa đổi); (2) bản so sánh dự thảo sửa đổi với Luật NSNN năm 2015; (3) Bản giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương; (4) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

Trên đây là Tờ trình dự án Luật NSNN (sửa đổi), Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg và các Phó TTg;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ NSNN (2).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng

Dự thảo lần 2

LUẬT
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Áp dụng pháp luật

- Việc lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Bội chi ngân sách nhà nước** bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh. Bội chi ngân sách trung ương được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách trung ương không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu ngân sách trung ương. Bội chi ngân sách

địa phương cấp tỉnh là tổng hợp bội chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương, được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách cấp tỉnh không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương.

2. *Cam kết bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước* là sự chấp thuận theo quy định của pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc bố trí dự toán chi năm sau hoặc các năm sau cho chương trình, dự án, nhiệm vụ.

3. *Chi dự trữ quốc gia* là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để mua hàng dự trữ theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

4. *Chi đầu tư phát triển* là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

5. *Chi thường xuyên* là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

6. *Chi trả nợ lãi* là nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh để thanh toán các khoản lãi, phí và chi phí khác phát sinh do hoạt động vay nợ của ngân sách cấp mình (không bao gồm lãi, phí và chi phí khác từ việc vay về cho các doanh nghiệp vay lại).

7. *Trả nợ gốc* là nghĩa vụ trả nợ của ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh đối với các khoản nợ gốc đến hạn phải trả của ngân sách cấp mình (không bao gồm trả nợ gốc đối với các khoản vay về để cho doanh nghiệp vay lại). Trả nợ gốc không tổng hợp vào chi cân đối ngân sách của từng cấp ngân sách.

8. *Dự phòng ngân sách nhà nước* là một khoản mục trong dự toán chi ngân sách chưa phân bổ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định ở từng cấp ngân sách.

9. *Đơn vị dự toán ngân sách* là cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách.

10. *Đơn vị dự toán cấp I* là đơn vị dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách.

11. *Đơn vị sử dụng ngân sách* là đơn vị dự toán ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách.

12. *Kết dư ngân sách* là chênh lệch lớn hơn giữa tổng số thu ngân sách so với tổng số chi ngân sách của từng cấp ngân sách sau khi kết thúc năm ngân sách.

13. *Ngân sách địa phương* là các khoản thu ngân sách nhà nước phân

cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương.

14. *Ngân sách nhà nước* là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

15. *Ngân sách trung ương* là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp trung ương.

16. *Phân cấp quản lý ngân sách* là việc xác định phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách trong việc quản lý ngân sách nhà nước phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội.

17. *Quỹ dự trữ tài chính* là quỹ của Nhà nước, hình thành từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

18. *Quỹ ngân sách nhà nước* là toàn bộ các khoản tiền của Nhà nước, kể cả tiền vay có trên tài khoản của ngân sách nhà nước các cấp tại một thời điểm.

19. *Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách* là quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

20. *Số bổ sung cân đối ngân sách* là số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối ngân sách để thực hiện nhiệm vụ được giao.

21. *Số bổ sung có mục tiêu* là số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể.

Điều 5. Phạm vi ngân sách nhà nước

1. Thu ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí và các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện;

b) Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương;

- d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Chi ngân sách nhà nước bao gồm:
 - a) Chi đầu tư phát triển;
 - b) Chi dự trữ quốc gia;
 - c) Chi thường xuyên;
 - d) Chi trả nợ lãi;
 - đ) Chi viện trợ;
 - e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.
- 3. Bội chi ngân sách nhà nước.
- 4. Tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước.

Điều 6. Hệ thống ngân sách nhà nước

- 1. Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
- 2. Ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương.

Điều 7. Nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước

1. Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện. Việc ban hành chính sách thu, chi ngân sách phải bảo đảm nguyên tắc cân đối ngân sách trong trung hạn, dài hạn và thực hiện các cam kết về hội nhập quốc tế.

2. Ngân sách nhà nước được cân đối theo nguyên tắc tổng số thu từ thuế, phí, lệ phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên và góp phần tích lũy ngày càng cao để chi đầu tư phát triển; trường hợp còn bội chi thì số bội chi phải nhỏ hơn số chi đầu tư phát triển, tiến tới cân bằng thu, chi ngân sách; trường hợp đặc biệt Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên.

4. Bội chi ngân sách trung ương được bù đắp từ các nguồn sau:

- a) Vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính phủ, công trái xây dựng Tổ quốc và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật;
- b) Vay ngoài nước từ các khoản vay của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và phát hành trái phiếu chính phủ ra thị trường quốc tế, không

bao gồm các khoản vay về cho vay lại.

5. Bội chi ngân sách địa phương:

a) Chi ngân sách địa phương cấp tỉnh được bội chi; bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

b) Bội chi ngân sách địa phương được bù đắp bằng các nguồn vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật;

c) Bội chi ngân sách địa phương được tổng hợp vào bội chi ngân sách nhà nước và do Quốc hội quyết định. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện được phép bội chi ngân sách địa phương để bảo đảm phù hợp với khả năng trả nợ của địa phương và tổng mức bội chi chung của ngân sách nhà nước.

6. Mức dư nợ vay của ngân sách địa phương:

a) Đối với các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp;

b) Đối với các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, mức dư nợ vay không vượt quá 80% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp.

Điều 8. Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước

1. Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất, tập trung dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng; có phân công, phân cấp quản lý; gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

2. Toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào ngân sách nhà nước.

3. Các khoản thu ngân sách thực hiện theo quy định của các luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật.

4. Các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trừ các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Trường hợp phát sinh nhiệm vụ chi chưa được dự toán hoặc dự toán bố trí chưa đủ thì báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán cho phép thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật này.

5. Bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các chủ trương, chính

sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế; phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giảm nghèo bền vững; phát triển nông nghiệp, nông thôn, y tế; chính sách dân tộc; thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và những chính sách quan trọng khác.

6. Bố trí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh phí hoạt động của bộ máy nhà nước; các nghĩa vụ của nhà nước trong các cam kết quốc tế, cam kết với các nhà đầu tư.

7. Ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.

8. Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm; ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Chính phủ.

9. Bảo đảm chi trả các khoản nợ lãi đến hạn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

10. Việc quyết định đầu tư và chi đầu tư chương trình, nhiệm vụ, dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải phù hợp với Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan. Đối với chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn phân bổ vốn từ nguồn tăng thu, số dự toán chi còn lại và nguồn dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 59 của Luật này.

Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đầu tư, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, đúng mục đích.

11. Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được bố trí từ hai nguồn (chi đầu tư công và chi thường xuyên): Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; chi phí chuẩn bị, phê duyệt dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án; mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

12. Ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật; bố trí kinh phí cho các quỹ thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và

chuyển đổi số theo quy định của pháp luật chuyên ngành, phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước.

Điều 9. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách

1. Ngân sách trung ương, ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể.

2. Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi quốc gia, hỗ trợ địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật này.

3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

4. Việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm giảm thu, tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

5. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm. Trừ các trường hợp sau:

a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nghiêm trọng và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nghiêm trọng và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác;

d) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có

sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình. Chính phủ quy định chi tiết điểm này.

6. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

7. Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương.

8. Trường hợp thực hiện điều ước quốc tế dẫn đến giảm nguồn thu của ngân sách trung ương, Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương.

Điều 10. Dự phòng ngân sách nhà nước

1. Mức bố trí dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách mỗi cấp, không bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (nếu có).

2. Dự phòng ngân sách nhà nước sử dụng để:

a) Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh, chia sẻ phần giảm doanh thu đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán hoặc đã bố trí dự toán nhưng chưa đủ;

b) Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này;

c) Chi hỗ trợ các địa phương khác theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 của Luật này.

3. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước:

a) Chính phủ quy định thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội việc sử dụng dự phòng ngân sách trung ương và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất;

b) Ủy ban nhân dân các cấp quyết định sử dụng dự phòng ngân sách

cấp mình, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

Điều 11. Quỹ dự trữ tài chính

1. Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) lập quỹ dự trữ tài chính từ các nguồn tăng thu, kết dư ngân sách, bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật. Số dư của quỹ dự trữ tài chính ở mỗi cấp không vượt quá 25% dự toán chi ngân sách hằng năm của cấp đó, không bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (nếu có).

2. Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Cho ngân sách tạm ứng để đáp ứng các nhu cầu chi theo dự toán chi ngân sách khi nguồn thu chưa tập trung kịp và phải hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày tạm ứng;

b) Trường hợp thu ngân sách nhà nước hoặc vay để bù đắp bội chi không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định và thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán mà sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, được sử dụng quỹ dự trữ tài chính để đáp ứng các nhu cầu chi nhưng mức sử dụng trong năm tối đa không quá 70% số dư đầu năm của quỹ.

3. Chính phủ quy định thẩm quyền quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính.

Điều 12. Điều kiện thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước

1. Thu ngân sách nhà nước phải được thực hiện theo quy định của Luật này, các luật về thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ trường hợp quy định tại Điều 49 của Luật này; đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi và đáp ứng các điều kiện trong từng trường hợp sau đây:

a) Đối với chi đầu tư phát triển phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan;

b) Đối với chi thường xuyên phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện theo

cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí thì thực hiện theo quy chế chỉ tiêu nội bộ và phù hợp với dự toán được giao tự chủ;

c) Đối với chi dự trữ quốc gia phải bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;

d) Đối với những gói thầu thuộc các nhiệm vụ, chương trình, dự án cần phải lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hoá, xây lắp phải tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

đ) Đối với những khoản chi cho công việc thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch phải theo quy định về giá hoặc phí và lệ phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 13. Kế toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước

1. Thu, chi ngân sách nhà nước được hạch toán bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp các khoản thu, chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do cơ quan có thẩm quyền quy định để hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước tại thời điểm phát sinh.

2. Các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước phải được hạch toán kế toán, quyết toán đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ.

3. Kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện thống nhất theo pháp luật kế toán nhà nước, mục lục ngân sách nhà nước và quy định của Luật này.

4. Chứng từ thu, chi ngân sách nhà nước được phát hành, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Năm ngân sách

Năm ngân sách bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước

1. Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; kế hoạch tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được công khai theo quy định sau đây:

a) Nội dung công khai:

Các cấp ngân sách công khai số liệu và báo cáo thuyết minh các tài liệu ngân sách, gồm có: dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách, dự kiến kế hoạch tài chính năm của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định; tình hình thực hiện ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn (trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia và các tài liệu, số liệu được giao dự toán dưới dạng Mật theo quy định);

Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác (nếu có); tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước, kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; kết luận thanh tra và kết quả việc thực hiện kết luận thanh tra về ngân sách nhà nước của các cơ quan Thanh tra (trừ những nội dung không được công khai theo quy định của pháp luật).

Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách công khai kế hoạch tài chính đã được cấp có thẩm quyền giao, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính (6 tháng, năm) và quyết toán tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các chương trình, dự án đầu tư công thực hiện công khai theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư công.

b) Việc công khai được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên Cổng thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội. Đối với các cơ quan, đơn vị có Cổng thông tin điện tử, yêu cầu bắt buộc phải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

2. Công khai thủ tục ngân sách nhà nước:

a) Đối tượng phải thực hiện công khai gồm các cơ quan thu, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước;

b) Nội dung công khai bao gồm: các quy định về quy trình, thủ tục kê khai, thu, nộp, miễn giảm, gia hạn, khoan nợ, hoàn lại các khoản thu; tạm ứng, cấp phát, thanh toán ngân sách nhà nước;

c) Việc công khai được thực hiện bằng các hình thức niêm yết tại nơi giao dịch và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

3. Nội dung công khai phải bảo đảm đầy đủ theo các chỉ tiêu, biểu mẫu do Bộ Tài chính quy định.

4. Các đối tượng có trách nhiệm phải thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, nếu không thực hiện công khai đầy đủ, đúng hạn thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết về công khai ngân sách nhà nước.

Điều 16. Giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng

1. Ngân sách nhà nước được giám sát bởi cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức việc giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng. Nội dung giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng gồm:

a) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng năm;

c) Việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 15 của Luật này.

2. Chính phủ quy định chi tiết về giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng.

Điều 17. Kế hoạch tài chính 05 năm

1. Kế hoạch tài chính 05 năm là kế hoạch tài chính được lập trong thời hạn 05 năm cùng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm. Kế hoạch tài chính 05 năm xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể về tài chính - ngân sách nhà nước; các định hướng lớn về tài chính, ngân sách nhà nước; số thu và cơ cấu thu nội địa, thu dầu thô, thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; số chi và cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi trả nợ lãi, viện trợ, chi thường xuyên; định hướng về bội chi ngân sách; giới hạn nợ nước ngoài của quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch.

2. Kế hoạch tài chính 05 năm được sử dụng để:

a) Thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương; cân đối, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính công và ngân sách nhà nước trong trung hạn; thúc đẩy việc công khai, minh bạch ngân sách nhà nước;

b) Làm cơ sở đề cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước;

c) Định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Kế hoạch tài chính 05 năm gồm kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia trình Chính phủ báo cáo Quốc hội; Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương mình trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định cùng với thời điểm trình dự toán ngân sách năm đầu kỳ kế hoạch.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm.

Điều 18. Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt hoặc thiếu trách nhiệm làm thiệt hại đến nguồn thu ngân sách nhà nước.

2. Thu, nộp không đúng quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí, pháp luật về quản lý thuế và pháp luật về các khoản thu khác thuộc ngân sách; phân chia sai quy định nguồn thu giữa ngân sách các cấp; giữ lại nguồn thu của ngân sách nhà nước sai chế độ; tự đặt ra các khoản thu trái với quy định của pháp luật.

3. Chi không có dự toán, trừ trường hợp quy định tại Điều 49 của Luật này; chi không đúng dự toán ngân sách được giao; chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật.

4. Quyết định đầu tư chương trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách không đúng thẩm quyền, không xác định rõ nguồn vốn để thực hiện.

5. Thực hiện vay trái với quy định của pháp luật; vay vượt quá khả năng cân đối của ngân sách.

6. Sử dụng ngân sách nhà nước để cho vay, tạm ứng, góp vốn trái với quy định của pháp luật.

7. Trì hoãn việc chi ngân sách khi đã bảo đảm các điều kiện chi theo quy định của pháp luật.

8. Hạch toán sai pháp luật kế toán nhà nước và mục lục ngân sách nhà nước.

9. Lập, trình dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước chậm so với thời hạn quy định.

10. Phê chuẩn, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước sai quy định của pháp luật.

11. Xuất quỹ ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước mà khoản chi đó không có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách và ứng trước dự toán ngân sách năm sau quy định tại Điều 49 và Điều 55 của Luật này.

12. Các hành vi bị cấm khác trong lĩnh vực ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội

1. Làm luật và sửa đổi luật trong lĩnh vực tài chính - ngân sách.
2. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ.
3. Quyết định kế hoạch tài chính 05 năm.
4. Quyết định dự toán ngân sách nhà nước:
 - a) Tổng số thu ngân sách nhà nước, bao gồm thu nội địa, thu dầu thô, thu từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, thu viện trợ không hoàn lại;
 - b) Tổng số chi ngân sách nhà nước, bao gồm chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
 - c) Bội chi ngân sách nhà nước bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương, chi tiết từng địa phương; nguồn bù đắp bội chi ngân sách nhà nước;
 - d) Tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước.
5. Quyết định phân bổ ngân sách trung ương:
 - a) Tổng số chi ngân sách trung ương, bao gồm các khoản đã phân bổ chi tiết và các khoản chưa phân bổ chi tiết; chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên theo từng lĩnh vực; chi dự trữ quốc gia; chi trả nợ lãi, chi viện trợ; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách;
 - b) Dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi viện trợ của từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương theo từng lĩnh vực;
 - c) Mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương, bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu.
6. Quyết định chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.
7. Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết.
8. Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.
9. Giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước, chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách quốc gia, nghị quyết của Quốc hội về ngân sách nhà nước.

10. Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Ban hành pháp lệnh, nghị quyết về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.

2. Cho ý kiến về dự án luật, nghị quyết và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách do Chính phủ trình Quốc hội.

3. Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

4. Cho ý kiến về các chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước do Chính phủ trình.

5. Quyết định về:

a) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước;

b) Phân bổ, sử dụng số tăng thu, số dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

6. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực tài chính - ngân sách.

7. Đình chỉ việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, trình Quốc hội tại kỳ họp gần nhất quyết định việc hủy bỏ các văn bản đó.

8. Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

9. Bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh và nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội

1. Thẩm tra dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

2. Chủ trì thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, báo cáo về thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán

ngân sách nhà nước, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách và phương án sử dụng số tăng thu, số dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương do Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Thẩm tra các chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước do Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực tài chính - ngân sách; giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước và chính sách tài chính - ngân sách.

5. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương về lĩnh vực tài chính - ngân sách.

6. Kiến nghị các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân sách.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, các cơ quan có liên quan của Chính phủ để thẩm tra dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, báo cáo về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước và các dự án, báo cáo khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách được phân công phụ trách do Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tài chính - ngân sách; giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước và chính sách tài chính - ngân sách trong lĩnh vực phụ trách.

3. Kiến nghị các vấn đề về tài chính - ngân sách trong lĩnh vực phụ trách.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước

1. Thực hiện kiểm toán ngân sách nhà nước và báo cáo kết quả kiểm toán với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; gửi báo cáo kiểm toán cho Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan khác có liên quan theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước.

2. Trình Quốc hội báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước để Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

3. Tham gia với Ủy ban Kinh tế và Tài chính và các cơ quan khác của

Quốc hội, Chính phủ trong việc xem xét, thẩm tra báo cáo về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phương án điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước

1. Công bố luật, pháp lệnh về lĩnh vực tài chính - ngân sách.
2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Hiến pháp và pháp luật quy định trong việc tiến hành đàm phán, ký kết, quyết định phê chuẩn hoặc trình Quốc hội phê chuẩn điều ước quốc tế về lĩnh vực tài chính - ngân sách.
3. Yêu cầu Chính phủ họp bàn về hoạt động tài chính - ngân sách nhà nước khi cần thiết.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

1. Trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo thẩm quyền.
2. Lập và trình Quốc hội kế hoạch tài chính 05 năm.
3. Lập và trình Quốc hội dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm; dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết.
4. Điều chỉnh dự toán thu, chi của một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật này.
5. Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương theo nội dung quy định tại điểm b khoản 5 Điều 19 của Luật này; nhiệm vụ thu, chi, bội chi và mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4, điểm c khoản 5 và khoản 6 Điều 19 của Luật này.
6. Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 5 Điều 19 Luật này bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.
7. Thống nhất quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý ngành và địa phương trong việc thực hiện ngân sách nhà nước.
8. Quyết định các giải pháp và tổ chức điều hành thực hiện ngân sách nhà nước được Quốc hội quyết định; kiểm tra việc thực hiện ngân sách nhà nước; báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình thực hiện

ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

9. Báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tài chính - ngân sách khi có yêu cầu.

10. Quy định quy trình, thủ tục lập dự toán, thu nộp, kiểm soát, thanh toán chi ngân sách, quyết toán ngân sách; ứng trước dự toán ngân sách năm sau; sử dụng dự phòng ngân sách; sử dụng quỹ dự trữ tài chính và các quỹ tài chính khác của Nhà nước theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

11. Quyết định những chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của cả nước sau khi xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

12. Quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách thực hiện thống nhất trong cả nước; đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, để phù hợp đặc điểm của địa phương, quy định khung và giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể.

13. Xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định làm căn cứ xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và các địa phương.

14. Hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; kiểm tra tính hợp pháp các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

15. Lập và trình Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước, quyết toán các chương trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

16. Quy định việc thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính

1. Trình Chính phủ dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực tài chính - ngân sách, kế hoạch tài chính 05 năm và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo thẩm quyền.

2. Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi của ngân sách nhà nước; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, cơ chế quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, pháp luật kế toán, thanh toán, quyết toán, mục lục ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo, công khai tài chính - ngân sách trình Chính phủ quy định hoặc quy định theo phân cấp của Chính phủ để thi hành thống nhất trong cả nước.

3. Quyết định ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với các ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực; trường hợp không thống nhất, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định.

4. Tổng hợp, lập, trình Chính phủ dự toán ngân sách nhà nước; phương án phân bổ ngân sách trung ương; dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước.

5. Tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước; thống nhất quản lý và chỉ đạo công tác thu thuế, phí, lệ phí, các khoản vay và thu khác của ngân sách, các nguồn viện trợ quốc tế; tổ chức thực hiện chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao.

6. Chủ trì xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt mục tiêu, định hướng huy động, sử dụng vốn vay và quản lý nợ công trong từng giai đoạn 05 năm; chương trình quản lý nợ trung hạn; hệ thống các chỉ tiêu giám sát nợ chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia; kế hoạch vay, trả nợ hằng năm của Chính phủ.

7. Kiểm tra các quy định về tài chính - ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trường hợp quy định trong các văn bản đó trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên thì có quyền:

a) Kiến nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ đối với những văn bản của bộ, cơ quan ngang bộ;

b) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

c) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ đối với những quy định của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

8. Thanh tra, kiểm tra tài chính - ngân sách, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các vi phạm về chế độ quản lý tài chính - ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các địa phương, các tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các đối tượng khác có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và sử dụng ngân sách nhà nước.

9. Quản lý quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ nhà nước, ngân quỹ nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

10. Đánh giá hiệu quả chi ngân sách nhà nước.

11. Thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 15 của Luật này.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và triển khai thực hiện phương án vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước.
2. Tạm ứng cho ngân sách nhà nước để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương

1. Lập dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan mình.
2. Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan trong quá trình tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm, kế hoạch tài chính 05 năm, quyết toán ngân sách hằng năm thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.
3. Kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.
4. Báo cáo tình hình thực hiện kết quả, hiệu quả sử dụng ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.
5. Ban hành các định mức kỹ thuật - kinh tế làm cơ sở cho việc quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.
6. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.
7. Quản lý, tổ chức thực hiện và quyết toán, công khai đối với ngân sách được giao; bảo đảm sử dụng đúng quy định của pháp luật và hiệu quả ngân sách nhà nước.
8. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách, giải trình với cơ quan chức năng khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về những sai sót, sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

1. Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định:
 - a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, bao gồm thu nội địa, thu dầu thô, thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, thu viện trợ không hoàn lại, bảo đảm không thấp hơn dự toán thu ngân sách nhà nước được cấp trên giao;
 - b) Dự toán thu ngân sách địa phương, bao gồm các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%, phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%), thu bổ sung từ ngân sách cấp

trên;

c) Dự toán chi ngân sách địa phương, bao gồm chi ngân sách cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

d) Tổng mức vay của ngân sách địa phương, bao gồm vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương và vay để trả nợ gốc của ngân sách địa phương.

2. Quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình:

a) Tổng số chi ngân sách, bao gồm các khoản đã phân bổ chi tiết và các khoản chưa phân bổ chi tiết; chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương; dự phòng ngân sách;

b) Dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình theo từng lĩnh vực;

c) Mức bổ sung cho ngân sách từng địa phương cấp dưới, gồm bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu.

3. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

4. Quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương.

5. Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết.

6. Giám sát việc thực hiện ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.

7. Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật về tài chính - ngân sách của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp và Hội đồng nhân dân cấp dưới trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

8. Quyết định danh mục các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước của ngân sách cấp mình; quyết định chương trình, dự án đầu tư quan trọng của địa phương được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quyết định kế hoạch tài chính 05 năm gồm các nội dung: mục tiêu

tổng quát, mục tiêu cụ thể của kế hoạch tài chính 05 năm; khả năng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương, bội chi ngân sách địa phương và giới hạn mức vay của ngân sách địa phương; giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch;

b) Bội chi ngân sách địa phương và nguồn bù đắp bội chi ngân sách địa phương hằng năm;

c) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật này;

d) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương;

đ) Quyết định thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật; được phép ban hành một số khoản thu phí, lệ phí ngoài danh mục của Luật phí và lệ phí đã quy định;

e) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương;

g) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ;

h) Quyết định về việc thường vượt thu so với dự toán từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp dưới;

i) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

k) Quyết định chi viện trợ.

Chính phủ quy định chi tiết điểm i, k khoản 9 Điều này.

Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình theo các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 của Luật này; dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp.

2. Lập quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn và báo cáo cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp.

3. Kiểm tra nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới về lĩnh vực tài

chính - ngân sách.

4. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ thu, chi, mức bổ sung cho ngân sách cấp dưới và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương đối với các khoản thu phân chia.

5. Điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Luật này.

6. Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Luật này bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

7. Quyết định các giải pháp và tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân quyết định; kiểm tra, báo cáo việc thực hiện ngân sách địa phương.

8. Phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp trên trong việc quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn.

9. Báo cáo, công khai ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ.

11. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều này còn có nhiệm vụ:

a) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Hội đồng nhân dân giao;

b) Lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 29 của Luật này;

c) Quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính và các quỹ tài chính khác của Nhà nước theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

12. Chỉ đạo cơ quan tài chính địa phương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này.

13. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách

1. Lập dự toán thu, chi ngân sách hằng năm; thực hiện phân bổ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao cho các đơn vị trực thuộc và điều chỉnh phân bổ dự toán theo thẩm quyền.

2. Tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách được giao; nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản phải nộp ngân sách theo quy định của pháp luật; chi đúng chế độ, chính sách, đúng mục đích, đúng đối tượng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thu, chi ngân sách đối với các đơn vị trực thuộc.

4. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê; báo cáo, quyết toán ngân sách và công khai ngân sách theo quy định của pháp luật; duyệt quyết toán đối với các đơn vị dự toán cấp dưới.

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, được chủ động sử dụng nguồn thu phí và các nguồn thu hợp pháp khác để phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo quy định của Chính phủ.

6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí phải ban hành quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với dự toán được giao tự chủ theo quy định của pháp luật.

7. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư

1. Thực hiện các dự án đầu tư qua các giai đoạn của quá trình đầu tư: chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án, thực hiện dự án, nghiệm thu, bàn giao tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hợp đồng, kế toán, thống kê, báo cáo, quyết toán, công khai và lưu trữ hồ sơ dự án.

Điều 33. Quyền hạn, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước

1. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp được Nhà nước trợ cấp, hỗ trợ vốn và kinh phí theo dự toán được giao thì phải quản lý, sử dụng các khoản vốn và kinh phí đó đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả và quyết toán với cơ quan tài chính.

3. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và công

khai ngân sách.

4. Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CÁC CẤP

Điều 34. Nguồn thu của ngân sách trung ương

1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%:

- a) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung;
- b) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- c) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- d) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam;
- đ) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện. Các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
- e) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu, trừ lệ phí trước bạ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 36 của Luật này;
- g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện;
- h) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan nhà nước ở Trung ương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;
- i) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sau khi trừ khoản dự phòng rủi ro và trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật;
- k) Thu từ quỹ dự trữ tài chính trung ương;
- l) Thu kết dư ngân sách trung ương;
- m) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách trung

ương;

n) Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu;

o) Thu từ nhà cung cấp nước ngoài;

p) Thu cấp quyền tần số vô tuyến điện;

q) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

Phương án 1: Chưa sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm c, điểm n khoản 1 Điều này), thuế thu nhập cá nhân thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 72% số thu trên địa bàn Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; 45% số thu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương; 30% đối với các địa phương còn lại. Ngân sách từng địa phương hưởng tương ứng tỷ lệ phân chia phần còn lại;

b) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 80% số thu trên địa bàn Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; 70% số thu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương; 50% đối với các địa phương còn lại. Ngân sách từng địa phương hưởng tương ứng tỷ lệ phân chia phần còn lại;

c) Thuế bảo vệ môi trường thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 80%, ngân sách địa phương hưởng 20% số thu trên địa bàn;

d) Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định hằng năm;

đ) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, các địa phương không nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 30%; ngân sách địa phương hưởng 70%. Các địa phương nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 20%; ngân sách địa phương hưởng 80%;

e) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách địa phương hưởng 30%;

g) Trong tổ chức thực hiện, trường hợp có biến động lớn về thu, chi ngân sách nhà nước hoặc giữa các địa phương, Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh tỷ lệ phân chia các khoản thu quy định tại các điểm a, b, c, d, e khoản này cho phù hợp.

Phương án 2: Sau khi có quyết định sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh:

Tỷ lệ phân chia các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều này sẽ được xác định lại theo đơn vị hành chính cấp tỉnh Quốc hội quyết định đảm bảo phù hợp mục tiêu tăng cường phân cấp, phân quyền, tự chủ nguồn lực và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 35. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của trung ương theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi dự trữ quốc gia.

3. Chi thường xuyên của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Quốc phòng;

b) An ninh và trật tự, an toàn xã hội;

c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

d) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

e) Sự nghiệp văn hoá thông tin;

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn;

h) Sự nghiệp thể dục thể thao;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

k) Các hoạt động kinh tế;

l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

m) Chi bảo đảm xã hội;

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

4. Chi trả nợ lãi các khoản tiền do Chính phủ vay.

5. Chi viện trợ.

6. Chi cho vay theo quy định của pháp luật.

7. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương.

8. Chi chuyển nguồn của ngân sách trung ương sang năm sau.

9. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Điều 36. Nguồn thu của ngân sách địa phương

1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%:

a) Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

d) Tiền cho thuê mặt nước, tiền sử dụng khu vực biển;

đ) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

e) Lệ phí trước bạ;

g) Lệ phí môn bài;

h) Thu từ hoạt động xổ số;

i) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;

k) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

l) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan nhà nước ở địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về

quản lý, sử dụng tài sản công;

m) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho chính quyền địa phương;

n) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

o) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;

p) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của địa phương cấp phép;

q) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện;

r) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

s) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

t) Thu kết dư ngân sách địa phương;

u) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật này.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.

Điều 37. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội tại địa phương;

d) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân

cấp trong các lĩnh vực:

- a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;
 - b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
 - c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phân giao địa phương quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chỉ thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương;
 - d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;
 - đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin;
 - e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;
 - g) Sự nghiệp thể dục thể thao;
 - h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;
 - i) Các hoạt động kinh tế;
 - k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - l) Chi bảo đảm xã hội;
 - m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.
3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.
 4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.
 5. Chi viện trợ.
 6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.
 7. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.
 8. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật này.

Điều 38. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương

Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 36 và Điều 37 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, bao gồm tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách từng cấp ở địa phương phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng vùng, từng địa phương.

Điều 39. Xác định số bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục

tiêu

1. Ngân sách địa phương được sử dụng nguồn thu được hưởng 100%, số thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên để cân đối thu, chi ngân sách cấp mình để bảo đảm các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được giao.

2. Số bổ sung cân đối được xác định trên cơ sở:

a) Tính toán các nguồn thu, nhiệm vụ chi quy định tại các điều 34, 36 và 37 của Luật này theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, theo các tiêu chí về dân số, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng; chú ý tới vùng căn cứ cách mạng, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn; vùng có diện tích đất trồng lúa nước lớn; vùng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; vùng kinh tế trọng điểm;

b) Đối với khoản thu tiền sử dụng đất ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 34 và khoản thu từ hoạt động xổ số theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 36 của Luật này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

3. Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới, để hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau:

a) Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm;

b) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác của cấp trên, phần giao cho cấp dưới thực hiện;

c) Hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nghiêm trọng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới;

d) Hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

CHƯƠNG IV**LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****Điều 40. Căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm**

1. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an

ninh, đối ngoại, bình đẳng giới.

2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương.

3. Quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách; định mức phân bổ ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước.

4. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và mức bổ sung cân đối ngân sách của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

5. Văn bản pháp luật của các cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

6. Kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.

7. Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm trước.

Điều 41. Yêu cầu lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm

1. Dự toán ngân sách nhà nước phải tổng hợp theo từng khoản thu, chi và theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ và viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách.

2. Dự toán ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách và dự toán của từng cấp ngân sách được lập phải thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trong đó:

a) Dự toán thu ngân sách được lập trên cơ sở dự báo các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và các chỉ tiêu có liên quan, các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách;

b) Dự toán chi đầu tư phát triển được lập trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, khả năng cân đối các nguồn lực trong năm dự toán, quy định của pháp luật;

c) Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án, đề án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chế độ, chính sách, tiêu chuẩn định mức chi (nếu có); các nhiệm vụ chi cần thiết khác dự kiến phát sinh cần bố trí nguồn để thực hiện. Việc lập dự toán ngân sách của các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính thực hiện theo quy định của Chính phủ;

d) Ưu tiên bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với từng lĩnh vực;

đ) Dự toán chi thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong nhiều năm được lập trên cơ sở khả năng thực hiện hằng năm và tổng mức kinh phí đã được phê duyệt (nếu có);

e) Dự toán chi trả nợ được lập trên cơ sở bảo đảm trả các khoản nợ đến hạn của năm dự toán ngân sách;

g) Dự toán vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước phải căn cứ vào cân đối ngân sách nhà nước, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và trong giới hạn an toàn về nợ theo nghị quyết của Quốc hội.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 42. Thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước

1. Trước ngày 15 tháng 5, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

2. Trước ngày 20 tháng 9, Chính phủ trình các tài liệu báo cáo theo quy định tại Điều 45 của Luật này đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội để cho ý kiến và tiếp thu, hoàn chỉnh để trình Quốc hội.

3. Trước ngày 10 tháng 11, Quốc hội quyết định và ban hành nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau.

4. Trước ngày 20 tháng 11, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

5. Trước ngày 10 tháng 12, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau. Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách năm sau của cấp mình chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên quyết định dự toán và phân bổ ngân sách.

6. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân cùng cấp giao dự toán ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và cấp dưới; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

7. Trước ngày 31 tháng 12, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 43. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc lập dự toán ngân sách hằng năm

1. Cơ quan thu ở địa phương xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng địa phương gửi cơ quan thu cấp trên và cơ quan tài chính từng địa phương. Cơ quan thu ở trung ương xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực được giao phụ trách, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước.

2. Đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách lập dự toán thu, chi ngân sách trong phạm vi nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm về hồ sơ, số liệu đã báo cáo đơn vị dự toán ngân sách cấp trên trực tiếp; đơn vị dự toán cấp I tổng hợp và chịu trách nhiệm về hồ sơ, số liệu báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

3. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương tổng hợp, cân đối dự toán ngân sách của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp, dự toán ngân sách địa phương cấp dưới; chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình theo các chỉ tiêu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 của Luật này, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp.

4. Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính và các cơ quan theo quy định để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ; đồng thời gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội để giám sát.

5. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở trung ương và địa phương phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực được giao phụ trách.

6. Bộ Tài chính tổng hợp, cân đối dự toán ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật này.

Điều 44. Thảo luận và quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách hằng năm

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương tổ chức thảo luận với các cơ

quan, đơn vị trực thuộc.

2. Cơ quan tài chính các cấp chủ trì tổ chức:

a) Thảo luận về dự toán ngân sách hằng năm với các cơ quan, đơn vị cùng cấp;

b) Thảo luận về dự toán ngân sách với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp về thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới;

3. Trong quá trình thảo luận dự toán ngân sách, phương án phân bổ ngân sách, trường hợp có những khoản thu, chi trong dự toán chưa đúng quy định của pháp luật, chưa phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội thì cơ quan tài chính yêu cầu điều chỉnh lại, nếu còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan tài chính với các cơ quan, đơn vị cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp dưới thì cơ quan tài chính ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định; Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương:

a) Chính phủ thảo luận, cho ý kiến vào dự thảo các báo cáo của Chính phủ do Bộ Tài chính trình trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

b) Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội chủ trì thẩm tra các báo cáo của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội;

c) Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội và ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoàn chỉnh các báo cáo trình Quốc hội;

d) Quốc hội thảo luận, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau. Trong quá trình thảo luận, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, trường hợp quyết định điều chỉnh thu, chi ngân sách, Quốc hội quyết định các giải pháp để bảo đảm cân đối ngân sách.

5. Trình tự, thủ tục thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

Điều 45. Các tài liệu Chính phủ trình Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương

1. Đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành; các căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương; những nội dung cơ bản và giải pháp nhằm thực hiện dự toán ngân sách nhà nước;

2. Dự toán thu ngân sách nhà nước, kèm theo các giải pháp nhằm huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước;

3. Dự toán chi ngân sách nhà nước, trong đó nêu rõ các ưu tiên chính sách, mục tiêu, chương trình quan trọng của Đảng và Nhà nước có liên quan đến ngân sách nhà nước;

4. Bội chi ngân sách nhà nước và các nguồn bù đắp; tỷ lệ bội chi so với tổng sản phẩm trong nước;

5. Kế hoạch tài chính 05 năm đối với năm đầu kỳ kế hoạch;

6. Báo cáo thông tin về nợ công theo Luật quản lý nợ công, trong đó nêu rõ số nợ đến hạn phải trả, số nợ quá hạn phải trả, số lãi phải trả trong năm, số nợ sẽ phát sinh thêm do phải vay để bù đắp bội chi, vay để trả nợ gốc ngân sách nhà nước, khả năng trả nợ trong năm và số nợ đến cuối năm;

7. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, dự kiến kế hoạch tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do trung ương quản lý;

8. Các chính sách và biện pháp cụ thể nhằm ổn định tài chính và ngân sách nhà nước;

9. Danh mục, tiến độ thực hiện và mức dự toán đầu tư năm kế hoạch đối với các chương trình, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định;

10. Dự toán chi của từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo từng lĩnh vực; nhiệm vụ thu, chi, mức bội chi và số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

11. Các tài liệu khác nhằm thuyết minh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương; tình hình miễn, giảm thuế trong báo cáo dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội.

Điều 46. Lập lại dự toán ngân sách nhà nước

1. Trong trường hợp dự toán ngân sách nhà nước hoặc phương án phân bổ ngân sách trung ương chưa được Quốc hội thông qua, Chính phủ lập lại dự toán đối với nội dung chưa được thông qua, trình Quốc hội vào thời gian do Quốc hội quyết định.

2. Trường hợp dự toán ngân sách địa phương hoặc phương án phân bổ ngân sách cấp mình chưa được Hội đồng nhân dân thông qua, Ủy ban nhân dân lập lại dự toán đối với nội dung chưa được thông qua, trình Hội đồng nhân dân vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng không được chậm hơn thời hạn Chính phủ quy định.

CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 47. Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước

1. Sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới trong trường hợp có ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chỉ của mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Việc phân bổ và giao dự toán phải bảo đảm thời hạn và yêu cầu quy định tại Điều 48 của Luật này.

2. Phương án 1:

Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực của dự toán được giao; các nhiệm vụ, đề án ngoài định mức đảm bảo thống nhất từ khâu lập đến khâu phân bổ dự toán. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách.

Phương án 2:

Căn cứ quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ (đối với đơn vị dự toán cấp I ở trung ương) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị dự toán cấp I ở địa phương), cơ quan tài chính có trách nhiệm thông báo tổng dự toán chi tiết các nội dung, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền đảm bảo thống nhất từ khâu lập đến khâu phân bổ dự toán.

Căn cứ quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thông báo tổng dự toán chi tiết của cơ quan tài chính, các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chỉ được giao; đúng chính sách chế độ, tiêu chuẩn định mức chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

Trong quá trình tổng hợp kết quả phân bổ dự toán của các đơn vị dự toán cấp I (thực hiện trong quý I của năm ngân sách), cơ quan tài chính thực hiện đối chiếu số liệu phân bổ với tổng mức dự toán được giao và chi tiết từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao, trường hợp phát hiện phân bổ của đơn vị dự toán cấp I không phù hợp, cơ quan tài chính yêu cầu

đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại phương án phân bổ.

3. Ngoài cơ quan có thẩm quyền giao dự toán ngân sách, không tổ chức hoặc cá nhân nào được thay đổi nhiệm vụ ngân sách đã được giao.

Điều 48. Yêu cầu và thời hạn về phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước

1. Việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải bảo đảm:

a) Đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi được giao;

b) Đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi;

c) Phân bổ đủ vốn, kinh phí để thu hồi các khoản đã ứng trước dự toán đến hạn thu hồi trong năm, vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của các nhà tài trợ nước ngoài theo cam kết;

d) Đối với phân bổ vốn đầu tư phát triển phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật Đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Đối với phân bổ các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng và thực hiện đúng các cam kết hoặc quy định về bố trí ngân sách địa phương cho mục tiêu đó.

2. Thời hạn phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước:

a) Đối với dự toán ngân sách được giao theo quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 42 của Luật này, các đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm trước theo quy định tại khoản 7 Điều 42 của Luật này;

b) Trường hợp được giao bổ sung dự toán, chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày được giao, đơn vị dự toán và Ủy ban nhân dân cấp dưới hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định; Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về quyết định việc giao dự toán bổ sung.

Điều 49. Tạm cấp ngân sách

1. Trong trường hợp vào đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, cơ quan tài chính và cơ quan Kho bạc Nhà nước theo chức năng thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi không thể trì hoãn được cho đến khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền quyết định:

a) Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương;

b) Chi nghiệp vụ phí và công vụ phí;

c) Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới;

d) Một số khoản chi cần thiết khác để bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, trừ các khoản mua sắm trang thiết bị, sửa chữa;

đ) Chi cho dự án chuyển tiếp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; các dự án đầu tư chuyển tiếp quan trọng, cấp bách khác để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

2. Mức tạm cấp hằng tháng tối đa cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này không quá mức chi bình quân 01 tháng của năm trước.

3. Chi đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ chưa được dự toán hoặc vượt so với dự toán được giao, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Điều 50. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước

1. Chính phủ lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước trong trường hợp có biến động làm tăng mức vay, bội chi ngân sách nhà nước so với dự toán đã phân bổ cần phải điều chỉnh tổng thể, trình Quốc hội quyết định. Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước và nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Chính phủ quyết định điều chỉnh dự toán thu, chi của một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nhưng không làm tăng mức vay, bội chi ngân sách nhà nước, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:

a) Số thu dự kiến không đạt hoặc tăng cần phải điều chỉnh nhiệm vụ chi so với dự toán được Quốc hội quyết định;

b) Điều chỉnh cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên hoặc điều chỉnh các lĩnh vực chi đã được Quốc hội quyết định;

c) Có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần phải điều chỉnh.

d) Điều chỉnh mức vay, bội chi ngân sách giữa các địa phương, đảm bảo trong tổng mức vay, bội chi ngân sách địa phương đã được Quốc hội quyết định.

3. Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:

a) Số thu dự kiến không đạt hoặc tăng cần phải điều chỉnh nhiệm vụ chi

so với dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định;

b) Điều chỉnh cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên hoặc điều chỉnh các lĩnh vực chi đã được Hội đồng nhân dân quyết định;

c) Có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc lý do khách quan cần tăng nguồn để thực hiện các chính sách, nhiệm vụ

d) Chính phủ quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều này;

đ) Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới.

4. Chính phủ yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh dự toán ngân sách nếu việc bố trí ngân sách địa phương không phù hợp với nghị quyết của Quốc hội.

5. Ủy ban nhân dân yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh dự toán ngân sách nếu việc bố trí ngân sách địa phương không phù hợp với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp trên.

Điều 51. Điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách

1. Điều chỉnh dự toán ngân sách đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trong các trường hợp:

a) Do điều chỉnh dự toán ngân sách theo quy định tại Điều 50 của Luật này;

b) Cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại dự toán theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật này;

c) Đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị trực thuộc trong phạm vi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao.

2. Việc điều chỉnh dự toán phải bảo đảm các yêu cầu về phân bổ và giao dự toán quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật này. Sau khi thực hiện điều chỉnh dự toán, đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

3. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.

Điều 52. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm đề ra những biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng; chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính.

2. Mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải chấp hành nghĩa vụ nộp

ngân sách theo đúng quy định của pháp luật; sử dụng kinh phí ngân sách đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Cơ quan tài chính có trách nhiệm bảo đảm nguồn để thanh toán kịp thời các khoản chi theo dự toán.

Điều 53. Tổ chức thu ngân sách nhà nước

1. Cơ quan thu ngân sách là cơ quan tài chính, cơ quan thuế, cơ quan hải quan và cơ quan khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước.

2. Chỉ cơ quan thu ngân sách được tổ chức thu ngân sách.

3. Cơ quan thu ngân sách có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan tổ chức thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Bộ Tài chính, cơ quan quản lý cấp trên, Ủy ban nhân dân và sự giám sát của Hội đồng nhân dân về công tác thu ngân sách tại địa phương; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm nghĩa vụ nộp ngân sách theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tổ chức quản lý và thực hiện thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nộp trực tiếp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước. Trường hợp được phép thu qua ủy nhiệm thu thì phải nộp đầy đủ, đúng thời hạn vào Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính;

c) Cơ quan thu có trách nhiệm kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thu phải nộp vào ngân sách nhà nước;

d) Kiểm tra, kiểm soát các nguồn thu của ngân sách; kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kê khai, thu, nộp ngân sách và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Kho bạc Nhà nước được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng thương mại để tập trung các khoản thu của ngân sách nhà nước; hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách, điều tiết các khoản thu cho ngân sách các cấp theo đúng quy định.

Điều 54. Tổ chức chi ngân sách nhà nước

1. Đối với các dự án đầu tư và các nhiệm vụ chi cấp thiết khác được tạm ứng vốn, kinh phí để thực hiện các công việc theo hợp đồng đã ký kết. Mức vốn tạm ứng căn cứ vào giá trị hợp đồng và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và theo quy định của pháp luật có liên quan. Vốn, kinh phí tạm ứng được thu hồi khi thanh toán khối lượng, nhiệm vụ hoàn thành.

2. Ngân sách cấp dưới được tạm ứng từ ngân sách cấp trên để thực hiện nhiệm vụ chi theo dự toán ngân sách được giao trong trường hợp cần thiết.

3. Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ:

a) Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định chi gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện;

b) Cơ quan tài chính cấp dưới thực hiện rút số bổ sung từ ngân sách cấp trên tại Kho bạc Nhà nước.

4. Kho bạc Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật và thực hiện chi ngân sách khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này theo phương thức thanh toán trực tiếp hoặc tạm ứng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

5. Thủ trưởng cơ quan Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán, chi trả các khoản chi không đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Ứng trước dự toán ngân sách năm sau

1. Ngân sách các cấp được ứng trước dự toán ngân sách năm sau để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án quan trọng, cấp bách của ngân sách cấp mình đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Mức ứng trước không vượt quá 30% tổng dự toán chi của chương trình, nhiệm vụ, dự án. Khi phân bổ dự toán ngân sách năm sau, phải bố trí đủ dự toán để thu hồi hết số đã ứng trước; không được ứng trước dự toán năm sau khi chưa thu hồi hết số ngân sách đã ứng trước.

2. Chính phủ quy định chi tiết các nguyên tắc, tiêu chí và điều kiện ứng trước dự toán ngân sách năm sau.

Điều 56. Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách nhà nước

1. Trường hợp quỹ ngân sách trung ương thiếu hụt tạm thời thì được vay bù đắp thiếu hụt tạm thời từ quỹ dự trữ tài chính trung ương, ngân quỹ nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý và phải hoàn trả trong năm ngân sách; nếu quỹ dự trữ tài chính, ngân quỹ nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác không đáp ứng được thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạm ứng cho ngân sách trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải được hoàn trả trong năm ngân sách, trừ trường hợp đặc biệt do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

2. Trường hợp quỹ ngân sách cấp tỉnh thiếu hụt tạm thời thì được vay bù đắp thiếu hụt tạm thời từ quỹ dự trữ tài chính địa phương, quỹ dự trữ tài chính trung ương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý và phải hoàn trả trong năm ngân sách.

3. Trường hợp quỹ ngân sách cấp xã thiếu hụt tạm thời thì được vay bù đắp thiếu hụt tạm thời từ quỹ dự trữ tài chính địa phương, ngân sách cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý và phải hoàn trả trong năm

ngân sách.

Điều 57. Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Trường hợp dự kiến số thu không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 50 của Luật này.

2. Kết thúc năm ngân sách, trường hợp có tăng thu so với dự toán, số tăng thu và số dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng cho các nội dung sau:

- a) Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;
- b) Bổ sung tăng dự phòng ngân sách, tăng quỹ dự trữ tài chính;
- c) Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương;
- d) Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng;
- đ) Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội; các nhiệm vụ cần thiết khác chưa được bố trí dự toán ngân sách năm sau;
- e) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Chính phủ lập phương án sử dụng số tăng thu và số dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và số dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

3. Kết thúc năm ngân sách, trường hợp ngân sách địa phương hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan, sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định tại khoản 1 Điều này và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương thì ngân sách cấp trên hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách cấp trên.

4. Thường vượt dự toán thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu cho các địa phương:

a) Trường hợp địa phương có số thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới đất liền tăng thu so với dự toán trung ương giao, ngân sách trung ương trích một phần theo tỷ lệ không quá 10% số tăng thu thường cho địa phương, tối đa 200 tỷ đồng và không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.

b) Căn cứ vào mức thường do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng số được thường vượt thu để đầu tư các dự án, công trình kết cấu hạ tầng

trên địa bàn cửa khẩu của địa phương.

Điều 58. Báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Cơ quan thuế và cơ quan hải quan các cấp định kỳ báo cáo cơ quan tài chính và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Kho bạc Nhà nước định kỳ báo cáo cơ quan tài chính và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Đơn vị dự toán cấp I định kỳ báo cáo cơ quan tài chính và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan có liên quan về việc thực hiện thu, chi ngân sách địa phương; báo cáo cơ quan tài chính cấp trên về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 50 và khoản 2 Điều 57 của Luật này; báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình thực hiện ngân sách địa phương tại kỳ họp cuối năm và báo cáo đánh giá bổ sung tại kỳ họp giữa năm sau.

6. Ủy ban nhân dân cấp dưới định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cấp trên về thực hiện thu, chi ngân sách địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ báo cáo Bộ Tài chính về tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương.

7. Bộ Tài chính định kỳ báo cáo Chính phủ và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 50 và khoản 2 Điều 57 của Luật này; Chính phủ báo cáo Quốc hội tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước tại kỳ họp cuối năm và báo cáo đánh giá bổ sung về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách tại kỳ họp giữa năm sau.

Điều 59. Quản lý, sử dụng ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách

1. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách.

2. Người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách có nhiệm vụ thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính - ngân sách, pháp luật kế toán nhà nước, chế độ kiểm tra nội bộ và có trách nhiệm ngăn ngừa,

phát hiện và kiến nghị thủ trưởng đơn vị, cơ quan tài chính cùng cấp xử lý đối với những trường hợp vi phạm.

Điều 60. Quản lý ngân quỹ nhà nước

1. Ngân quỹ nhà nước là toàn bộ các khoản tiền của Nhà nước có trên các tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại, tiền mặt tại các đơn vị Kho bạc Nhà nước. Ngân quỹ nhà nước được hình thành từ quỹ ngân sách các cấp và tiền gửi của quỹ dự trữ tài chính, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đơn vị, tổ chức kinh tế tại Kho bạc Nhà nước.

2. Cơ quan Kho bạc Nhà nước quản lý tập trung, thống nhất ngân quỹ nhà nước để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu thanh toán, chi trả của ngân sách nhà nước và các đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước; bảo đảm quản lý an toàn và sử dụng có hiệu quả ngân quỹ nhà nước.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

CHƯƠNG VI

KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 61. Kế toán, quyết toán ngân sách nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước phải tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán ngân sách nhà nước theo đúng pháp luật kế toán nhà nước và quy định của Luật này.

2. Cơ quan tài chính có quyền tạm đình chỉ chi ngân sách của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách cùng cấp không chấp hành đúng chế độ báo cáo kế toán, quyết toán, báo cáo tài chính khác và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Kho bạc Nhà nước tổ chức hạch toán kế toán ngân sách nhà nước; tổng hợp số liệu thu, chi ngân sách nhà nước, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, các cơ quan có liên quan theo chế độ quy định.

Điều 62. Xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm

1. Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến thu, chi ngân sách thực hiện khoá sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước.

2. Thời gian chính lý quyết toán ngân sách nhà nước kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm sau.

3. Các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, đến hết năm ngân sách, kể cả thời gian chính lý quyết toán ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều này chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ,

trừ một số khoản được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau:

a) Các khoản dự toán được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi;

b) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công;

c) Chi mua sắm, sửa chữa đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán;

d) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội;

đ) Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước;

e) Kinh phí chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

g) Chi mua tăng, mua bù hàng dự trữ quốc gia;

h) Các khoản chi viện trợ cho các Chính phủ nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền giao dự toán;

i) Các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam đã được xác định nhiệm vụ chi cụ thể;

k) Các khoản kinh phí phải hoàn trả ngân sách cấp trên theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán.

4. Các khoản tăng thu, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Luật này, trường hợp phương án được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang ngân sách năm sau để thực hiện.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc chuyển nguồn sang ngân sách năm sau.

Điều 63. Yêu cầu quyết toán ngân sách nhà nước

1. Số liệu quyết toán ngân sách nhà nước phải chính xác, trung thực, đầy đủ.

2. Số quyết toán thu ngân sách nhà nước là số thu đã thực nộp và số thu đã hạch toán thu ngân sách nhà nước theo quy định. Các khoản thu thuộc ngân sách các năm trước nộp ngân sách năm sau phải hạch toán vào thu ngân sách năm sau. Số quyết toán chi ngân sách nhà nước là số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Số liệu quyết toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách, của chủ

đầu tư và của ngân sách các cấp phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

4. Nội dung báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo mục lục ngân sách nhà nước; chi từ các khoản viện trợ không hoàn lại được quyết toán theo thực tế giải ngân.

5. Báo cáo quyết toán của ngân sách cấp xã không được quyết toán chi ngân sách lớn hơn thu ngân sách.

6. Báo cáo quyết toán của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp trên, ngân sách các cấp phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, lĩnh vực, chương trình, mục tiêu được giao phụ trách.

7. Báo cáo quyết toán của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của quỹ.

8. Những khoản thu ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật phải được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã nộp; những khoản thu ngân sách nhà nước nhưng chưa thu phải được truy thu đầy đủ cho ngân sách; những khoản chi ngân sách nhà nước không đúng với quy định của pháp luật phải được thu hồi đủ cho ngân sách.

Điều 64. Lập quyết toán ngân sách nhà nước của đơn vị sử dụng ngân sách và chủ đầu tư

1. Đơn vị sử dụng ngân sách lập quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước của đơn vị mình gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp.

2. Chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư phát triển, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia:

a) Kết thúc năm ngân sách phải báo cáo quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn ngân sách, tình hình sử dụng vốn và giá trị khối lượng hoàn thành đã được quyết toán trong năm, gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư phát triển, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan tài chính cùng cấp;

b) Khi chương trình, dự án đầu tư phát triển và chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia hoàn thành phải lập báo cáo quyết toán toàn bộ nguồn vốn, quyết toán nguồn vốn ngân sách kèm theo báo cáo thuyết minh tình hình sử dụng vốn gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư phát triển và cơ quan có thẩm quyền xét duyệt báo cáo quyết toán công trình đầu tư phát triển, chương trình, dự án theo chế độ quy định;

c) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, ngoài các quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải lập báo cáo quyết toán trình Chính phủ xem xét đề trình Quốc hội.

Điều 65. Xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm

1. Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt, ra thông báo duyệt quyết toán đối với đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

2. Việc xét duyệt quyết toán được thực hiện theo các nội dung sau:

a) Xét duyệt từng khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị bảo đảm các điều kiện thu, chi quy định tại Điều 12 của Luật này và phải hạch toán theo đúng pháp luật kế toán nhà nước, đúng mục lục ngân sách nhà nước, đúng niên độ ngân sách;

b) Số liệu trong sổ kế toán và báo cáo quyết toán phải khớp với chứng từ và khớp với số liệu của Kho bạc Nhà nước.

3. Khi xét duyệt quyết toán, cơ quan xét duyệt có quyền:

a) Đề nghị Kiểm toán nhà nước hoặc thuê đơn vị kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật kiểm toán các báo cáo quyết toán của các dự án, chương trình mục tiêu có quy mô lớn để có thêm căn cứ cho việc xét duyệt;

b) Yêu cầu đơn vị giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu cần thiết để thực hiện việc xét duyệt quyết toán;

c) Yêu cầu đơn vị nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng dự toán được duyệt; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với thủ trưởng đơn vị chi sai chế độ, gây thất thoát ngân sách nhà nước;

d) Điều chỉnh những sai sót hoặc yêu cầu đơn vị cấp dưới lập lại báo cáo quyết toán nếu thấy cần thiết.

4. Thủ trưởng đơn vị xét duyệt quyết toán phải chịu trách nhiệm về kết quả duyệt quyết toán, nếu để xảy ra vi phạm mà không phát hiện hoặc đã phát hiện nhưng không xử lý sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính để kiểm tra về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quyết toán ngân sách của đơn vị mình.

Điều 66. Tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước

1. Cơ quan tổng hợp quyết toán:

a) Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp; đối với đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp;

b) Cơ quan tài chính các cấp tổng hợp quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp mình và quyết toán năm của ngân sách cấp dưới.

2. Trong quá trình tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước, trường hợp phát hiện có sai sót, đơn vị dự toán cấp trên yêu cầu đơn vị dự toán cấp dưới điều chỉnh lại số liệu; cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới trình Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh lại số liệu.

Trường hợp phát hiện sai phạm, đơn vị dự toán cấp trên, cơ quan tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 67. Thời hạn và trình tự quyết toán ngân sách địa phương

1. Trên cơ sở kết quả xét duyệt, tổng hợp đối với quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp mình và báo cáo quyết toán ngân sách cấp dưới đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, cơ quan tài chính ở địa phương tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết toán ngân sách địa phương để cho ý kiến và tiếp thu, hoàn chỉnh để trình Hội đồng nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình trước ngày 31 tháng 3 năm sau, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương trước ngày 10 tháng 7 năm sau.

4. Trong trường hợp quyết toán ngân sách các cấp ở địa phương chưa được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cùng cấp tiếp tục làm rõ những nội dung Hội đồng nhân dân yêu cầu và trình lại vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, chậm nhất sau 10 ngày làm việc.

Điều 68. Thời hạn và trình tự quyết toán ngân sách nhà nước

1. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước trước ngày 20 tháng 7 năm sau.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn trước ngày 20 tháng 7 năm sau.

3. Bộ Tài chính tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ và gửi Kiểm toán nhà nước chậm nhất ngày 01 tháng 9 năm sau.

4. Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 20 tháng 9 năm sau để cho ý kiến và tiếp thu, hoàn chỉnh để trình Quốc hội.

5. Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước vào kỳ họp cuối năm sau.

6. Trình tự, thủ tục thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

7. Trong trường hợp quyết toán ngân sách nhà nước chưa được Quốc hội phê chuẩn thì Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và cơ quan Kiểm toán nhà nước phải tiếp tục làm rõ những nội dung Quốc hội yêu cầu để trình Quốc hội vào thời gian do Quốc hội quyết định.

Điều 69. Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước, báo cáo quyết toán ngân sách địa phương

1. Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trước khi trình Quốc hội xem xét, phê chuẩn.

2. Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trước khi gửi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê chuẩn.

Điều 70. Xử lý kết dư ngân sách nhà nước

1. Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được trích 50% vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp, 50% vào thu ngân sách năm sau; trường hợp quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức 25% dự toán chi ngân sách hằng năm thì số kết dư còn lại hạch toán vào thu ngân sách năm sau.

Kết dư ngân sách cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 71. Xử lý các khoản thu, chi ngân sách nhà nước không đúng quy định sau khi quyết toán ngân sách nhà nước được phê chuẩn

Sau khi quyết toán ngân sách nhà nước và ngân sách các cấp chính quyền địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, trường hợp phát hiện thu, chi ngân sách không đúng quy định thì thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 8 Điều 63 của Luật này và được quyết toán vào ngân sách năm xử lý.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 72. Hướng dẫn thi hành đối với một số nội dung đặc thù

1. Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam, một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại và một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với Thành phố Hồ Chí Minh, một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính - kinh tế

đặc biệt, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

2. Thành phố Hà Nội thực hiện cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù theo quy định của Luật Thủ đô. Khoản 1, 2 và khoản 7 Điều 34 Luật Thủ đô hết hiệu lực, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 73. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với quyết toán ngân sách năm 2024 và quy trình, cơ sở lập dự toán ngân sách năm 2026 áp dụng theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.

2. Đối với quy định về phân chia khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 34 Luật này được thực hiện từ năm ngân sách 2026.

Điều 74. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026.

2. Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 75. Quy định chi tiết

Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày ... tháng ... năm 20....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

Phụ lục	
SO SÁNH LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2015 VÀ DỰ THẢO LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (SỬA ĐỔI)	
Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách	Giữ nguyên
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội. 2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao. 3. Các đơn vị sự nghiệp công lập. 4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên
Điều 3. Áp dụng pháp luật 1. Việc lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.	Giữ nguyên
Điều 4. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Giữ nguyên
1. Bội chi ngân sách nhà nước bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh. Bội chi ngân sách trung ương được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách trung ương không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu ngân sách trung ương. Bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh là tổng hợp bội chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương, được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách cấp tỉnh không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương.	Giữ nguyên
2. Cam kết bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước là sự chấp thuận theo quy định của pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc bố trí dự toán chi năm sau hoặc các năm sau cho chương trình, dự án, nhiệm vụ.	Giữ nguyên
3. Chi dự trữ quốc gia là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để mua hàng dự trữ theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.	Giữ nguyên
4. Chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.	4. Chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.
5. Chi đầu tư xây dựng cơ bản là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.	

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
6. Chi thường xuyên là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.	5. Chi thường xuyên là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại.
7. Chi trả nợ là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để trả các khoản nợ đến hạn phải trả, bao gồm khoản gốc, lãi, phí và chi phí khác phát sinh từ việc vay.	7. Chi trả nợ là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để trả các khoản nợ đến hạn phải trả, bao gồm khoản gốc, lãi, phí và chi phí khác phát sinh từ việc vay. 6. Chi trả nợ lãi là nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh để thanh toán các khoản lãi, phí và chi phí khác phát sinh do hoạt động vay nợ của ngân sách cấp mình (không bao gồm lãi, phí và chi phí khác từ việc vay về cho các doanh nghiệp vay lại). 7. Trả nợ gốc là nghĩa vụ trả nợ của ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh đối với các khoản nợ gốc đến hạn phải trả của ngân sách cấp mình (không bao gồm trả nợ gốc đối với các khoản vay về để cho doanh nghiệp vay lại). Trả nợ gốc không tổng hợp vào chi cân đối ngân sách của từng cấp ngân sách.
8. Dự phòng ngân sách nhà nước là một khoản mục trong dự toán chi ngân sách chưa phân bổ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định ở từng cấp ngân sách.	Giữ nguyên
9. Đơn vị dự toán cấp I là đơn vị dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách.	Đổi vị trí của khoản 9 và khoản 10 9. Đơn vị dự toán ngân sách là cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách.
10. Đơn vị dự toán ngân sách là cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách.	10. Đơn vị dự toán cấp I là đơn vị dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách.
11. Đơn vị sử dụng ngân sách là đơn vị dự toán ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách.	Giữ nguyên
12. Kết dư ngân sách là chênh lệch lớn hơn giữa tổng số thu ngân sách so với tổng số chi ngân sách của từng cấp ngân sách sau khi kết thúc năm ngân sách.	Giữ nguyên
13. Ngân sách địa phương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương.	Giữ nguyên
14. Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.	Giữ nguyên
15. Ngân sách trung ương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp trung ương.	Giữ nguyên
16. Phân cấp quản lý ngân sách là việc xác định phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách trong việc quản lý ngân sách nhà nước phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội.	Giữ nguyên
17. Quỹ dự trữ tài chính là quỹ của Nhà nước, hình thành từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
18. Quỹ ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản tiền của Nhà nước, kể cả tiền vay có trên tài khoản của ngân sách nhà nước các cấp tại một thời điểm.	Giữ nguyên
19. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.	19. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
20. Số bổ sung cân đối ngân sách là khoản ngân sách cấp trên bổ sung cho ngân sách cấp dưới nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối ngân sách cấp mình để thực hiện nhiệm vụ được giao.	20. Số bổ sung cân đối ngân sách là <u>khoản số bổ sung</u> từ ngân sách cấp trên <u>bổ sung</u> cho ngân sách cấp dưới nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối ngân sách <u> cấp mình</u> để thực hiện nhiệm vụ được giao.
21. Số bổ sung có mục tiêu là khoản ngân sách cấp trên bổ sung cho ngân sách cấp dưới để hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể.	21. Số bổ sung có mục tiêu là <u>số bổ sung từ khoản</u> ngân sách cấp trên <u>bổ sung</u> cho ngân sách cấp dưới để hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể.
22. Số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách là số thu, chi ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền thông báo cho các cấp ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị làm căn cứ để xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.	Bỏ quy định
23. Thời kỳ ổn định ngân sách địa phương là thời kỳ ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trong thời gian 05 năm, trùng với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm hoặc theo quyết định của Quốc hội.	Bỏ quy định
24. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách là tỷ lệ phần trăm (%) mà từng cấp ngân sách được hưởng trên tổng số các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách.	Bỏ quy định
Điều 5. Phạm vi ngân sách nhà nước	
1. Thu ngân sách nhà nước bao gồm:	
a) Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí;	a) Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí và các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện;
b) Toàn bộ các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;	b) <u>Toàn bộ các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được</u> khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước doanh nghiệp nhà nước thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
c) Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương;	Giữ nguyên
d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
2. Chi ngân sách nhà nước bao gồm:	Giữ nguyên
a) Chi đầu tư phát triển;	Giữ nguyên
b) Chi dự trữ quốc gia;	Giữ nguyên
c) Chi thường xuyên;	Giữ nguyên
d) Chi trả nợ lãi;	Giữ nguyên
đ) Chi viện trợ;	Giữ nguyên
e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
3. Bội chi ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên
4. Tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên
Điều 6. Hệ thống ngân sách nhà nước	
1. Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.	
2. Ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương.	Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
Điều 7. Nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước 1. Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện. Việc ban hành chính sách thu ngân sách phải bảo đảm nguyên tắc cân đối ngân sách trong trung hạn, dài hạn và thực hiện các cam kết về hội nhập quốc tế.	1. Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện. Việc ban hành chính sách thu, chi ngân sách phải bảo đảm nguyên tắc cân đối ngân sách trong trung hạn, dài hạn và thực hiện các cam kết về hội nhập quốc tế.
2. Ngân sách nhà nước được cân đối theo nguyên tắc tổng số thu từ thuế, phí, lệ phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên và góp phần tích lũy ngày càng cao để chi đầu tư phát triển; trường hợp còn bội chi thì số bội chi phải nhỏ hơn số chi đầu tư phát triển, tiến tới cân bằng thu, chi ngân sách; trường hợp đặc biệt Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định. Trường hợp bội thu ngân sách thì được sử dụng để trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước.	2. Ngân sách nhà nước được cân đối theo nguyên tắc tổng số thu từ thuế, phí, lệ phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên và góp phần tích lũy ngày càng cao để chi đầu tư phát triển; trường hợp còn bội chi thì số bội chi phải nhỏ hơn số chi đầu tư phát triển, tiến tới cân bằng thu, chi ngân sách; trường hợp đặc biệt Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định. Trường hợp bội thu ngân sách thì được sử dụng để trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước.
3. Vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. 4. Bội chi ngân sách trung ương được bù đắp từ các nguồn sau: a) Vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính phủ, công trái xây dựng Tổ quốc và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật; b) Vay ngoài nước từ các khoản vay của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và phát hành trái phiếu chính phủ ra thị trường quốc tế, không bao gồm các khoản vay về cho vay lại.	Giữ nguyên
5. Bội chi ngân sách địa phương: a) Chi ngân sách địa phương cấp tỉnh được bội chi; bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; b) Bội chi ngân sách địa phương được bù đắp bằng các nguồn vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật; c) Bội chi ngân sách địa phương được tổng hợp vào bội chi ngân sách nhà nước và do Quốc hội quyết định. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện được phép bội chi ngân sách địa phương để bảo đảm phù hợp với khả năng trả nợ của địa phương và tổng mức bội chi chung của ngân sách nhà nước.	
6. Mức dư nợ vay của ngân sách địa phương: a) Đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh không vượt quá 60% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp; b) Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp; c) Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp nhỏ hơn hoặc bằng chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 20% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp.	a) Đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh không vượt quá 60% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp; b) Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp; c) Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp nhỏ hơn hoặc bằng chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 20% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp. a) Đối với các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp; b) Đối với các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, mức dư nợ vay không vượt quá 80% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
Điều 8. Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước	
1. Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất, tập trung dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng; có phân công, phân cấp quản lý; gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp.	Giữ nguyên
2. Toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên
3. Các khoản thu ngân sách thực hiện theo quy định của các luật thuế và chế độ thu theo quy định của pháp luật.	3. Các khoản thu ngân sách thực hiện theo quy định của các luật về thuế, phí, lệ phí và chế độ các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật.
4. Các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Ngân sách các cấp, đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách không được thực hiện nhiệm vụ chi khi chưa có nguồn tài chính, dự toán chi ngân sách làm phát sinh nợ khối lượng xây dựng cơ bản, nợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên.	4. Các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trừ các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại thực hiện theo quy định của Chính phủ. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ chi chưa được dự toán hoặc dự toán bố trí chưa đủ thì báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán cho phép thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật này. Ngân sách các cấp, đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách không được thực hiện nhiệm vụ chi khi chưa có nguồn tài chính, dự toán chi ngân sách làm phát sinh nợ khối lượng xây dựng cơ bản, nợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên.
5. Bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế; xoá đói, giảm nghèo; chính sách dân tộc; thực hiện mục tiêu bình đẳng giới; phát triển nông nghiệp, nông thôn, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ và những chính sách quan trọng khác.	5. Bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế; phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giảm nghèo bền vững; phát triển nông nghiệp, nông thôn, y tế; chính sách dân tộc; thực hiện mục tiêu bình đẳng giới phát triển nông nghiệp, nông thôn, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ và những chính sách quan trọng khác.
6. Bố trí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh phí hoạt động của bộ máy nhà nước.	6. Bố trí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh phí hoạt động của bộ máy nhà nước; các nghĩa vụ của nhà nước trong các cam kết quốc tế, cam kết với các nhà đầu tư.
7. Ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.	Giữ nguyên
8. Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm; ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Chính phủ.	Giữ nguyên
9. Bảo đảm chi trả các khoản nợ lãi đến hạn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
10. Việc quyết định đầu tư và chi đầu tư chương trình, nhiệm vụ, dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải phù hợp với Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan. Đối với chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn phân bổ vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 59 của Luật này. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đầu tư, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, đúng mục đích. 10a. Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được bố trí từ hai nguồn (chi đầu tư công và chi thường xuyên): mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác. Chính phủ quy định chi tiết khoản này.	10. Việc quyết định đầu tư và chi đầu tư chương trình, nhiệm vụ, dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải phù hợp với Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan. Đối với chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn phân bổ vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 57 của Luật này. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đầu tư, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, đúng mục đích. 11. Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được bố trí từ hai nguồn (chi đầu tư công và chi thường xuyên): Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; chi phí chuẩn bị, phê duyệt dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án; mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các
11. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.	12. Ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật; không hỗ trợ bố trí kinh phí hoạt động cho các quỹ thực hiện nhiệm vụ về tài chính nhà nước ngoài ngân sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật chuyên ngành, phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để tập trung và nâng cao hiệu quả quản lý các nguồn lực tài chính quốc gia. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.
Điều 9. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách 1. Ngân sách trung ương, ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể. 2. Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi quốc gia, hỗ trợ địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Luật này. 3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.	Giữ nguyên 2. Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi quốc gia, hỗ trợ địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 40 39 của Luật này. Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
4. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.	4. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; Việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm giảm thu tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp. 5. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm. Trừ các trường hợp sau: a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nghiêm trọng và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương; b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới; c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nghiêm trọng và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác; d) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình. Chính phủ quy định chi tiết điểm này.
5. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chỉ của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chỉ đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.	5 6. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chỉ của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chỉ đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.
6. Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương.	6 7. Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương.
7. Trong thời kỳ ổn định ngân sách: a) Không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách; b) Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định; c) Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng của ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương d) Các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu hằng năm mà ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp để tăng chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đối với số tăng thu so với dự toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này.	Bỏ quy định

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên. Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thu về ngân sách cấp trên số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 40 của Luật này để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; d) Trường hợp ngân sách địa phương hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật này.	
8. Sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách, các địa phương phải tăng khả năng tự cân đối, phát triển ngân sách địa phương, thực hiện giảm dần tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên so với tổng chi ngân sách địa phương hoặc tăng tỷ lệ phần trăm (%) nộp về ngân sách cấp trên đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách để tăng nguồn lực cho ngân sách cấp trên thực hiện các nhiệm vụ chi quốc gia và phát triển đồng đều giữa các địa phương.	Bỏ quy định
9. Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương; b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới; c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng. d) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình. Chính phủ quy định chi tiết điểm này.	Đưa lên Khoản 5 Điều này
10. Trường hợp thực hiện điều ước quốc tế dẫn đến giảm nguồn thu của ngân sách trung ương, Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Điều 10. Dự phòng ngân sách nhà nước 1. Mức bố trí dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách mỗi cấp. 2. Dự phòng ngân sách nhà nước sử dụng để: a) Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán;	10 8. Trường hợp thực hiện điều ước quốc tế dẫn đến giảm nguồn thu của ngân sách trung ương, Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. 1. Mức bố trí dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách mỗi cấp, không bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (nếu có). a) Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh, chia sẻ phần giảm doanh thu đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán hoặc đã bố trí dự toán nhưng chưa đủ;

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
b) Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;	b) Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này; sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;
c) Chi hỗ trợ các địa phương khác theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 9 của Luật này.	c) Chi hỗ trợ các địa phương khác theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 của Luật này.
3. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước:	
a) Chính phủ quy định thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương, định kỳ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội việc sử dụng dự phòng ngân sách trung ương và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất;	Giữ nguyên
b) Ủy ban nhân dân các cấp quyết định sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.	Giữ nguyên
Điều 11. Quỹ dự trữ tài chính	
1. Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) lập quỹ dự trữ tài chính từ các nguồn tăng thu, kết dư ngân sách, bổ trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật. Số dư của quỹ dự trữ tài chính ở mỗi cấp không vượt quá 25% dự toán chi ngân sách hằng năm của cấp đó.	1. Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) lập quỹ dự trữ tài chính từ các nguồn tăng thu, kết dư ngân sách, bổ trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật. Số dư của quỹ dự trữ tài chính ở mỗi cấp không vượt quá 25% dự toán chi ngân sách hằng năm của cấp đó, không bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (nếu có).
2. Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng trong các trường hợp sau:	
a) Cho ngân sách tạm ứng để đáp ứng các nhu cầu chi theo dự toán chi ngân sách khi nguồn thu chưa tập trung kịp và phải hoàn trả ngay trong năm ngân sách;	a) Cho ngân sách tạm ứng để đáp ứng các nhu cầu chi theo dự toán chi ngân sách khi nguồn thu chưa tập trung kịp và phải hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày tạm ứng, ngay trong năm ngân sách;
b) Trường hợp thu ngân sách nhà nước hoặc vay để bù đắp bội chi không đạt mức dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định và thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng, với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán mà sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, được sử dụng quỹ dự trữ tài chính để đáp ứng các nhu cầu chi nhưng mức sử dụng trong năm tối đa không quá 70% số dư	b) Trường hợp thu ngân sách nhà nước hoặc vay để bù đắp bội chi không đạt mức dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định và thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng, với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán mà sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, được sử dụng quỹ dự trữ tài chính để đáp ứng các nhu cầu chi nhưng mức sử dụng trong năm tối đa không quá 70% số dư đầu năm của quỹ.
3. Chính phủ quy định thẩm quyền quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính.	
Điều 12. Điều kiện thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước	
1. Thu ngân sách nhà nước phải được thực hiện theo quy định của Luật này, các luật về thuế và các quy định khác của pháp luật về thu ngân sách nhà nước.	1. Thu ngân sách nhà nước phải được thực hiện theo quy định của Luật này, các luật về thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan, về thu ngân sách nhà nước.
2. Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi và đáp ứng các điều kiện trong từng trường hợp sau đây:	2. Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ trường hợp quy định tại Điều 51-49 của Luật này; đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi và đáp ứng các điều kiện trong từng trường hợp sau đây:
a) Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng;	a) Đối với chi đầu tư phát triển xây dựng cơ bản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về Luật Đầu tư công và xây dựng; pháp luật có liên quan
b) Đối với chi thường xuyên phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí thi thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ và phù hợp với dự toán được giao tự chủ;	Giữ nguyên
c) Đối với chi dự trữ quốc gia phải bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;	Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
d) Đối với những gói thầu thuộc các nhiệm vụ, chương trình, dự án cần phải đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hoá, xây lắp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;	d) Đối với những gói thầu thuộc các nhiệm vụ, chương trình, dự án cần phải đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hoá, xây lắp phải tổ chức thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
đ) Đối với những khoản chi cho công việc thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch phải theo quy định về giá hoặc phí và lệ phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.	Giữ nguyên
Điều 13. Kế toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước	
1. Thu, chi ngân sách nhà nước được hạch toán bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp các khoản thu, chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do cơ quan có thẩm quyền quy định để hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước tại thời điểm	Giữ nguyên
2. Các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước phải được hạch toán kế toán, quyết toán đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ.	Giữ nguyên
3. Kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện thống nhất theo chế độ kế toán nhà nước, mục lục ngân sách nhà nước và quy định của Luật này.	3. Kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện thống nhất theo chế độ pháp luật kế toán nhà nước, mục lục ngân sách nhà nước và quy định của Luật này.
4. Chứng từ thu, chi ngân sách nhà nước được phát hành, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật.	
Điều 14. Năm ngân sách	
Năm ngân sách bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.	Giữ nguyên
Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước	
1. Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước được công khai theo quy định sau đây:	1. Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; kế hoạch tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và các chương trình; dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước được công khai theo quy định sau đây:

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
a) Đối tượng phải thực hiện công khai gồm các cơ quan thu, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước;	Giữ nguyên
b) Nội dung công khai bao gồm: các quy định về quy trình, thủ tục kê khai, thu, nộp, miễn giảm, gia hạn, hoàn lại các khoản thu; tạm ứng, cấp phát, thanh toán ngân sách nhà nước;	b) Nội dung công khai bao gồm: các quy định về quy trình, thủ tục kê khai, thu, nộp, miễn giảm, gia hạn, khoanh nợ , hoàn lại các khoản thu; tạm ứng, cấp phát, thanh toán ngân sách nhà nước;
c) Việc công khai được thực hiện bằng các hình thức niêm yết tại nơi giao dịch và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan.	Giữ nguyên
3. Nội dung công khai phải bảo đảm đầy đủ theo các chỉ tiêu, biểu mẫu do Bộ Tài chính quy	Giữ nguyên
4. Các đối tượng có trách nhiệm phải thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu không thực hiện công khai đầy đủ, đúng hạn thì sẽ bị xử lý theo quy định của	4. Các đối tượng có trách nhiệm phải thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, nếu không thực hiện công khai đầy đủ, đúng hạn thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
5. Chính phủ quy định chi tiết về công khai ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên
Điều 16. Giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng	
1. Ngân sách nhà nước được giám sát bởi cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức việc giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng. Nội dung giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng gồm:	Giữ nguyên
a) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước;	
b) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng năm;	
c) Việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 15 của Luật này.	
2. Chính phủ quy định chi tiết về giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng.	
Điều 17. Kế hoạch tài chính 05 năm	
1. Kế hoạch tài chính 05 năm là kế hoạch tài chính được lập trong thời hạn 05 năm cùng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm. Kế hoạch tài chính 05 năm xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể về tài chính - ngân sách nhà nước; các định hướng lớn về tài chính, ngân sách nhà nước; số thu và cơ cấu thu nội địa, thu dầu thô, thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; số chi và cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên; định hướng về bội chi ngân sách; giới hạn nợ nước ngoài của quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch.	Giữ nguyên
2. Kế hoạch tài chính 05 năm được sử dụng để:	
a) Thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương; cân đối, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính công và ngân sách nhà nước trong trung hạn; thúc đẩy việc công khai, minh bạch ngân sách nhà nước;	Giữ nguyên
b) Làm cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước;	Giữ nguyên
c) Định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.	c) Định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.
3. Kế hoạch tài chính 05 năm gồm kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Giữ nguyên
4. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia trình Chính phủ báo cáo Quốc hội; Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương minh trình Ủy ban nhân dân cùng cấp báo cáo Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định cùng với thời điểm trình dự toán ngân sách năm đầu kỳ kế hoạch.	4. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia trình Chính phủ báo cáo Quốc hội; Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương minh trình Ủy ban nhân dân cùng cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cấp xem xét, quyết định cùng với thời điểm trình dự toán ngân sách năm đầu kỳ kế hoạch.
5. Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm.	Giữ nguyên
Điều 18. Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước	

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt hoặc thiếu trách nhiệm làm thiệt hại đến nguồn thu ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên
2. Thu sai quy định của các luật thuế và quy định khác của pháp luật về thu ngân sách; phân chia sai quy định nguồn thu giữa ngân sách các cấp; giữ lại nguồn thu của ngân sách nhà nước sai chế độ; tự đặt ra các khoản thu trái với quy định của pháp luật.	2. Thu, nộp không đúng quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí, pháp luật về quản lý thuế và pháp luật về các khoản thu khác thuộc ngân sách sai quy định của các luật thuế và quy định khác của pháp luật về thu ngân sách; phân chia sai quy định nguồn thu giữa ngân sách các cấp; giữ lại nguồn thu của ngân sách nhà nước sai chế độ; tự đặt ra các khoản thu trái với quy định của pháp luật.
3. Chi không có dự toán, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; chi không đúng dự toán ngân sách được giao; chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật.	3. Chi không có dự toán, trừ trường hợp quy định tại Điều 51-49 của Luật này; chi không đúng dự toán ngân sách được giao; chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật.
4. Quyết định đầu tư chương trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách không đúng thẩm quyền, không xác định rõ nguồn vốn để thực hiện.	Giữ nguyên
5. Thực hiện vay trái với quy định của pháp luật; vay vượt quá khả năng cân đối của ngân sách.	Giữ nguyên
6. Sử dụng ngân sách nhà nước để cho vay, tạm ứng, góp vốn trái với quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
7. Trì hoãn việc chi ngân sách khi đã bảo đảm các điều kiện chi theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
8. Hạch toán sai chế độ kế toán nhà nước và mục lục ngân sách nhà nước.	8. Hạch toán sai chế độ pháp luật kế toán nhà nước và mục lục ngân sách nhà nước.
9. Lập, trình dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước chậm so với thời hạn quy định.	Giữ nguyên
10. Phê chuẩn, duyệt quyết toán ngân sách nhà nước sai quy định của pháp luật.	10. Phê chuẩn, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước sai quy định của pháp luật.
11. Xuất quỹ ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước mà khoản chi đó không có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách và ứng trước dự toán ngân sách năm sau quy định tại Điều 51 và Điều 57 của Luật này.	11. Xuất quỹ ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước mà khoản chi đó không có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách và ứng trước dự toán ngân sách năm sau quy định tại Điều 51-49 và Điều 57-55 của Luật này.
12. Các hành vi bị cấm khác trong lĩnh vực ngân sách nhà nước theo quy định của các luật có liên quan.	12. Các hành vi bị cấm khác trong lĩnh vực ngân sách nhà nước theo quy định của pháp các luật có liên quan.
CHƯƠNG II: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội	
1. Làm luật và sửa đổi luật trong lĩnh vực tài chính - ngân sách.	Giữ nguyên
2. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ.	Giữ nguyên
3. Quyết định kế hoạch tài chính 05 năm.	Giữ nguyên
4. Quyết định dự toán ngân sách nhà nước:	
a) Tổng số thu ngân sách nhà nước, bao gồm thu nội địa, thu dầu thô, thu từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, thu viện trợ không hoàn lại;	Giữ nguyên
b) Tổng số chi ngân sách nhà nước, bao gồm chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ;	b) Tổng số chi ngân sách nhà nước, bao gồm chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học, và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
c) Bội chi ngân sách nhà nước bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương, chi tiết từng địa phương; nguồn bù đắp bội chi ngân sách nhà nước;	Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
d) Tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên
5. Quyết định phân bổ ngân sách trung ương:	
a) Tổng số chi ngân sách trung ương được phân bổ; chi đầu tư phát triển theo từng lĩnh vực; chi thường xuyên theo từng lĩnh vực; chi dự trữ quốc gia; chi trả nợ lãi, chi viện trợ; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách;	a) Tổng số chi ngân sách trung ương được phân bổ, bao gồm các khoản đã phân bổ chi tiết và các khoản chưa phân bổ chi tiết; chi đầu tư phát triển theo từng lĩnh vực; chi thường xuyên theo từng lĩnh vực; chi dự trữ quốc gia; chi trả nợ lãi, chi viện trợ; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách;
b) Dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi viện trợ của từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương theo từng lĩnh vực;	Giữ nguyên
c) Mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương, bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu.	Giữ nguyên
5a. Giao Chính phủ phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 5 Điều này bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.	Bỏ quy định
6. Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng địa phương đối với các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 35 của Luật này.	Bỏ quy định
7. Quyết định chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.	7 6. Quyết định chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.
8. Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết.	8 7. Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết.
9. Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.	9 8. Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.
10. Giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước, chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách quốc gia, nghị quyết của Quốc hội về ngân sách nhà nước.	10 9. Giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước, chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách quốc gia, nghị quyết của Quốc hội về ngân sách nhà nước.
11. Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội.	11 10. Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội.
Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban thường vụ Quốc hội	Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
1. Ban hành pháp lệnh, nghị quyết về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
2. Cho ý kiến về các dự án luật, các báo cáo và các dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách do Chính phủ trình Quốc hội.	2. Cho ý kiến về các dự án luật, nghị quyết và các báo cáo và các dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách do Chính phủ trình Quốc hội.
3. Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên
4. Cho ý kiến về các chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước do Chính phủ trình.	Giữ nguyên
5. Quyết định về:	
a) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước;	Giữ nguyên
b) Bổ sung dự toán số tăng thu ngân sách nhà nước; phân bổ, sử dụng số tăng thu, số tiết kiệm chi của ngân sách trung ương, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.	b) Bổ sung dự toán số tăng thu ngân sách nhà nước; Phân bổ, sử dụng số tăng thu, số tiết kiệm dự toán dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.
6. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lĩnh vực tài chính - ngân sách.	Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
7. Đình chỉ việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, trình Quốc hội tại kỳ họp gần nhất quyết định việc hủy bỏ các văn bản đó.	Giữ nguyên
8. Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.	
9. Bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh và nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.	
Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội	Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kinh tế và Tài chính tài chính, ngân sách của Quốc hội
1. Thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao.	1. Thẩm tra dự án luật, nghị quyết, dự án pháp lệnh và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách do Quốc hội, Ủy ban thường-Thường vụ Quốc hội giao.
2. Chủ trì thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phương án điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo về thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách và phương án sử dụng số tăng thu, số tiết kiệm chi của ngân sách trung ương do Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.	2. Chủ trì thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phương án điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo về thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách và phương án sử dụng số tăng thu, số tiết kiệm chi dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương do Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban thường-Thường vụ Quốc hội.
3. Thẩm tra các chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước do Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội.	3. Thẩm tra các chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước do Chính phủ trình Ủy ban thường-Thường vụ Quốc hội.
4. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lĩnh vực tài chính - ngân sách; giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước và chính sách tài chính - ngân sách.	4. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường-thường vụ Quốc hội về lĩnh vực tài chính - ngân sách; giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước và chính sách tài chính - ngân sách.
5. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương về lĩnh vực tài chính - ngân sách.	Giữ nguyên
6. Kiến nghị các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân sách.	
Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội	Giữ nguyên
1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội, các cơ quan có liên quan của Chính phủ để thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, báo cáo về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước và các dự án, báo cáo khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách được phân công phụ trách do Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.	
2. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tài chính - ngân sách; giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước và chính sách tài chính - ngân sách trong lĩnh vực phụ trách.	
3. Kiến nghị các vấn đề về tài chính - ngân sách trong lĩnh vực phụ trách.	
Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước	

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
1. Thực hiện kiểm toán ngân sách nhà nước và báo cáo kết quả kiểm toán với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; gửi báo cáo kiểm toán cho Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan khác có liên quan theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước.	1. Thực hiện kiểm toán ngân sách nhà nước và báo cáo kết quả kiểm toán với Quốc hội, Ủy ban thường Thường vụ Quốc hội; gửi báo cáo kiểm toán cho Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan khác có liên quan theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước.
2. Trình Quốc hội báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước để Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên
3. Tham gia với Ủy ban tài chính, ngân sách và các cơ quan khác của Quốc hội, Chính phủ trong việc xem xét, thẩm tra báo cáo về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phương án điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước.	3. Tham gia với Ủy ban Kinh tế và Tài chính tài chính ; ngân sách và các cơ quan khác của Quốc hội, Chính phủ trong việc xem xét, thẩm tra báo cáo về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phương án điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước.
Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước	
1. Công bố luật, pháp lệnh về lĩnh vực tài chính - ngân sách.	
2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Hiến pháp và pháp luật quy định trong việc tiến hành đàm phán, ký kết, quyết định phê chuẩn hoặc trình Quốc hội phê chuẩn điều ước quốc tế về lĩnh vực tài chính - ngân sách.	Giữ nguyên
3. Yêu cầu Chính phủ hợp bản về hoạt động tài chính - ngân sách nhà nước khi cần thiết.	
Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ	
1. Trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội các dự án luật, pháp lệnh và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo thẩm quyền.	1. Trình Quốc hội, Ủy ban thường Thường vụ Quốc hội các dự án luật, ngợi quyết , pháp lệnh và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo thẩm quyền.
2. Lập và trình Quốc hội kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.	2. Lập và trình Quốc hội kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm .
3. Lập và trình Quốc hội dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm; dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết.	Giữ nguyên
	Bổ sung khoản 4. Điều chỉnh dự toán thu, chi của một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật này.
4. Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương theo nội dung quy định tại điểm b khoản 5 Điều 19 của Luật này; nhiệm vụ thu, chi, bội chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng địa phương đối với các khoản thu phân chia và mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4, điểm c khoản 5 và khoản 6 Điều 19 của Luật này.	5. Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương theo nội dung quy định tại điểm b khoản 5 Điều 19 của Luật này; nhiệm vụ thu, chi, bội chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng địa phương đối với các khoản thu phân chia và mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4, điểm c khoản 5 và khoản 6 Điều 19 của Luật này.
	Bổ sung quy định: 6. Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 5 Điều 19 Luật này bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.
5. Thống nhất quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý ngành và địa phương trong việc thực hiện ngân sách nhà nước.	7. Thống nhất quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý ngành và địa phương trong việc thực hiện ngân sách nhà nước.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
6. Quyết định các giải pháp và tổ chức điều hành thực hiện ngân sách nhà nước được Quốc hội quyết định; kiểm tra việc thực hiện ngân sách nhà nước; báo cáo Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.	8. Quyết định các giải pháp và tổ chức điều hành thực hiện ngân sách nhà nước được Quốc hội quyết định; kiểm tra việc thực hiện ngân sách nhà nước; báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.
7. Báo cáo Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về tài chính - ngân sách khi có yêu cầu.	9. Báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tài chính - ngân sách khi có yêu cầu.
8. Quy định quy trình, thủ tục lập dự toán, thu nộp, kiểm soát, thanh toán chi ngân sách, quyết toán ngân sách; ứng trước dự toán ngân sách năm sau; sử dụng dự phòng ngân sách; sử dụng quỹ dự trữ tài chính và các quỹ tài chính khác của Nhà nước theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.	10. Quy định quy trình, thủ tục lập dự toán, thu nộp, kiểm soát, thanh toán chi ngân sách, quyết toán ngân sách; ứng trước dự toán ngân sách năm sau; sử dụng dự phòng ngân sách; sử dụng quỹ dự trữ tài chính và các quỹ tài chính khác của Nhà nước theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
9. Quyết định những chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của cả nước sau khi xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội.	11. Quyết định những chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của cả nước sau khi xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
10. Quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu thực hiện thống nhất trong cả nước; đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, để phù hợp đặc điểm của địa phương, quy định khung và giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể.	12. Quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách tiêu thực hiện thống nhất trong cả nước; đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, để phù hợp đặc điểm của địa phương, quy định khung và giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể.
11. Xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định làm căn cứ xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và các địa phương.	13. Xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định làm căn cứ xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và các địa phương.
12. Hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; kiểm tra tính hợp pháp các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.	14. Hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; kiểm tra tính hợp pháp các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
13. Lập và trình Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước, quyết toán các chương trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.	15. Lập và trình Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước, quyết toán các chương trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.
14. Ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.	Bỏ quy định
15. Quy định việc thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.	16. Quy định việc thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính	
1. Chuẩn bị các dự án luật, pháp lệnh, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, các dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách, trình Chính phủ; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo thẩm quyền.	1. Trình Chính phủ chuẩn bị cáo dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực tài chính – ngân sách, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách, trình Chính phủ; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo thẩm quyền.
2. Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên của ngân sách nhà nước; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, cơ chế quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, chế độ kế toán, thanh toán, quyết toán, mục lục ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo, công khai tài chính - ngân sách trình Chính phủ quy định hoặc quy định theo phân cấp của Chính phủ để thi hành thống nhất trong cả nước.	2. Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên của ngân sách nhà nước; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, cơ chế quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, chế độ pháp luật kế toán, thanh toán, quyết toán, mục lục ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo, công khai tài chính - ngân sách trình Chính phủ quy định hoặc quy định theo phân cấp của Chính phủ để thi hành thống nhất trong cả nước.
3. Quyết định ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với các ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực; trường hợp không thống nhất, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định.	Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
4. Lập, trình Chính phủ dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết. Tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước; thống nhất quản lý và chỉ đạo công tác thu thuế, phí, lệ phí, các khoản vay và thu khác của ngân sách, các nguồn viện trợ quốc tế; tổ chức thực hiện chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao. Tổng hợp, lập quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ.	4. Tổng hợp, lập, trình Chính phủ dự toán ngân sách nhà nước; phương án phân bổ ngân sách trung ương; dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết; quyết toán ngân sách nhà nước. 5. Tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước; thống nhất quản lý và chỉ đạo công tác thu thuế, phí, lệ phí, các khoản vay và thu khác của ngân sách, các nguồn viện trợ quốc tế; tổ chức thực hiện chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao. Tổng hợp, lập quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ.
5. Chủ trì xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt mục tiêu, định hướng huy động, sử dụng vốn vay và quản lý nợ công trong từng giai đoạn 05 năm; chương trình quản lý nợ trung hạn; hệ thống các chỉ tiêu giám sát nợ chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia; kế hoạch vay, trả nợ hằng năm của Chính phủ.	Giữ nguyên và chuyển thành khoản 6
6. Kiểm tra các quy định về tài chính - ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trường hợp quy định trong các văn bản đó trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên thì có quyền:	Sửa "Ủy ban thường vụ Quốc hội" thành "Ủy ban Thường vụ Quốc hội" và chuyển thành khoản 7
a) Kiến nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ đối với những văn bản của bộ, cơ quan ngang bộ;	Giữ nguyên
b) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp	Giữ nguyên
c) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ đối với những quy định của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
7. Thanh tra, kiểm tra tài chính - ngân sách, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các vi phạm về chế độ quản lý tài chính - ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các địa phương, các tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các đối tượng khác có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và sử dụng ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên và chuyển thành khoản 8
8. Quản lý quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật.	9. Quản lý quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ nhà nước, ngân quỹ nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật.
9. Đánh giá hiệu quả chi ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên và chuyển thành khoản 10
10. Thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 15 của Luật này.	Giữ nguyên và chuyển thành khoản 11
Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
1. Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước trình Chính phủ; lập phương án phân bổ chỉ đầu tư phát triển của ngân sách trung ương.	Bỏ quy định
2. Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.	
Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điều 28 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
1. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và triển khai thực hiện phương án vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên
2. Tạm ứng cho ngân sách nhà nước để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.	Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương	Điều 29 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương
1. Lập dự toán ngân sách hằng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của cơ quan mình.	1. Lập dự toán ngân sách hằng năm, kế hoạch tài chính—ngân sách nhà nước—03 năm của cơ quan mình.
2. Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan trong quá trình tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, quyết toán ngân sách hằng năm thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.	2. Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan trong quá trình tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm, kế hoạch tài chính 05 năm; kế hoạch tài chính—ngân sách nhà nước—03 năm , quyết toán ngân sách hằng năm thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.
3. Kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.	Giữ nguyên
4. Báo cáo tình hình thực hiện kết quả, hiệu quả sử dụng ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ	Giữ nguyên
5. Ban hành các định mức kỹ thuật - kinh tế làm cơ sở cho việc quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.	Giữ nguyên
6. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.	Giữ nguyên
7. Quản lý, tổ chức thực hiện và quyết toán, công khai đối với ngân sách được giao; bảo đảm sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.	7. Quản lý, tổ chức thực hiện và quyết toán, công khai đối với ngân sách được giao; bảo đảm sử dụng đúng quy định của pháp luật và hiệu quả ngân sách nhà nước.
8. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.	8. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách, giải trình với cơ quan chức năng khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về những sai sót, sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.
Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp	Điều 30 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp
1. Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định:	Giữ nguyên
a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, bao gồm thu nội địa, thu dầu thô, thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, thu viện trợ không hoàn lại, bảo đảm không thấp hơn dự toán thu ngân sách nhà nước được cấp trên giao;	
b) Dự toán thu ngân sách địa phương, bao gồm các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%, phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%), thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;	Giữ nguyên
c) Dự toán chi ngân sách địa phương, bao gồm chi ngân sách cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ;	c) Dự toán chi ngân sách địa phương, bao gồm chi ngân sách cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học, và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ;
d) Tổng mức vay của ngân sách địa phương, bao gồm vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương và vay để trả nợ gốc của ngân sách địa phương.	Giữ nguyên
2. Quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình:	

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
a) Tổng số; chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương; dự phòng ngân sách;	a) Tổng số chi ngân sách, bao gồm các khoản đã phân bổ chi tiết và các khoản chưa phân bổ chi tiết; chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương; dự phòng ngân sách;
b) Dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình theo từng lĩnh vực;	Giữ nguyên
c) Mức bổ sung cho ngân sách từng địa phương cấp dưới trực tiếp, gồm bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu.	c) Mức bổ sung cho ngân sách từng địa phương cấp dưới trực tiếp, gồm bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu.
2a. Giao Ủy ban nhân dân cùng cấp phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 2 Điều này bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.	Đưa xuống khoản 5 Điều 30 về nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh.
3. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.	Giữ nguyên
4. Quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương.	Giữ nguyên
5. Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết.	Giữ nguyên
6. Giám sát việc thực hiện ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.	Giữ nguyên
7. Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật về tài chính - ngân sách của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp và Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.	7. Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật về tài chính - ngân sách của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp và Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.
8. Quyết định danh mục các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước của ngân sách cấp mình; quyết định chương trình, dự án đầu tư quan trọng của địa phương được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên
9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:	
a) Quyết định kế hoạch tài chính 05 năm gồm các nội dung: mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể của kế hoạch tài chính 05 năm; khả năng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương, bội chi ngân sách địa phương và giới hạn mức vay của ngân sách địa phương; giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch;	
b) Bội chi ngân sách địa phương và nguồn bù đắp bội chi ngân sách địa phương hằng năm;	Giữ nguyên
c) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật này;	
d) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương;	
đ) Quyết định thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật;	đ) Quyết định thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật; được phép ban hành một số khoản thu phí, lệ phí ngoài danh mục của Luật phí và lệ phí đã quy định.
e) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương;	e) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương;

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
g) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ;	Giữ nguyên Bổ sung điểm h) Quyết định về việc thường vượt thu so với dự toán từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp dưới.
h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.	h i) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.
i) Quyết định chi viện trợ. Chính phủ quy định chi tiết điểm này.	k) Quyết định chi viện trợ. Chính phủ quy định chi tiết điểm i, k khoản 9 Điều này.
Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp 1. Lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình theo các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 30 của Luật này; dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp. 2. Lập quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn và báo cáo cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp. 3. Kiểm tra nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới về lĩnh vực tài chính - ngân sách. 4. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ thu, chi, mức bổ sung cho ngân sách cấp dưới và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương đối với các khoản thu phân chia.	Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên Bổ sung quy định 5. Điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Luật này. 6. Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Luật này bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất. 7. Quyết định các giải pháp và tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân quyết định; kiểm tra, báo cáo việc thực hiện ngân sách địa phương.
5. Quyết định các giải pháp và tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân quyết định; kiểm tra, báo cáo việc thực hiện ngân sách địa phương.	
6. Phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp trên trong việc quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn.	8. Phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp trên trong việc quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn.
7. Báo cáo, công khai ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.	9. Báo cáo, công khai ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ.	10. Thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
9. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ:	11. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều này còn có nhiệm vụ:
a) Lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 30 của Luật này;	a) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Hội đồng nhân dân giao;
b) Lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm theo quy định tại Điều 43 của Luật này;	b) Lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 30 29 của Luật này;
c) Quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính và các quỹ tài chính khác của Nhà nước theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.	c) Lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm theo quy định tại Điều 43 của Luật này; c) Quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính và các quỹ tài chính khác của Nhà nước theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
10. Chỉ đạo cơ quan tài chính địa phương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này.	12. Chỉ đạo cơ quan tài chính địa phương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này.
11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.	13. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.
Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách	Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách
1. Lập dự toán thu, chi ngân sách hằng năm; thực hiện phân bổ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao cho các đơn vị trực thuộc và điều chỉnh phân bổ dự toán theo thẩm quyền; lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 43 của Luật này.	1. Lập dự toán thu, chi ngân sách hằng năm; thực hiện phân bổ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao cho các đơn vị trực thuộc và điều chỉnh phân bổ dự toán theo thẩm quyền. lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 43 của Luật này.
2. Tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách được giao; nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản phải nộp ngân sách theo quy định của pháp luật; chi đúng chế độ, chính sách, đúng mục đích, đúng đối tượng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.	Giữ nguyên
3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thu, chi ngân sách đối với các đơn vị trực thuộc.	Giữ nguyên
4. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê; báo cáo, quyết toán ngân sách và công khai ngân sách theo quy định của pháp luật; duyệt quyết toán đối với các đơn vị dự toán cấp dưới.	Giữ nguyên
5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, được chủ động sử dụng nguồn thu phí và các nguồn thu hợp pháp khác để phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo quy định của Chính phủ.	Giữ nguyên
6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí phải ban hành quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với dự toán được giao tự chủ theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
7. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư	Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
1. Thực hiện các dự án đầu tư qua các giai đoạn của quá trình đầu tư: chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án, thực hiện dự án, nghiệm thu, bàn giao tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hợp đồng, kế toán, thống kê, báo cáo, quyết toán, công khai và lưu trữ hồ sơ dự án. Điều 34. Quyền hạn, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước 1. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. 2. Trường hợp được Nhà nước trợ cấp, hỗ trợ vốn và kinh phí theo dự toán được giao thì phải quản lý, sử dụng các khoản vốn và kinh phí đó đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả và quyết toán với cơ quan tài chính. 3. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và công khai ngân sách. 4. Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên Điều 33. Quyền hạn, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước Giữ nguyên
CHƯƠNG III: NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CÁC CẤP	
Điều 35. Nguồn thu của ngân sách trung ương 1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%: a) Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu; b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; c) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu; d) Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu; đ) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; e) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam; g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước trung ương thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan; h) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu, trừ lệ phí trước bạ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 37 của Luật này; i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện;	Điều 34. Nguồn thu của ngân sách trung ương Bỏ quy định b)-a) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung; e)-b) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu; bỏ quy định đ) c) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; e) d) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam; g) đ) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện. trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; Các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật doanh nghiệp nhà nước trung ương thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ; phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan; h) e) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu, trừ lệ phí trước bạ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 37-36 của Luật này; ì) g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện;

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
k) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý;	k) h) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan nhà nước ở Trung ương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;
l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương xử lý;	Bỏ quy định
m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sau khi trừ khoản dự phòng rủi ro và trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật;	m) i) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sau khi trừ khoản dự phòng rủi ro và trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật;
n) Thu từ quỹ dự trữ tài chính trung ương;	n) k) Thu từ quỹ dự trữ tài chính trung ương;
o) Thu kết dư ngân sách trung ương;	o) l) Thu kết dư ngân sách trung ương;
p) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách trung ương;	p) m) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách trung ương;
	Bổ sung quy định: n) Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu; o) Thu từ nhà cung cấp nước ngoài; p) Thu cấp quyền tần số vô tuyến điện;
q) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.	q) q) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:	2. Các khoản thu phân chia theo và tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:
a) Thuế giá trị gia tăng, trừ thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;	a) Thuế giá trị gia tăng, trừ thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; c) Thuế thu nhập cá nhân; d) Thuế tiêu thu đặc biệt, trừ thuế tiêu thu đặc biệt quy định tại điểm e khoản 1 Điều này; đ) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này. Phương án 1: Chưa sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh
b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản 1	a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm c, điểm o khoản 1 Điều này và điểm g khoản 1 Điều 36 Luật này), thuế thu nhập cá nhân thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 72% số thu trên địa bàn Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; 45% số thu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương; 30% đối với các địa phương còn lại.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
Điều này;	Ngân sách từng địa phương hưởng tương ứng tỷ lệ phân chia phần còn lại; b) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 80% số thu trên địa bàn Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; 70% số thu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương; 50% đối với các địa phương còn lại. Ngân sách từng địa phương hưởng tương ứng tỷ lệ phân chia phần còn lại; c) Thuế bảo vệ môi trường thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 80%, ngân sách địa phương hưởng 20% số thu trên địa bàn; d) Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định hằng năm; đ) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, các địa phương không nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 30%; ngân sách địa phương hưởng 70%. Các địa phương nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 20%; ngân sách địa phương hưởng 80%; e) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách địa phương hưởng 30%; g) Trong tổ chức thực hiện, trường hợp có biến động lớn về thu, chi ngân sách nhà nước hoặc giữa các địa phương, Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh tỷ lệ phân chia các khoản thu quy định tại các điểm a, b, c, d, e khoản này cho phù hợp.
c) Thuế thu nhập cá nhân;	
d) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;	
d) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.	Phương án 2: Sau khi có quyết định sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh Tỷ lệ phân chia các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều này sẽ được xác định lại theo đơn vị hành chính cấp tỉnh Quốc hội quyết định đảm bảo phù hợp mục tiêu tăng cường phân cấp, phân quyền, tự chủ nguồn lực và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Bỏ quy định
Điều 36. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương 1. Chi đầu tư phát triển: a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công; b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.	Điều 35. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương 1. Chi đầu tư phát triển: a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về Luật Đầu tư công; b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của trung ương theo quy định của pháp luật;
2. Chi dự trữ quốc gia.	Giữ nguyên Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
3. Chi thường xuyên của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được phân cấp trong các lĩnh vực:	Giữ nguyên
a) Quốc phòng;	Giữ nguyên
b) An ninh và trật tự, an toàn xã hội;	Giữ nguyên
c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;	Giữ nguyên
d) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;	d) Sự nghiệp khoa học, và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;	Giữ nguyên
e) Sự nghiệp văn hoá thông tin;	Giữ nguyên
g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn;	Giữ nguyên
h) Sự nghiệp thể dục thể thao;	Giữ nguyên
i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;	Giữ nguyên
k) Các hoạt động kinh tế;	Giữ nguyên
l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;	Giữ nguyên
m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;	m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;
n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
4. Chi trả nợ lãi các khoản tiền do Chính phủ vay.	Giữ nguyên
5. Chi viện trợ.	Giữ nguyên
6. Chi cho vay theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
7. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương.	Giữ nguyên
8. Chi chuyển nguồn của ngân sách trung ương sang năm sau.	Giữ nguyên
9. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.	Giữ nguyên
Điều 37. Nguồn thu của ngân sách địa phương	Điều 36. Nguồn thu của ngân sách địa phương
1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%:	Giữ nguyên
a) Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;	Giữ nguyên
b) Thuế môn bài;	Bỏ quy định
c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;	b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
d) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;	c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
đ) Tiền sử dụng đất, trừ thu tiền sử dụng đất tại điểm k khoản 1 Điều 35 của Luật này;	Bỏ
e) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;	d) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng khu vực biển;
g) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;	đ) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;
h) Lệ phí trước bạ;	e) Lệ phí trước bạ;
	Bổ sung g) Lệ phí môn bài
i) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;	h) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
k) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;	i) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;
l) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;	l)-k) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
m) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý;	m) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý;
n) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương;	n) m) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho chính quyền địa phương ;
o) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;	o) n) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện; trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ . Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;
p) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;	p) o) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu; Bổ sung p) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của địa phương cấp phép;
q) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện;	q) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện;
r) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý;	Bỏ quy định
s) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;	r) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;
t) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;	s) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
u) Thu kết dư ngân sách địa phương;	t) Thu kết dư ngân sách địa phương;
v) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.	u) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 35 của Luật này.	2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật này.
3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.	Giữ nguyên
4. Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.	Giữ nguyên
Điều 38. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương	Điều 37. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương
1. Chi đầu tư phát triển:	a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 9 Điều 9 của Luật này;
a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 9 Điều 9 của Luật này;	b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;
b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;	bc) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội tại địa phương;
b1) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội tại địa phương	ed) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.
c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.	
2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trong các lĩnh vực:	Giữ nguyên
a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;	Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;	b) Sự nghiệp khoa học, và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phần giao địa phương quản lý;	c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phần giao địa phương quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương;
d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;	Giữ nguyên
đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin;	Giữ nguyên
e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;	Giữ nguyên
g) Sự nghiệp thể dục thể thao;	Giữ nguyên
h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;	Giữ nguyên
i) Các hoạt động kinh tế;	Giữ nguyên
k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;	Giữ nguyên
l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;	l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;
m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.	Giữ nguyên
4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.	Giữ nguyên
4a. Chi viện trợ.	4a5. Chi viện trợ
5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.	6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.
6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.	7. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.
7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 của Luật này.	8. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật này.
Điều 39. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương	Điều 38. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương
1. Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương theo nguyên tắc sau:	Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 36 và Điều 37 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, bao gồm tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách từng cấp ở địa phương phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng vùng, từng địa phương.
a) Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng vùng, từng địa phương;	Bỏ quy định
b) Ngân sách xã, thị trấn được phân chia nguồn thu từ các khoản: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất;	Bỏ quy định
c) Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ;	Bỏ quy định
d) Trong phân cấp nhiệm vụ chi đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.	Bỏ quy định

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
2. Căn cứ vào tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia do Chính phủ giao và các nguồn thu ngân sách địa phương hưởng 100%, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp ở địa phương.	Bỏ quy định
Điều 40. Xác định số bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp	Điều 39. Xác định số bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp
1. Ngân sách địa phương được sử dụng nguồn thu được hưởng 100%, số thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên để cân đối thu, chi ngân sách cấp mình, bảo đảm các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được giao.	1. Ngân sách địa phương được sử dụng nguồn thu được hưởng 100%, số thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên để cân đối thu, chi ngân sách cấp mình để bảo đảm các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được giao.
2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và số bổ sung cân đối được xác định trên cơ sở:	2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và Số bổ sung cân đối được xác định trên cơ sở:
a) Tính toán các nguồn thu, nhiệm vụ chi quy định tại các điều 35, 37 và 38 của Luật này theo các chế độ thu ngân sách, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, theo các tiêu chí về dân số, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng; chú ý tới vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và vùng có khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn; vùng có diện tích đất trồng lúa nước lớn; vùng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; vùng kinh tế trọng điểm;	a) Tính toán các nguồn thu, nhiệm vụ chi quy định tại các Điều 34, 36 và 37 của Luật này theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách các chế độ thu ngân sách; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, theo các tiêu chí về dân số, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng; chú ý tới vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và vùng có khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn; vùng có diện tích đất trồng lúa nước lớn; vùng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; vùng kinh tế trọng điểm;
b) Đối với khoản thu ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm đ và điểm i khoản 1 Điều 37 của Luật này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.	b) Đối với khoản thu tiền sử dụng đất ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 34 và khoản thu từ hoạt động xổ số theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 37 36 của Luật này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.
3. Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới, để hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau:	Giữ nguyên
a) Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách;	a) Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách;
b) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác của cấp trên, phân giao cho cấp dưới thực hiện;	Giữ nguyên
c) Hỗ trợ khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới;	c) Hỗ trợ khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng nghiêm trọng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới;

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
d) Hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mức hỗ trợ được xác định cụ thể cho từng chương trình, dự án. Tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương quy định tại điểm này tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương.	d) Hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với; đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mức hỗ trợ được xác định cụ thể cho từng chương trình, dự án. Tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương quy định tại điểm này tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương.
CHƯƠNG IV: LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
Điều 41. Căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm	Điều 40. Căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm
1. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới.	Giữ nguyên
2. Nhiệm vụ cụ thể của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương.	2. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương.
3. Quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và chế độ thu ngân sách nhà nước; định mức phân bổ ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước.	3. Quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách chế độ thu ngân sách nhà nước ; định mức phân bổ ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước.
4. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và mức bổ sung cân đối ngân sách của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.	Giữ nguyên
5. Văn bản pháp luật của các cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau.	Giữ nguyên
6. Kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.	6. Kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm , kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.
7. Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm trước.	Giữ nguyên
8. Số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách thông báo cho các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.	Bỏ quy định
Điều 42. Yêu cầu lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm	Điều 41. Yêu cầu lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm
1. Dự toán ngân sách nhà nước phải tổng hợp theo từng khoản thu, chi và theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ và viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách.	Giữ nguyên
2. Dự toán ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách các cấp được lập phải thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trong đó:	2. Dự toán ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách và dự toán các của từng cấp ngân sách được lập phải thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trong đó:
a) Dự toán thu ngân sách được lập trên cơ sở dự báo các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và các chỉ tiêu có liên quan, các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và chế độ thu ngân sách;	a) Dự toán thu ngân sách được lập trên cơ sở dự báo các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và các chỉ tiêu có liên quan, các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách. chế độ thu ngân sách ;

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
b) Dự toán chi đầu tư phát triển được lập trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, khả năng cân đối các nguồn lực trong năm dự toán, quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan; c) Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Việc lập dự toán ngân sách của các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính thực hiện theo quy định của Chính phủ; d) Dự toán chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật có liên quan; đ) Dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được lập căn cứ vào danh mục các chương trình, tổng mức kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong từng giai đoạn do Quốc hội quyết định, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và chi tiết các dự án thành phần đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia; e) Dự toán chi trả nợ được lập trên cơ sở bảo đảm trả các khoản nợ đến hạn của năm dự toán ngân sách; g) Dự toán vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước phải căn cứ vào cân đối ngân sách nhà nước, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và trong giới hạn an toàn về nợ theo nghị quyết của Quốc hội.	b) Dự toán chi đầu tư phát triển được lập trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, khả năng cân đối các nguồn lực trong năm dự toán, quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan; c) Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án, đề án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chế độ, chính sách, tiêu chuẩn định mức chi (nếu có); các nhiệm vụ chi cần thiết khác dự kiến phát sinh cần bố trí nguồn để thực hiện. Việc lập dự toán ngân sách của các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính thực hiện theo quy định của Chính phủ; d) Ưu tiên bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học, và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với từng lĩnh vực bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật có liên quan; đ) Dự toán chi thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ, được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong nhiều năm được lập mục tiêu quốc gia được lập căn cứ vào trên cơ sở danh mục các chương trình, khả năng thực hiện hằng năm và tổng mức kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong từng giai đoạn do Quốc hội quyết định; mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và chi tiết các dự án thành phần đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia đã được phê duyệt (nếu có); Giữ nguyên Giữ nguyên
Điều 43. Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 1. Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm là kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước được lập hằng năm cho thời gian 03 năm, trên cơ sở kế hoạch tài chính 05 năm, được lập kể từ năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, theo phương thức cuốn chiếu. Kế hoạch này được lập cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm nhằm định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; định hướng thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng lĩnh vực và từng nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách cho từng lĩnh vực trong trung hạn.	

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
2. Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm gồm kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Nội dung gồm: dự báo về các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, những chính sách ngân sách quan trọng; dự báo về số thu, chi và cơ cấu thu, chi; dự báo về số bội chi ngân sách; xác định các nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước và thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực ngân sách, trần chi tiêu cho các lĩnh vực, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên; dự báo về nghĩa vụ nợ dự phòng và các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch trong thời hạn 03 năm. 3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, nội dung gồm: mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chủ yếu của ngành, cơ quan, đơn vị; dự báo các nguồn lực tài chính, trong đó dự báo về số thu được giao quản lý, yêu cầu về chi ngân sách để thực hiện; thể hiện nguyên tắc và cách thức xác định, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách và dự kiến phân bổ kinh phí trong tổng mức trần chi tiêu được cơ quan có thẩm quyền xác định trước; các giải pháp chủ yếu để cân đối giữa nhu cầu chi ngân sách và trần chi tiêu trong thời hạn 03 năm. 4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm. 5. Chính phủ quy định việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.	Bỏ Điều này
Điều 44. Thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước 1. Trước ngày 15 tháng 5, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau. 2. Trước ngày 20 tháng 9, Chính phủ trình các tài liệu báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật này đến Ủy ban thường vụ Quốc hội để cho ý kiến. 3. Các báo cáo của Chính phủ được gửi đến các đại biểu Quốc hội chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội cuối năm. 4. Trước ngày 15 tháng 11, Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau. 5. Trước ngày 20 tháng 11, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Điều 42. Thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước 1. Trước ngày 15 tháng 5, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau. 2. Trước ngày 20 tháng 9, Chính phủ trình các tài liệu báo cáo theo quy định tại Điều 45 của Luật này đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội để cho ý kiến và tiếp thu, hoàn chỉnh để trình Quốc hội. Bỏ quy định 3. Trước ngày 15 10 tháng 11, Quốc hội quyết định và ban hành nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau. 4. Trước ngày 20 tháng 11, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
6. Trước ngày 10 tháng 12, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau. Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách năm sau của cấp mình chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách. 7. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân cùng cấp giao dự toán ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và cấp dưới; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. 8. Trước ngày 31 tháng 12, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới.	5. Trước ngày 10 tháng 12, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau. Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách năm sau của cấp mình chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách. 6. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân cùng cấp giao dự toán ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và cấp dưới; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. 7. Trước ngày 31 tháng 12, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới. Bổ sung khoản 8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này
Điều 45. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc lập dự toán ngân sách hằng năm 1. Cơ quan thu các cấp ở địa phương xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn gửi cơ quan thu cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp. Cơ quan thu ở trung ương xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực được giao phụ trách, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước. 2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, chủ đầu tư lập dự toán thu, chi ngân sách trong phạm vi nhiệm vụ được giao, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp. 3. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương xem xét dự toán ngân sách của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp, dự toán ngân sách địa phương cấp dưới; chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình theo các chỉ tiêu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 30 của Luật này, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp. 4. Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan theo quy định để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ; đồng thời gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội để giám sát.	Điều 43. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc lập dự toán ngân sách hằng năm 1. Cơ quan thu e é áp ở địa phương xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng địa phương gửi cơ quan thu cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp ùng cấp từng địa phương. Cơ quan thu ở trung ương xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực được giao phụ trách, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước. 2. Đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách Cơ quan, tổ chức, đơn vị, chủ đầu tư lập dự toán thu, chi ngân sách trong phạm vi nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm về hồ sơ, số liệu đã báo cáo đơn vị dự toán ngân sách cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp; đơn vị dự toán cấp I để tổng hợp và chịu trách nhiệm về hồ sơ, số liệu báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp. 3. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương xem xét tổng hợp, cân đối dự toán ngân sách của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp, dự toán ngân sách địa phương cấp dưới; chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình theo các chỉ tiêu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 của Luật này, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp. 4. Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan theo quy định để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ; đồng thời gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội để giám sát.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
5. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở trung ương và địa phương phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập dự toán ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực được giao phụ trách.	5. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở trung ương và địa phương phối hợp với cơ quan tài chính, ơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp tổng hợp , lập dự toán ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực được giao phụ trách.
6. Bộ Tài chính xem xét dự toán ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương; chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành có liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật này.	6. Bộ Tài chính tổng hợp, cân đối xem xét dự toán ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương; chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư , các bộ, ngành có liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật này.
Điều 46. Thảo luận và quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách hằng năm	Điều 44. Thảo luận và quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách hằng năm
1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương tổ chức thảo luận với các cơ quan, đơn vị trực thuộc.	Giữ nguyên
2. Cơ quan tài chính các cấp chủ trì tổ chức:	Giữ nguyên
a) Thảo luận về dự toán ngân sách hằng năm với các cơ quan, đơn vị cùng cấp;	Giữ nguyên
b) Thảo luận về dự toán ngân sách năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp để xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp trên và ngân sách cấp dưới, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách các năm sau;	b) Thảo luận về dự toán ngân sách năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp để xác định về thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp trên và ngân sách cấp dưới, số bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách các năm sau;
c) Đối với các năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách, cơ quan tài chính tổ chức làm việc với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp khi Ủy ban nhân dân cấp đó đề nghị.	Bỏ
3. Trong quá trình thảo luận dự toán ngân sách, phương án phân bổ ngân sách, trường hợp có những khoản thu, chi trong dự toán chưa đúng quy định của pháp luật, chưa phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội thì cơ quan tài chính yêu cầu điều chỉnh lại, nếu còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan tài chính với các cơ quan, đơn vị cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp dưới thì cơ quan tài chính ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định; Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.	Giữ nguyên
4. Thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương:	Giữ nguyên
a) Chính phủ thảo luận, cho ý kiến vào dự thảo các báo cáo của Chính phủ do Bộ Tài chính trình trước khi trình Ủy ban thường vụ Quốc hội;	Giữ nguyên
b) Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội chủ trì thẩm tra các báo cáo của Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội;	b) Ủy ban Kinh tế và Tài chính , ngân sách của Quốc hội chủ trì thẩm tra các báo cáo của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội;
c) Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội và ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoàn chỉnh các báo cáo trình Quốc hội;	c) Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế và Tài chính , ngân sách của Quốc hội và ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoàn chỉnh các báo cáo trình Quốc hội;

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
d) Quốc hội thảo luận, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau. Trong quá trình thảo luận, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, trường hợp quyết định điều chỉnh thu, chi ngân sách, Quốc hội quyết định các giải pháp để bảo đảm cân đối ngân sách. 5. Trình tự, thủ tục thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định. 6. Việc xem xét, quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Chính phủ.	Giữ nguyên Giữ nguyên Bỏ quy định
Điều 47. Các tài liệu trình dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách 1. Tài liệu Chính phủ trình Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương gồm: a) Đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành; các căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương; những nội dung cơ bản và giải pháp nhằm thực hiện dự toán ngân sách nhà nước; b) Dự toán thu ngân sách nhà nước, kèm theo các giải pháp nhằm huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước; c) Dự toán chi ngân sách nhà nước, trong đó nêu rõ các mục tiêu, chương trình quan trọng của nền kinh tế quốc dân và các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước có liên quan đến ngân sách nhà nước; d) Bội chi ngân sách nhà nước và các nguồn bù đắp; tỷ lệ bội chi so với tổng sản phẩm trong nước; đ) Kế hoạch tài chính 05 năm đối với năm đầu kỳ kế hoạch; e) Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; g) Báo cáo thông tin về nợ công theo Luật quản lý nợ công, trong đó nêu rõ số nợ đến hạn phải trả, số nợ quá hạn phải trả, số lãi phải trả trong năm, số nợ sẽ phát sinh thêm do phải vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước, khả năng trả nợ trong năm và số nợ đến cuối năm; h) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, dự kiến kế hoạch tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do trung ương quản lý; i) Các chính sách và biện pháp cụ thể nhằm ổn định tài chính và ngân sách nhà nước; k) Danh mục, tiến độ thực hiện và mức dự toán đầu tư năm kế hoạch đối với các chương trình, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định;	Điều 45. Các tài liệu Chính phủ trình Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương Bỏ Giữ nguyên và chuyển thành khoản 1 Giữ nguyên và chuyển thành khoản 2 3. Dự toán chi ngân sách nhà nước, trong đó nêu rõ các ưu tiên chính sách, mục tiêu, chương trình quan trọng của nền kinh tế quốc dân và các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước có liên quan đến ngân sách nhà nước; Giữ nguyên và chuyển thành khoản 4 Giữ nguyên và chuyển thành khoản 5 Bỏ quy định 6. Báo cáo thông tin về nợ công theo Luật quản lý nợ công, trong đó nêu rõ số nợ đến hạn phải trả, số nợ quá hạn phải trả, số lãi phải trả trong năm, số nợ sẽ phát sinh thêm do phải vay để bù đắp bội chi, vay để trả nợ gốc ngân sách nhà nước, khả năng trả nợ trong năm và số nợ đến cuối năm; Giữ nguyên và chuyển thành khoản 7 Giữ nguyên và chuyển thành khoản 8 Giữ nguyên và chuyển thành khoản 9

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
l) Dự toán chi của từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo từng lĩnh vực; nhiệm vụ thu, chi, mức bội chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; m) Các tài liệu khác nhằm thuyết minh rõ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương; tình hình miễn, giảm thuế trong báo cáo dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội. 2. Chính phủ quy định tài liệu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp về dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương.	10. Dự toán chi của từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo từng lĩnh vực; nhiệm vụ thu, chi, mức bội chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 11. Các tài liệu khác nhằm thuyết minh rõ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương; tình hình miễn, giảm thuế trong báo cáo dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội. Bỏ quy định
Điều 48. Lập lại dự toán ngân sách nhà nước 1. Trong trường hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương chưa được Quốc hội quyết định, Chính phủ lập lại dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội vào thời gian do Quốc hội quyết định. 2. Trường hợp dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình chưa được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân lập lại dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình, trình Hội đồng nhân dân vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng không được chậm hơn thời hạn Chính phủ quy định.	Điều 46. Lập lại dự toán ngân sách nhà nước 1. Trong trường hợp dự toán ngân sách nhà nước hoặc phương án phân bổ ngân sách trung ương chưa được Quốc hội thông qua quyết định, Chính phủ lập lại dự toán đối với nội dung chưa được thông qua ngân sách nhà nước; phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội vào thời gian do Quốc hội quyết định. 2. Trường hợp dự toán ngân sách địa phương hoặc phương án phân bổ ngân sách cấp mình chưa được Hội đồng nhân dân thông qua quyết định, Ủy ban nhân dân lập lại dự toán đối với nội dung chưa được thông qua ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp mình, trình Hội đồng nhân dân vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng không được chậm hơn thời hạn Chính phủ quy định.
CHƯƠNG V: CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
Điều 49. Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước 1. Sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới trong trường hợp có ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi của mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Việc phân bổ và giao dự toán phải bảo đảm thời hạn và yêu cầu quy định tại Điều 50 của Luật này.	Điều 47. Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước 1. Sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới trong trường hợp có ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi của mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp; đồng thời gửi và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Việc phân bổ và giao dự toán phải bảo đảm thời hạn và yêu cầu quy định tại Điều 48 50 của Luật này.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
2. Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách. 3. Ngoài cơ quan có thẩm quyền giao dự toán ngân sách, không tổ chức hoặc cá nhân nào được thay đổi nhiệm vụ ngân sách đã được giao.	Phương án 1: Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực của dự toán được giao; các nhiệm vụ, đề án ngoài định mức đảm bảo thống nhất từ khâu lập đến khâu phân bổ dự toán. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách. Phương án 2: Căn cứ quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ (đối với đơn vị dự toán cấp I ở trung ương) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị dự toán cấp I ở địa phương), cơ quan tài chính có trách nhiệm thông báo tổng dự toán chi tiết các nội dung, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền đảm bảo thống nhất từ khâu lập đến khâu phân bổ dự toán. Căn cứ quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thông báo tổng dự toán chi tiết của cơ quan tài chính, các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi được giao; đúng chính sách chế độ, tiêu chuẩn định mức chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, tổng hợp. Trong quá trình tổng hợp kết quả phân bổ dự toán của các đơn vị dự toán cấp I (thực hiện trong quý I của năm ngân sách), cơ quan tài chính thực hiện đối chiếu số liệu phân bổ với tổng mức dự toán được giao và chi tiết từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao, trường hợp phát hiện phân bổ của đơn vị dự toán cấp I không phù hợp, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại như sau: án nhân bổ. Giữ nguyên
Điều 50. Yêu cầu và thời hạn về phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước 1. Việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải bảo đảm: a) Đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi được giao; b) Đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi; c) Phân bổ đủ vốn, kinh phí để thu hồi các khoản đã ứng trước dự toán đến hạn thu hồi trong năm, vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của các nhà tài trợ nước ngoài theo cam kết; d) Đối với phân bổ vốn đầu tư phát triển phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Đối với phân bổ các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng và thực hiện đúng các cam kết hoặc quy định về bố trí ngân sách địa phương cho mục tiêu đó.	Điều 48. Yêu cầu và thời hạn về phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên d) Đối với phân bổ vốn đầu tư phát triển phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan; Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
2. Thời hạn phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước: a) Đối với dự toán ngân sách được giao theo quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều 44 của Luật này, các đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm trước theo quy định tại khoản 8 Điều 44 của Luật này; b) Trường hợp được giao bổ sung dự toán, chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao dự toán bổ sung, đơn vị dự toán cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định.	Giữ nguyên a) Đối với dự toán ngân sách được giao theo quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 42 của Luật này, các đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm trước theo quy định tại khoản 7 Điều 42 của Luật này; b) Trường hợp được giao bổ sung dự toán, chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày được giao, đơn vị dự toán và Ủy ban nhân dân cấp dưới hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định; Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về quyết định việc giao dự toán bổ sung.
Điều 51. Tạm cấp ngân sách 1. Trong trường hợp vào đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, cơ quan tài chính và cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp theo chức năng thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi không thể trì hoãn được cho đến khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền quyết định: a) Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương; b) Chi nghiệp vụ phí và công vụ phí; c) Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới; d) Một số khoản chi cần thiết khác để bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, trừ các khoản mua sắm trang thiết bị, sửa chữa; đ) Chi cho dự án chuyển tiếp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; các dự án đầu tư chuyển tiếp quan trọng, cấp bách khác để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh. 2. Mức tạm cấp hàng tháng tối đa cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này không quá mức chi bình quân 01 tháng của năm trước. 3. Chi đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ chưa được dự toán hoặc vượt so với dự toán được giao, Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.	Điều 49. Tạm cấp ngân sách 1. Trong trường hợp vào đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, cơ quan tài chính và cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp theo chức năng thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi không thể trì hoãn được cho đến khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền quyết định: Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên 3. Chi đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ chưa được dự toán hoặc vượt so với dự toán được giao, Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.
Điều 52. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước 1. Điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước trong trường hợp có biến động về ngân sách so với dự toán đã phân bổ cần phải điều chỉnh tổng thể: a) Chính phủ lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước trình Quốc hội quyết định;	Điều 50. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước 1. Chính phủ lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước trong trường hợp có biến động làm tăng mức vay, bội chi ngân sách nhà nước so với dự toán đã phân bổ cần phải điều chỉnh tổng thể, trình Quốc hội quyết định. Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước và nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Bỏ

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
b) Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước và nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. 2. Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi của một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau: a) Dự kiến số thu không đạt dự toán được Quốc hội quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi; b) Có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần phải điều chỉnh. 3. Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau: a) Dự kiến số thu không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi; b) Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều này; c) Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới. 4. Chính phủ yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh dự toán ngân sách nếu việc bố trí ngân sách địa phương không phù hợp với nghị quyết của Quốc hội. 5. Ủy ban nhân dân yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh dự toán ngân sách nếu việc bố trí ngân sách địa phương không phù hợp với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp trên.	Bỏ 2. Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh nhiệm vụ dự toán thu, chi của một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nhưng không làm tăng mức vay, bội chi ngân sách nhà nước, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau: a) Số thu dự kiến không đạt hoặc tăng cần phải điều chỉnh nhiệm vụ chi so với dự toán được Quốc hội quyết định; Bổ sung thêm điểm b) Điều chỉnh cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên hoặc điều chỉnh các lĩnh vực chi đã được Quốc hội quyết định; c) Có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần phải điều chỉnh. Bổ sung thêm điểm d) Điều chỉnh mức vay, bội chi ngân sách giữa các địa phương đảm bảo trong tổng mức vay, bội chi ngân sách địa phương đã được Quốc hội quyết định. 3. Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau: a) Số thu dự kiến không đạt hoặc tăng cần phải điều chỉnh nhiệm vụ chi so với dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định Bổ sung thêm điểm b) Điều chỉnh cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên hoặc điều chỉnh các lĩnh vực chi đã được Hội đồng nhân dân quyết định; Bổ sung thêm điểm c) Có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc lý do khách quan cần tăng nguồn để thực hiện các chính sách, nhiệm vụ; d) Ủy ban Thường vụ Quốc hội Chính phủ quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều này; Giữ nguyên, chuyển thành điểm d Giữ nguyên Giữ nguyên
Điều 53. Điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách 1. Điều chỉnh dự toán ngân sách đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trong các trường hợp:	Điều 51. Điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
a) Do điều chỉnh dự toán ngân sách theo quy định tại Điều 52 của Luật này; b) Cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại dự toán theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật này; c) Đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị trực thuộc trong phạm vi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao. 2. Việc điều chỉnh dự toán phải bảo đảm các yêu cầu về phân bổ và giao dự toán quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật này. Sau khi thực hiện điều chỉnh dự toán, đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. 3. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.	a) Do điều chỉnh dự toán ngân sách theo quy định tại Điều 50 của Luật này; b) Cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại dự toán theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật này; Giữ nguyên 2. Việc điều chỉnh dự toán phải bảo đảm các yêu cầu về phân bổ và giao dự toán quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật này. Sau khi thực hiện điều chỉnh dự toán, đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Giữ nguyên
Điều 54. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước 1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm đề ra những biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng; chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính. 2. Mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải chấp hành nghĩa vụ nộp ngân sách theo đúng quy định của pháp luật; sử dụng kinh phí ngân sách đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả. 3. Cơ quan tài chính có trách nhiệm bảo đảm nguồn để thanh toán kịp thời các khoản chi theo dự toán.	Điều 52. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên
Điều 55. Tổ chức thu ngân sách nhà nước 1. Cơ quan thu ngân sách là cơ quan tài chính, cơ quan thuế, cơ quan hải quan và cơ quan khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước. 2. Chỉ cơ quan thu ngân sách được tổ chức thu ngân sách. 3. Cơ quan thu ngân sách có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan tổ chức thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Bộ Tài chính, cơ quan quản lý cấp trên, Ủy ban nhân dân và sự giám sát của Hội đồng nhân dân về công tác thu ngân sách tại địa phương; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm nghĩa vụ nộp ngân sách theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) Tổ chức quản lý và thực hiện thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước. Trường hợp được phép thu qua ủy nhiệm thu thì phải nộp đầy đủ, đúng thời hạn vào Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính;	Điều 53. Tổ chức thu ngân sách nhà nước Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên b) Tổ chức quản lý và thực hiện thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nộp trực tiếp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước. Trường hợp được phép thu qua ủy nhiệm thu thì phải nộp đầy đủ, đúng thời hạn vào Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính;

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
c) Cơ quan thu có trách nhiệm đơn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thu phải nộp vào ngân sách nhà nước; d) Kiểm tra, kiểm soát các nguồn thu của ngân sách; kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kê khai, thu, nộp ngân sách và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật. 4. Kho bạc Nhà nước được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng thương mại để tập trung các khoản thu của ngân sách nhà nước; hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách, điều tiết các khoản thu cho ngân sách các cấp theo đúng quy định.	c) Cơ quan thu có trách nhiệm đơn đốc; kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thu phải nộp vào ngân sách nhà nước; Giữ nguyên Giữ nguyên
Điều 56. Tổ chức chi ngân sách nhà nước 1. Các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán được bảo đảm kinh phí theo đúng tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao. 2. Đối với các dự án đầu tư và các nhiệm vụ chi cấp thiết khác được tạm ứng vốn, kinh phí để thực hiện các công việc theo hợp đồng đã ký kết. Mức vốn tạm ứng căn cứ vào giá trị hợp đồng và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và theo quy định của pháp luật có liên quan. Vốn, kinh phí tạm ứng được thu hồi khi thanh toán khối lượng, nhiệm vụ hoàn thành. 3. Ngân sách cấp dưới được tạm ứng từ ngân sách cấp trên để thực hiện nhiệm vụ chi theo dự toán ngân sách được giao trong trường hợp cần thiết. 4. Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ: a) Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định chi gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện; b) Cơ quan tài chính cấp dưới thực hiện rút số bổ sung từ ngân sách cấp trên tại Kho bạc Nhà nước. 5. Kho bạc Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật và thực hiện chi ngân sách khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này theo phương thức thanh toán trực tiếp hoặc tạm ứng theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. 6. Thủ trưởng cơ quan Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán, chi trả các khoản chi không đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.	Điều 54. Tổ chức chi ngân sách nhà nước Bỏ Giữ nguyên, chuyển thành khoản 1 Giữ nguyên, chuyển thành khoản 2 Giữ nguyên, chuyển thành khoản 3 Giữ nguyên Giữ nguyên 4. Kho bạc Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật và thực hiện chi ngân sách khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này theo phương thức thanh toán trực tiếp hoặc tạm ứng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Giữ nguyên, chuyển thành khoản 5
Điều 57. Ứng trước dự toán ngân sách năm sau	Điều 55. Ứng trước dự toán ngân sách năm sau

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
1. Ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện được ứng trước dự toán ngân sách năm sau để thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, các dự án cấp bách của trung ương và địa phương thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Mức ứng trước không quá 20% dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản năm thực hiện của các công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được phê duyệt. Khi phân bổ dự toán ngân sách năm sau, phải bố trí đủ dự toán để thu hồi hết số đã ứng trước; không được ứng trước dự toán năm sau khi chưa thu hồi hết số ngân sách đã ứng trước. 2. Chính phủ quy định chi tiết các nguyên tắc, tiêu chí và điều kiện ứng trước dự toán ngân sách năm sau.	1. Ngân sách các cấp trung ương, ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện được ứng trước dự toán ngân sách năm sau để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án quan trọng quốc gia, các dự án cấp bách của ngân sách cấp tỉnh và địa phương thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Mức ứng trước không vượt quá 20 30% tổng dự toán chi của chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư xây dựng cơ bản năm thực hiện của các công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được phê duyệt. Khi phân bổ dự toán ngân sách năm sau, phải bố trí đủ dự toán để thu hồi hết số đã ứng trước; không được ứng trước dự toán năm sau khi chưa thu hồi hết số ngân sách đã ứng trước. Giữ nguyên
Điều 58. Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách nhà nước 1. Trường hợp quỹ ngân sách trung ương thiếu hụt tạm thời thì được tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính trung ương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý và phải hoàn trả trong năm ngân sách; nếu quỹ dự trữ tài chính và các nguồn tài chính hợp pháp khác không đáp ứng được thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạm ứng cho ngân sách trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải được hoàn trả trong năm ngân sách, trừ trường hợp đặc biệt do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định. 2. Trường hợp quỹ ngân sách cấp tỉnh thiếu hụt tạm thời thì được tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính địa phương, quỹ dự trữ tài chính trung ương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý và phải hoàn trả trong năm ngân sách. 3. Trường hợp quỹ ngân sách cấp huyện và cấp xã thiếu hụt tạm thời thì được tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý và phải hoàn trả trong năm ngân sách.	Điều 56. Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách nhà nước 1. Trường hợp quỹ ngân sách trung ương thiếu hụt tạm thời thì được vay bù đắp thiếu hụt tạm thời tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính trung ương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý và phải hoàn trả trong năm ngân sách; nếu quỹ dự trữ tài chính, ngân quỹ nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác không đáp ứng được thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạm ứng cho ngân sách trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải được hoàn trả trong năm ngân sách, trừ trường hợp đặc biệt do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định. 2. Trường hợp quỹ ngân sách cấp tỉnh thiếu hụt tạm thời thì được vay bù đắp thiếu hụt tạm thời tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính địa phương, quỹ dự trữ tài chính trung ương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý và phải hoàn trả trong năm ngân sách. 3. Trường hợp quỹ ngân sách cấp huyện và cấp xã thiếu hụt tạm thời thì được vay bù đắp thiếu hụt tạm thời tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính địa phương, ngân sách cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý và phải hoàn trả trong năm ngân sách.
Điều 59. Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước 1. Trường hợp dự kiến số thu không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 52 của Luật này. 2. Số tăng thu, trừ tăng thu của ngân sách địa phương do phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách phải nộp về ngân sách cấp trên và số tiết kiệm chi ngân sách so với dự toán được sử dụng theo thứ tự ưu tiên như sau: a) Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;	Điều 57. Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước 1. Trường hợp dự kiến số thu không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 50 của Luật này. 2. Kết thúc năm ngân sách, trường hợp có tăng thu so với dự toán, số tăng thu trừ tăng thu của ngân sách địa phương do phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách phải nộp về ngân sách cấp trên và số tiết kiệm chi ngân sách dự toán chi còn lại của cấp ngân sách so với dự toán được sử dụng cho các nội dung sau theo thứ tự ưu tiên như sau: Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
b) Bổ sung quỹ dự trữ tài chính; c) Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương; d) Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội; d) Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng; e) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. Chính phủ lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi của ngân sách trung ương, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất. Đối với số tăng thu ngân sách địa phương do có phát sinh nguồn thu mới trong thời kỳ ổn định ngân sách thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 của Luật này. 3. Kết thúc năm ngân sách, trường hợp ngân sách địa phương hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan, sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định tại khoản 1 Điều này và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương thì ngân sách cấp trên hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách cấp trên. 4. Thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách: a) Trường hợp ngân sách trung ương tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương, ngân sách trung ương trích một phần theo tỷ lệ không quá 30% của số tăng thu thường cho các địa phương có tăng thu, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước. Căn cứ vào mức thường do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng số thường vượt thu được hưởng để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, thưởng cho ngân sách cấp dưới; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định về việc thường vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương.	b) Bổ sung tăng dự phòng ngân sách, tăng quỹ dự trữ tài chính; Giữ nguyên Bổ sung điểm d) Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng; d) Thực hiện một số chính sách, an sinh xã hội; các nhiệm vụ cần thiết khác chưa được bố trí dự toán ngân sách năm sau; bỏ quy định e) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. Chính phủ lập phương án sử dụng số tăng thu và số dự toán chi còn lại tiết kiệm chi của ngân sách trung ương, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi số dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất. Đối với số tăng thu ngân sách địa phương do có phát sinh nguồn thu mới trong thời kỳ ổn định ngân sách thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 của Luật này; Giữ nguyên 4. Thường vượt dự toán thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu cho các địa phương các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách: a) Trường hợp địa phương có số thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới đất liền tăng thu so với dự toán trung ương giao ngân sách trung ương tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương, ngân sách trung ương trích một phần theo tỷ lệ không quá 10% của số tăng thu thường cho các địa phương có tăng thu, nhưng tối đa 200 tỷ đồng và không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước. b) Căn cứ vào mức thường do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng số được thường vượt thu được hưởng để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án, công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn cửa khẩu của địa phương, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, thưởng cho ngân sách cấp dưới; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định về việc thường vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương.
Điều 60. Báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước 1. Cơ quan thuế và cơ quan hải quan các cấp định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. 2. Kho bạc Nhà nước định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.	Điều 58. Báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước 1. Cơ quan thuế và cơ quan hải quan các cấp định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. 2. Kho bạc Nhà nước định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
3. Đơn vị dự toán cấp I định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. 4. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan có liên quan về việc thực hiện thu, chi ngân sách địa phương; báo cáo cơ quan tài chính cấp trên về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo quy định của pháp luật. 5. Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 52 và khoản 2 Điều 59 của Luật này; báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình thực hiện ngân sách địa phương tại kỳ họp cuối năm và báo cáo đánh giá bổ sung tại kỳ họp giữa năm sau. 6. Ủy ban nhân dân cấp dưới định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cấp trên về thực hiện thu, chi ngân sách địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ báo cáo Bộ Tài chính về tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương. 7. Bộ Tài chính định kỳ báo cáo Chính phủ và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật 8. Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 52 và khoản 2 Điều 59 của Luật này; Chính phủ báo cáo Quốc hội tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước tại kỳ họp cuối năm và báo cáo đánh giá bổ sung về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách tại kỳ họp giữa năm sau.	3. Đơn vị dự toán cấp I định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Giữ nguyên 5. Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 50 và khoản 2 Điều 57 của Luật này; báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình thực hiện ngân sách địa phương tại kỳ họp cuối năm và báo cáo đánh giá bổ sung tại kỳ họp giữa năm sau. Giữ nguyên Giữ nguyên 8. Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 50 và khoản 2 Điều 57 của Luật này; Chính phủ báo cáo Quốc hội tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước tại kỳ họp cuối năm và báo cáo đánh giá bổ sung về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách tại kỳ họp giữa năm sau.
Điều 61. Quản lý, sử dụng ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách 1. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách. 2. Người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách có nhiệm vụ thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính - ngân sách, chế độ kế toán nhà nước, chế độ kiểm tra nội bộ và có trách nhiệm ngăn ngừa, phát hiện và kiến nghị thủ trưởng đơn vị, cơ quan tài chính cùng cấp xử lý đối với những trường hợp vi phạm.	Điều 59. Quản lý, sử dụng ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách Giữ nguyên 2. Người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách có nhiệm vụ thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính - ngân sách, chế độ kế toán pháp luật kế toán nhà nước, chế độ kiểm tra nội bộ và có trách nhiệm ngăn ngừa, phát hiện và kiến nghị thủ trưởng đơn vị, cơ quan tài chính cùng cấp xử lý đối với những trường hợp vi phạm.
Điều 62. Quản lý ngân quỹ nhà nước 1. Ngân quỹ nhà nước là toàn bộ các khoản tiền của Nhà nước có trên các tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại, tiền mặt tại các đơn vị Kho bạc Nhà nước. Ngân quỹ nhà nước được hình thành từ quỹ ngân sách các cấp và tiền gửi của các quỹ tài chính nhà nước, đơn vị, tổ chức kinh tế tại Kho bạc Nhà nước. 2. Kho bạc Nhà nước quản lý tập trung, thống nhất ngân quỹ nhà nước để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu thanh toán, chi trả của ngân sách nhà nước và các đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước; bảo đảm quản lý an toàn và sử dụng có hiệu quả ngân quỹ nhà nước. 3. Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.	Điều 60. Quản lý ngân quỹ nhà nước 1. Ngân quỹ nhà nước là toàn bộ các khoản tiền của Nhà nước có trên các tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại, tiền mặt tại các đơn vị Kho bạc Nhà nước. Ngân quỹ nhà nước được hình thành từ quỹ ngân sách các cấp và tiền gửi của quỹ dự trữ tài chính, eae-quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đơn vị, tổ chức kinh tế tại Kho bạc Nhà nước. 2. Cơ quan Kho bạc Nhà nước quản lý tập trung, thống nhất ngân quỹ nhà nước để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu thanh toán, chi trả của ngân sách nhà nước và các đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước; bảo đảm quản lý an toàn và sử dụng có hiệu quả ngân quỹ nhà nước. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
CHƯƠNG IV: KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
Điều 63. Kế toán, quyết toán ngân sách nhà nước 1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước phải tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán ngân sách nhà nước theo đúng chế độ kế toán nhà nước và quy định của Luật này. 2. Cơ quan tài chính có quyền tạm đình chỉ chi ngân sách của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách cùng cấp không chấp hành đúng chế độ báo cáo kế toán, quyết toán, báo cáo tài chính khác và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. 3. Kho bạc Nhà nước tổ chức hạch toán kế toán ngân sách nhà nước; tổng hợp số liệu thu, chi ngân sách nhà nước, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, các cơ quan có liên quan theo chế độ quy định.	Điều 61. Kế toán, quyết toán ngân sách nhà nước 1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước phải tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán ngân sách nhà nước theo đúng chế độ kế toán pháp luật kế toán nhà nước và quy định của Luật này. Giữ nguyên Giữ nguyên
Điều 64. Xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm 1. Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến thu, chi ngân sách thực hiện khoá sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước. 2. Thời gian chính lý quyết toán ngân sách nhà nước kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm sau. 3. Các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, đến hết năm ngân sách, kể cả thời gian chính lý quyết toán ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều này chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ một số khoản chi được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau: a) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công; b) Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán; c) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương; d) Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; đ) Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán; e) Kinh phí nghiên cứu khoa học.	Điều 62. Xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm 1. Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến thu, chi ngân sách thực hiện khoá sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước. Giữ nguyên 3. Các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, đến hết năm ngân sách, kể cả thời gian chính lý quyết toán ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều này chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ một số khoản chi được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau: Đổi điểm đ cũ thành điểm a mới: a) Các khoản dự toán được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi; b) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật đầu tư công; c) Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán; đ) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội; Giữ nguyên và chuyển thành điểm đ Đổi lên thành điểm a mới c) Kinh phí nghiên cứu chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Bổ sung điểm g) Chi mua tăng, mua bù hàng dự trữ quốc gia;

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
4. Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này, trường hợp phương án được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang ngân sách năm sau để thực hiện. 5. Chính phủ quy định chi tiết việc chuyển nguồn sang ngân sách năm sau.	Bổ sung điểm h) Các khoản chi viện trợ cho các Chính phủ nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền giao dự toán; Bổ sung điểm i) Các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam đã được xác định nhiệm vụ chi cụ thể; Bổ sung điểm k) Các khoản kinh phí phải hoàn trả ngân sách cấp trên theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán. 4. Các khoản tăng thu, tiết kiệm dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Luật này, trường hợp phương án được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang ngân sách năm sau để thực hiện. Giữ nguyên
Điều 65. Yêu cầu quyết toán ngân sách nhà nước 1. Số liệu quyết toán ngân sách nhà nước phải chính xác, trung thực, đầy đủ. 2. Số quyết toán thu ngân sách nhà nước là số thu đã thực nộp và số thu đã hạch toán thu ngân sách nhà nước theo quy định. Các khoản thu thuộc ngân sách các năm trước nộp ngân sách năm sau phải hạch toán vào thu ngân sách năm sau. Số quyết toán chi ngân sách nhà nước là số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quy định. 3. Số liệu quyết toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách, của chủ đầu tư và của ngân sách các cấp phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. 4. Nội dung báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo mục lục ngân sách nhà nước. 5. Báo cáo quyết toán của ngân sách cấp huyện, cấp xã không được quyết toán chi ngân sách lớn hơn thu ngân sách. 6. Báo cáo quyết toán của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp trên, ngân sách các cấp phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, lĩnh vực, chương trình, mục tiêu được giao phụ trách. 7. Báo cáo quyết toán của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của quỹ. 8. Những khoản thu ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật phải được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã nộp; những khoản thu ngân sách nhà nước nhưng chưa thu phải được truy thu đầy đủ cho ngân sách; những khoản chi ngân sách nhà nước không đúng với quy định của pháp luật phải được thu hồi đủ cho ngân sách.	Điều 63. Yêu cầu quyết toán ngân sách nhà nước Giữ nguyên 2. Số quyết toán thu ngân sách nhà nước là số thu đã thực nộp và số thu đã hạch toán thu ngân sách nhà nước theo quy định. Các khoản thu thuộc ngân sách các năm trước nộp ngân sách năm sau phải hạch toán vào thu ngân sách năm sau. Số quyết toán chi ngân sách nhà nước là số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quy định. Giữ nguyên 4. Nội dung báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo mục lục ngân sách nhà nước; chi từ các khoản viện trợ không hoàn lại được quyết toán theo thực tế giải ngân. 5. Báo cáo quyết toán của ngân sách cấp huyện cấp xã không được quyết toán chi ngân sách lớn hơn thu ngân sách. Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
	Bổ sung Điều 64. Lập quyết toán ngân sách nhà nước của đơn vị sử dụng ngân sách và chủ đầu tư 1. Đơn vị sử dụng ngân sách lập quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước của đơn vị mình gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp. 2. Chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư phát triển, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia: a) Kết thúc năm ngân sách phải báo cáo quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn ngân sách, tình hình sử dụng vốn và giá trị khối lượng hoàn thành đã được quyết toán trong năm, gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư phát triển, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan tài chính cùng cấp; b) Khi chương trình, dự án đầu tư phát triển và chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia hoàn thành phải lập báo cáo quyết toán toàn bộ nguồn vốn, quyết toán nguồn vốn ngân sách kèm theo báo cáo thuyết minh tình hình sử dụng vốn gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư phát triển và cơ quan có thẩm quyền xét duyệt báo cáo quyết toán công trình đầu tư phát triển, chương trình, dự án theo chế độ quy định; c) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, ngoài các quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải lập báo cáo quyết toán trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội.
Điều 66. Duyệt quyết toán ngân sách nhà nước 1. Việc xét duyệt quyết toán năm được thực hiện theo các nội dung sau: a) Xét duyệt từng khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị; b) Các khoản thu phải theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các chế độ thu khác của Nhà nước; c) Các khoản chi phải bảo đảm các điều kiện chi quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này; d) Các khoản thu, chi phải hạch toán theo đúng chế độ kế toán nhà nước, đúng mục lục ngân sách nhà nước, đúng niên độ ngân sách; đ) Các chứng từ thu, chi phải hợp pháp. Số liệu trong sổ kế toán và báo cáo quyết toán phải khớp với chứng từ và khớp với số liệu của Kho bạc Nhà nước. 2. Cơ quan xét duyệt quyết toán năm: a) Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định; b) Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách thì cơ quan tài chính cùng cấp duyệt quyết toán ngân sách theo quy định đối với đơn vị dự toán cấp I cùng cấp. 3. Khi xét duyệt quyết toán, cơ quan xét duyệt có quyền:	Điều 65. Xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm Bổ sung khoản 1. Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt, ra thông báo duyệt quyết toán đối với đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc. 2. Việc xét duyệt quyết toán năm được thực hiện theo các nội dung sau: a) Xét duyệt từng khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị bảo đảm các điều kiện thu, chi quy định tại Điều 12 của Luật này và phải hạch toán theo đúng pháp luật kế toán nhà nước, đúng mục lục ngân sách nhà nước, đúng niên độ ngân sách; Bỏ Bỏ Bỏ b) Các chứng từ thu, chi phải hợp pháp. Số liệu trong sổ kế toán và báo cáo quyết toán phải khớp với chứng từ và khớp với số liệu của Kho bạc Nhà nước. Bỏ Bỏ Bỏ Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
a) Đề nghị Kiểm toán nhà nước hoặc thuê đơn vị kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật kiểm toán các báo cáo quyết toán của các dự án, chương trình mục tiêu có quy mô lớn để có thêm căn cứ cho việc xét duyệt; b) Yêu cầu đơn vị giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu cần thiết để thực hiện việc xét duyệt quyết toán; c) Yêu cầu đơn vị nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng dự toán được duyệt; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với thủ trưởng đơn vị chi sai chế độ, gây thất thoát ngân sách nhà nước; d) Điều chỉnh những sai sót hoặc yêu cầu đơn vị cấp dưới lập lại báo cáo quyết toán nếu thấy cần thiết. 4. Kết thúc việc xét duyệt quyết toán năm, đơn vị dự toán cấp trên ra thông báo duyệt quyết toán gửi đơn vị dự toán cấp dưới; đối với đơn vị dự toán cấp I gửi đơn vị dự toán cấp dưới và gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thẩm định theo quy định. Cơ quan tài chính ra thông báo xét duyệt quyết toán đối với các đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách. 5. Thủ trưởng đơn vị xét duyệt quyết toán phải chịu trách nhiệm về kết quả duyệt quyết toán, nếu để xảy ra vi phạm mà không phát hiện hoặc đã phát hiện nhưng không xử lý sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên Bỏ Bỏ Giữ nguyên, thành khoản 4 Bổ sung thêm khoản 5. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính để kiểm tra về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quyết toán ngân sách của đơn vị mình.
Điều 67. Thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước 1. Cơ quan thẩm định quyết toán: a) Cơ quan tài chính các cấp thẩm định quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp mình, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 66 của Luật này; b) Cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện thẩm định quyết toán năm của ngân sách cấp dưới; c) Đối với quyết toán ngân sách năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính không thẩm định. 2. Cơ quan tài chính các cấp thẩm định quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp mình theo các nội dung sau:	Điều 66. Thẩm định Tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước (nội dung mới) 1. Cơ quan tổng hợp quyết toán: a) Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp; đối với đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp; b) Cơ quan tài chính các cấp tổng hợp quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp mình và quyết toán năm của ngân sách cấp dưới. 2. Trong quá trình tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước, trường hợp phát hiện có sai sót, đơn vị dự toán cấp trên yêu cầu đơn vị dự toán cấp dưới điều chỉnh lại số liệu; cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới trình Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh lại số liệu. Trường hợp phát hiện sai phạm, đơn vị dự toán cấp trên, cơ quan tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
a) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng giữa các số liệu quyết toán theo quy định; bảo đảm khớp đúng giữa số liệu quyết toán của đơn vị dự toán cấp I với các thông báo duyệt quyết toán của cơ quan, đơn vị trực thuộc và xác nhận số liệu của Kho bạc Nhà nước; b) Xem xét, xác định tính chính xác và hợp pháp của số liệu quyết toán của các khoản tăng, giảm so với dự toán được giao; c) Nhận xét về quyết toán năm. 3. Cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện thẩm định quyết toán ngân sách cấp dưới theo các nội dung sau: a) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng giữa các số liệu quyết toán theo quy định; b) Xem xét, xác định tính chính xác và hợp pháp của số liệu quyết toán của các khoản tăng, giảm so với dự toán được giao; c) Nhận xét về quyết toán năm. 4. Khi thẩm định quyết toán, cơ quan tài chính có quyền: a) Yêu cầu đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính cấp dưới bổ sung thông tin và số liệu cần thiết cho việc thẩm định quyết toán; b) Yêu cầu cơ quan có trách nhiệm xuất toán, thu hồi các khoản chi không đúng chế độ và yêu cầu nộp ngay các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định; c) Yêu cầu cơ quan xét duyệt quyết toán điều chỉnh lại số liệu quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách nếu có sai sót; d) Yêu cầu hoàn trả hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền yêu cầu hoàn trả các khoản đã nộp ngân sách không đúng quy định của pháp luật. 5. Kết thúc quá trình thẩm định quyết toán năm, cơ quan tài chính ra thông báo thẩm định quyết toán kèm theo nhận xét, kiến nghị gửi đơn vị dự toán cấp I hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới để thực hiện. Trường hợp phát hiện có sai sót, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại số liệu quyết toán; đối với quyết toán ngân sách cấp dưới, cơ quan tài chính cấp trên yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp dưới trình Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh lại số liệu quyết toán. Trường hợp phát hiện sai phạm, cơ quan tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. 6. Đối với quyết toán ngân sách của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong quá trình tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước, trường hợp phát hiện có sai sót, Bộ Tài chính yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh lại số liệu. Trường hợp phát hiện sai phạm, Bộ Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.	
Điều 68. Lập quyết toán ngân sách nhà nước của đơn vị dự toán ngân sách và chủ đầu tư	Bỏ

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
1. Đơn vị sử dụng ngân sách lập quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước của đơn vị mình gửi cơ quan dự toán cấp trên trực tiếp. 2. Chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia: a) Kết thúc năm ngân sách phải báo cáo quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn ngân sách, tình hình sử dụng vốn và giá trị khối lượng hoàn thành đã được quyết toán trong năm, gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan tài chính cùng cấp; b) Khi chương trình, dự án xây dựng cơ bản và chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia hoàn thành phải lập báo cáo quyết toán toàn bộ nguồn vốn, quyết toán nguồn vốn ngân sách kèm theo báo cáo thuyết minh tình hình sử dụng vốn gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản và cơ quan có thẩm quyền xét duyệt báo cáo quyết toán công trình xây dựng cơ bản, chương trình, dự án theo chế độ quy định; c) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, ngoài các quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải lập báo cáo quyết toán trình Chính phủ xem xét đề trình Quốc hội. 3. Căn cứ vào quyết toán của đơn vị sử dụng ngân sách đã được duyệt, đơn vị dự toán cấp trên lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp; đối với đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Đơn vị dự toán cấp I quy định thời hạn các đơn vị dự toán trực thuộc gửi báo cáo quyết toán, nhưng phải bảo đảm gửi báo cáo quyết toán cho cơ quan tài chính cùng cấp theo thời hạn quy định.	Bỏ Bỏ Bỏ Bỏ Bỏ Bỏ
Điều 69. Thời hạn và trình tự quyết toán ngân sách địa phương 1. Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước, kết quả xét duyệt, thẩm định đối với quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp mình và báo cáo quyết toán ngân sách cấp dưới đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, cơ quan tài chính ở địa phương tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cùng cấp. 2. Ủy ban nhân dân gửi báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đến Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra; đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp. 3. Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết toán ngân sách địa phương để cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân. 4. Báo cáo quyết toán ngân sách của Ủy ban nhân dân và báo cáo thẩm tra của Ban của Hội đồng nhân dân được gửi đến các đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân.	Điều 67. Thời hạn và trình tự quyết toán ngân sách địa phương 1. Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước, kết quả xét duyệt, thẩm định tổng hợp đối với quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp mình và báo cáo quyết toán ngân sách cấp dưới đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, cơ quan tài chính ở địa phương tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cùng cấp. Bỏ 2. Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết toán ngân sách địa phương để cho ý kiến và tiếp thu, hoàn chỉnh để trình trước khi trình Hội đồng nhân dân. Bỏ

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
5. Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, lập quyết toán ngân sách huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương trước ngày 31 tháng 12 năm sau. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và quy định cụ thể thời hạn Ủy ban nhân dân gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến các cơ quan quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. 6. Trong trường hợp quyết toán các cấp ngân sách ở địa phương chưa được Hội đồng nhân dân phê chuẩn thì Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan Kiểm toán nhà nước đã thực hiện kiểm toán ngân sách cấp đó phải tiếp tục làm rõ những nội dung Hội đồng nhân dân yêu cầu và trình lại vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng không được chậm hơn 30 ngày so với thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này.	3. Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình trước ngày 31 tháng 3 năm sau, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh chậm nhất là sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, lập quyết toán ngân sách huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương trước ngày 31 tháng 12 năm sau. Bỏ 4. Trong trường hợp quyết toán các cấp ngân sách các cấp ở địa phương chưa được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, thì Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan Kiểm toán nhà nước đã thực hiện kiểm toán ngân sách cấp đó phải tiếp tục làm rõ những nội dung Hội đồng nhân dân yêu cầu và trình lại vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng chậm nhất sau 10 ngày làm việc không được chậm hơn 30 ngày so với thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này.
Điều 70. Thời hạn và trình tự quyết toán ngân sách nhà nước 1. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước trước ngày 01 tháng 10 năm sau. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trước ngày 01 tháng 10 năm sau. 3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết toán ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước. 4. Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước, kết quả thẩm định báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, Bộ Tài chính tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ và gửi Kiểm toán nhà nước chậm nhất là 14 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách. 5. Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất là 16 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách để cho ý kiến trước khi trình Quốc hội. 6. Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước của Chính phủ được gửi đến các đại biểu Quốc hội chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Quốc hội. 7. Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất là 18 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.	Điều 68. Thời hạn và trình tự quyết toán ngân sách nhà nước 1. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước trước ngày 20 tháng 7 năm sau. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn trước ngày 20 tháng 7 năm sau. Bỏ 3. Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước, kết quả thẩm định báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, Bộ Tài chính tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ và gửi Kiểm toán nhà nước chậm nhất ngày 01 tháng 9 năm sau là 14 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách. 4. Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 20 tháng 9 năm sau là 16 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách để cho ý kiến và tiếp thu, hoàn chỉnh để trình Quốc hội trước khi trình Quốc hội. Bỏ 5. Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước vào kỳ họp cuối năm sau chậm nhất là 18 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
8. Trình tự, thủ tục thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.	Giữ nguyên, chuyển thành khoản 6
9. Trong trường hợp quyết toán ngân sách nhà nước chưa được Quốc hội phê chuẩn thì Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và cơ quan Kiểm toán nhà nước phải tiếp tục làm rõ những nội dung Quốc hội yêu cầu để trình Quốc hội vào thời gian do Quốc hội quyết định.	Giữ nguyên, chuyển thành khoản 7
Điều 71. Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước, báo cáo quyết toán ngân sách địa phương 1. Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trước khi trình Quốc hội xem xét, phê chuẩn. 2. Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trước khi gửi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê chuẩn.	Điều 69. Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước, báo cáo quyết toán ngân sách địa phương Giữ nguyên Giữ nguyên
Điều 72. Xử lý kết dư ngân sách nhà nước 1. Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được sử dụng để chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước. Trường hợp còn kết dư ngân sách thì trích 50% vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp; trích 50% còn lại vào thu ngân sách năm sau; trường hợp quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức 25% dự toán chi ngân sách hằng năm thì số kết dư còn lại hạch toán vào thu ngân sách năm sau. 2. Kết dư ngân sách cấp huyện, cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau.	Điều 70. Xử lý kết dư ngân sách nhà nước 1. Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được sử dụng để chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước. Trường hợp còn kết dư ngân sách thì trích 50% vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp; trích 50% còn lại vào thu ngân sách năm sau; trường hợp quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức 25% dự toán chi ngân sách hằng năm thì số kết dư còn lại hạch toán vào thu ngân sách năm sau. 2. Kết dư ngân sách cấp huyện, cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau. 2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.
Điều 73. Xử lý các khoản thu, chi ngân sách nhà nước không đúng quy định sau khi quyết toán ngân sách nhà nước được phê chuẩn Sau khi quyết toán ngân sách nhà nước và ngân sách các cấp chính quyền địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, trường hợp phát hiện thu, chi ngân sách không đúng quy định thì thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 8 Điều 65 của Luật này và được quyết toán vào ngân sách năm xử lý.	Điều 71. Xử lý các khoản thu, chi ngân sách nhà nước không đúng quy định sau khi quyết toán ngân sách nhà nước được phê chuẩn Sau khi quyết toán ngân sách nhà nước và ngân sách các cấp chính quyền địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, trường hợp phát hiện thu, chi ngân sách không đúng quy định thì thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 8 Điều 63 của Luật này và được quyết toán vào ngân sách năm xử lý.
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 74. Hướng dẫn thi hành đối với một số nội dung đặc thù 1. Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam, một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại và một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với Thành phố Hồ Chí Minh, một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.	Điều 72. Hướng dẫn thi hành đối với một số nội dung đặc thù Giữ nguyên

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã cập nhật Điều 4 Luật số 56/2024/QH15)	Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi)
2. Thành phố Hà Nội thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù theo quy định của Luật Thủ đô.	2. Thành phố Hà Nội thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù theo quy định của Luật Thủ đô. Khoản 1, 2 và khoản 7 Điều 34 Luật Thủ đô hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.
Điều 75. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với quyết toán ngân sách các năm 2015, 2016, áp dụng theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11. 2. Thời kỳ ổn định ngân sách 2011 - 2015 được kéo dài đến hết năm 2016. Thời kỳ ổn định ngân sách tiếp theo được tính từ năm 2017 đến năm 2020. Đối với dự toán ngân sách năm 2016 của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các địa phương thực hiện như sau: a) Đối với dự toán ngân sách chi thường xuyên, áp dụng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; b) Đối với dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển, áp dụng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển năm 2016 phải nằm trong khung kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 và được bố trí cân đối phù hợp với tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước năm 2016 so với năm 2015.	Điều 73. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với quyết toán ngân sách năm 2024, quy trình, cơ sở lập dự toán ngân sách năm 2026 áp dụng theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 2. Đối với quy định về phân chia khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 34 Luật này được thực hiện từ năm ngân sách 2026.
Điều 76. Hiệu lực thi hành 1. Luật này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017. 2. Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.	Điều 74. Hiệu lực thi hành 1. Luật này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 20172026. 2. Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.
Điều 77. Quy định chi tiết Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.	Điều 75. Quy định chi tiết Giữ nguyên